



ISSN: 1859 - 042X

Số 3
2016

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

KHU DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN HÙNG:

**Phát huy giá trị văn hóa dân tộc
gắn với bảo vệ môi trường**



CẦN BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ

Di sản thiên nhiên độc đáo của Hà Nội

Ô nhiễm không khí tại Việt Nam – Có thật sự đáng lo ngại ?

TRONG SỐ NÀY



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [10] HOÀNG DƯƠNG TÙNG: Ô nhiễm không khí tại Việt Nam – Có thật sự đáng lo ngại ?
- [13] ĐOÀN THỊ THANH MỸ: Quản lý tổng hợp, thống nhất biển và hải đảo Việt Nam đảm bảo sự phát triển bền vững
- [15] VŨ NHUNG: Sản xuất và tiêu dùng bền vững thúc đẩy sử dụng các nguồn tài nguyên và năng lượng hiệu quả
- [17] NGUYỄN ĐÌNH ANH: Đà Nẵng đẩy mạnh phong trào thi đua góp phần xây dựng thành phố môi trường
- [20] ĐỖ THÁI HÒA: Hà Giang thực hiện tốt công tác BVMT và chủ động ứng phó với BĐKH
- [22] ĐỨC ANH: Ninh Bình: Đẩy mạnh công tác BVMT nông nghiệp, nông thôn



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [3] GIÁNG HƯƠNG: Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý chất thải và 3R
- [4] HỒNG NHUNG: Hội nghị cấp cao Đông Á lần thứ 7 về thành phố môi trường bền vững
- [4] HUƠNG MAI: Tăng cường quản lý môi trường nước lưu vực sông
- [5] VŨ NHUNG: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT
- [7] P. LINH: Giờ Trái đất 2016: Thắp sáng hành động vì biến đổi khí hậu
- [8] BÙI HẰNG: Khu di tích Đền Hùng: Phát huy giá trị văn hóa dân tộc gắn với bảo vệ môi trường

17



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [25] PHẠM NGỌC ĐĂNG: Đánh giá mức độ ô nhiễm không khí ở Hà Nội và đề xuất một số giải pháp
- [28] ĐẶNG HUY HUỖNH: Cần bảo tồn và sử dụng bền vững Vườn quốc gia Ba Vì - Di sản thiên nhiên độc đáo của Hà Nội
- [31] PHƯƠNG NGÂN: Cần bảo vệ và bảo tồn các loài rùa biển Việt Nam
- [32] TRẦN LÊ HÀ: Rừng lặng
- [33] VŨ CÔNG LÂN: Kinh nghiệm quản lý cảnh quan tổng hợp cho các nhà hoạch định chính sách



- [35] TRẦN THU TRANG: Xử lý chất thải từ chế biến tinh bột sắn bằng phương pháp sinh học
- [36] NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Triển khai đồng bộ các giải pháp BVMT nông thôn trước áp lực gia tăng ô nhiễm
- [38] PHÙNG THỊ QUỲNH TRANG: Thúc đẩy cơ chế và chính sách áp dụng sản xuất sạch hơn ở Việt Nam
- [40] ĐỖ HUYỀN: Ứng dụng mô hình công nghệ sinh thái trong sản xuất lúa tại đồng bằng sông Cửu Long



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [41] PHƯƠNG TÂM: Coca - Cola Việt Nam: Tạo niềm tin từ trách nhiệm BVMT và an sinh xã hội
- [42] TRẦN HỮU HẢI: Vedan thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ
- [43] HƯƠNG TRẦN: Nhà máy giấy Giao Long: Tiết kiệm năng lượng song hành với BVMT



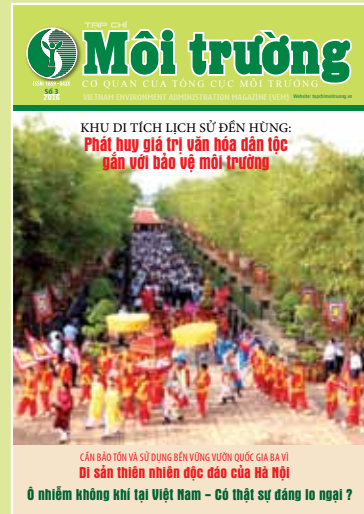
MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [44] MAI HƯƠNG: Dấu ấn 10 năm hoạt động của Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam
- [45] GIA LINH: Na Hang - Tiềm năng du lịch của mảnh đất xứ Tuyên
- [47] LÊ THƯƠNG: Phú Thọ tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững
- [48] T.HẰNG - MINH TÙNG: Tăng cường bảo vệ rừng quốc gia Đền Hùng
- [49] MINH KHÔI - N.HIỀN: Trải nghiệm vùng Miệt Thứ - U Minh
- [50] ĐẶNG THỊ THANH THỦY: Hiệu quả từ mô hình giáo dục và truyền thông về VPA - ELEGT ở khu vực miền Trung



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [52] LƯU TRANG: Chiến lược quốc gia của Malaixia về bảo tồn đa dạng sinh học
- [54] TRUNG THẢO: Ngày quốc tế về rừng: 10 sự thật thú vị về rừng



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)

GS. TS. Bùi Cách Tuyến
TS. Nguyễn Thế Đồng
TS. Hoàng Dương Tùng
TS. Mai Thanh Dung
GS. TS. Đặng Kim Chi
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trinh
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

TÒA SOẠN

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: **(04) 66569135**
Phòng Biên tập: **(04) 61281446**
Fax: (04) 39412053
Email: tcbvmt@yahoo.com.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: **Lễ Hội Đền Hùng**

Ảnh: **TTXVN**

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thiết kế In thương mại T&V

Số 3/2016

Giá: 15.000đ



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẮC GIANG

Địa chỉ: Xã Hương Sơn - Huyện Lạng Giang - Tỉnh Bắc Giang

Điện Thoại: 0240 363 6775 - Fax: 0240 3636 707

Website: ximangbacgiang.com.vn - Email: ximangbg@gmail.com

Tổng Giám đốc: Nguyễn Văn Thanh



Công ty cổ phần xi măng Bắc Giang tiền thân là doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo QĐ số 1090/CT ngày 29/11/1994 của chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc. Thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp của Đảng và Nhà nước, tháng 01/2005 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 28/QĐ-CT ngày 07/01/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Với mục tiêu “Chất lượng Quyết định sự tồn tại và phát triển” Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Giang đã và đang không ngừng tạo dựng uy tín, niềm tin và mang lại giá trị bền vững cho Khách hàng. Công ty cổ phần xi măng Bắc Giang không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Từ cuối năm 2012

Công ty đã đầu tư thành công dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 1.200 tấn clanhke/ngày, bằng Công nghệ sản xuất xi măng hiện đại của Châu Âu được điều khiển tự động hoá cao, sản xuất những sản phẩm xi măng tốt nhất và thân thiện với môi trường.

Trải qua trên 20 năm xây dựng và phát triển với đội ngũ cán bộ Kỹ sư, công nhân lành nghề năng động, sáng tạo đầy nhiệt huyết. Với sản phẩm Xi măng Bắc Giang bao, xi măng rời PCB30, PCB40 phù hợp TCVN 6260 : 2009, sản phẩm xi măng xây trát MC phù hợp TCVN 9202 : 2012 và sản phẩm Clanhke lò quay Cpc50 phù hợp TCVN 7024 : 2013 được kháng định thương hiệu ngày càng có uy tín và được kháng định trên thị trường với chất lượng vượt trội, ổn định và luôn đáp ứng nhu cầu của Quý Khách hàng

Với mong muốn hợp tác cùng phát triển, Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Giang luôn cam kết cung cấp các sản phẩm xi măng với chất lượng cao và dịch vụ tốt nhất.

Nhân dịp kỷ niệm 41 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2016) và Kỷ niệm 130 năm ngày Quốc tế Lao động (1.5.1886 - 1.5.2016)

Kính chúc Quý khách hàng Sức Khỏe - Hạnh phúc và Thành đạt !



TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI

Vietnam Motor Vehicle Testing Center - VMTC

CÔNG TY TNHH ĐẠI NAM

Địa chỉ: Đông Kết - Khoái Châu - Hưng Yên

◆ Tổ chức thực hiện công tác thử nghiệm và tham gia xây dựng các văn bản pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan tới các loại xe cơ giới (ôtô, mô tô, xe máy), xe máy chuyên dùng; các linh kiện sử dụng trên các loại phương tiện xe cơ giới, mũ bảo hiểm, các thiết bị an toàn khác sử dụng trong giao thông vận tải.

- ◆ Tổ chức, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học
- ◆ Nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực thử nghiệm mới



▲ **Trụ sở chính :**
Địa chỉ : Số 18 Phạm Hùng - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại : 0437684715 * fax : 0437683599
Email : vmtc@hn.vni.vn * website : http://vr.org.vn/vmtc

▲ **Văn phòng đại diện :**
Số 35/10 đường D5 - phường 25 - Quận Bình Thạnh - Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại : 0835129970 * fax : 0835129970

▲ **Chi nhánh thử nghiệm phía Nam :**
Địa chỉ : Công số 1 - Sân bay Biên Hòa Đồng Nai
Số điện thoại : (061)8820232 * fax : (061)8820232



Chào Mừng

*Kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam 30/4
và Quốc tế Lao động 1/5*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ CHU LẠI

Địa chỉ: Thôn Đình Thước, Xã Tam Nghĩa, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỎ ĐỎ

Địa chỉ: Km 1-800 đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Hà Phòng

CÔNG TY TNHH TIỀN LAM

Địa chỉ: Thôn 1, Phường Phương Nam, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỢ HỢP



*Kỷ niệm 41 năm ngày Giải phóng miền Nam
(30/4/1975 - 30/4/2016) và Ngày Quốc tế Lao động 1/5*



Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý chất thải và 3R



▲ Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân phát biểu tại Hội thảo

Từ ngày 9 - 11/3/2016, tại Hà Nội, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (Bộ TN&MT) phối hợp với Hiệp hội Tuần hoàn vật chất và Quản lý chất thải Nhật Bản (JSMCWM), Hiệp hội Quản lý chất thải Hàn Quốc tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế Tuần hoàn vật chất và quản lý chất thải lần thứ 3 (3RINCs).

Tăng trưởng xanh, phát triển nền kinh tế phát thải các-bon thấp đã, đang và sẽ trở thành định hướng phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Một trong những công cụ đạt được tăng trưởng xanh là quản lý tổng hợp chất thải, xem chất thải là tài nguyên thông qua các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế (3R), góp phần giảm khối lượng chất

Hội nghị khoa học quốc tế tuần hoàn vật chất và quản lý chất thải 3RINCs là Hội nghị khoa học thường niên được Hiệp hội Tuần hoàn vật chất và Quản lý chất thải Nhật Bản (JSMCWM) phối hợp với Bộ Môi trường Nhật Bản (MOEJ), Trung tâm Phát triển vùng Liên hợp quốc (UNCRD) và Viện Chiến lược Môi trường toàn cầu (IGES) tổ chức. Hội nghị 3RINCs lần đầu tiên được tổ chức thành công năm 2014 tại Kyoto, Nhật Bản với 400 đại biểu đến từ 37 quốc gia. Hội nghị 3RINCs lần thứ 2 được tổ chức tại Deajeon, Hàn Quốc năm 2015.

thải phải chôn lấp, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý chất thải, thời gian qua, Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về BVMT, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn năm 2050. Các chiến lược này đã nhấn mạnh các nhiệm vụ và giải pháp thúc đẩy 3R, hướng tới tăng trưởng xanh và phát

triển bền vững. Cùng với việc đẩy mạnh các nỗ lực trong nước, Việt Nam cũng tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về 3R.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã trao đổi, thảo luận về những lợi ích quan trọng của 3R, các cơ chế chính sách, thách thức về 3R, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý chất thải và 3R của các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo đó, Hội nghị đã đưa ra các giải pháp như hoàn thiện thể chế chính sách về BVMT và quản lý chất thải, có chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tái chế chất thải; kêu gọi đầu tư trong ngành công nghiệp, xử lý, tái chế chất thải; tăng cường hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ về tái chế chất thải; nâng cao trách nhiệm của nhà sản xuất, cũng như nhận thức của người tiêu dùng về phân loại chất thải và sử dụng các sản phẩm tái chế; thiết lập hệ thống thu gom, tái chế chất thải bền vững...

GIÁNG HƯƠNG





HỘI NGHỊ CẤP CAO ĐÔNG Á LẦN THỨ 7 VỀ THÀNH PHỐ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG



Trong hai ngày 3 - 4/3/2016, tại Hà Nội đã diễn ra Hội nghị cấp cao Đông Á lần thứ 7 về TP môi trường bền vững. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ TN&MT Việt Nam Võ Tuấn Nhân; Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản Masaaki Kobayashi; đại diện của Mỹ và các nước khu vực Đông Á...

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân cho biết, Việt

Nam đã có 3 TP là Hạ Long, Đà Nẵng và Huế được nhận giải thưởng về TP môi trường bền vững của ASEAN. Ngoài ra, trong khuôn khổ hỗ trợ của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF), Bộ TN&MT đang phối hợp với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) xây dựng

để xuất dự án TP bền vững và chống chịu với biến đổi khí hậu nhằm tăng cường năng lực về thể chế, chính sách và đầu tư nguồn lực giải quyết các thách thức về ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ở các đô thị. Qua đó, sẽ nghiên cứu xây dựng những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích và định hướng phát triển mô hình TP môi trường bền vững ở Việt Nam trong tương lai.

Tại Hội nghị, các đại biểu đều cho rằng việc giải quyết các vấn đề môi trường đi đôi với phát triển kinh tế tại các TP đóng vai trò quan trọng. Đồng thời, cùng trao đổi, thảo luận cách thức hợp tác để thúc đẩy các TP phát triển bền vững về môi trường.

HỒNG NHUNG

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC LƯU VỰC SÔNG

Ngày 22/3/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) tổ chức Hội thảo khởi động Dự án “Tăng cường quản lý môi trường nước lưu vực sông”.

Dự án “Tăng cường quản lý môi trường nước lưu vực sông” được thực hiện nhằm mục tiêu nâng cao năng lực thực thi và cơ chế phối hợp liên tỉnh của các cơ quan Trung ương và địa phương để BVMT nước lưu vực (LV) sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy và hệ thống sông Đồng Nai. Dự án kỳ vọng sẽ tính toán tải lượng ô nhiễm tại các khu vực nêu trên, làm cơ sở để phối hợp quản lý môi trường nước cũng như quy hoạch các hoạt động phát triển trên LV sông.

Tại nhiều địa phương, ô nhiễm nước sông là một trong những thách thức, trong khi nhu cầu sử dụng ngày một tăng cao. Hơn nữa, sự ô nhiễm các con sông liên tỉnh đã vượt quá



khả năng xử lý của một địa phương trong khi vẫn thiếu cơ chế phối hợp, điều phối hiệu quả giữa các địa phương liên quan. Điều này đã đặt ra yêu cầu đối với Bộ TN&MT trong việc chủ động hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Trung ương - địa phương và cơ chế điều phối liên tỉnh về quản lý môi trường nước trên các LV sông.

Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ phối hợp với JICA cùng với các tỉnh, thành phố liên quan triển khai dự án với mục đích xây dựng và thực thi hiệu quả các chính sách cũng như nâng cao năng lực về quản lý môi trường nước LV sông.

HƯƠNG MAI



Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường



Ngày 4/3/2016, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đã có buổi làm việc với Tổng cục Môi trường về triển khai nhiệm vụ năm 2016.

Tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài cho biết, trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về BVMT tiếp tục có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Năm 2015, Tổng cục được giao chủ trì xây dựng 20 văn bản thuộc Chương trình chính thức, 13 văn bản thuộc Chương trình chuẩn bị và 6 văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014 thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ TN&MT. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến Luật BVMT năm 2014 đã được quan tâm và tổ chức triển khai có hiệu quả. Tổng cục đã phối hợp chặt chẽ với 4 Bộ, ngành và hơn 20 địa phương tổ chức các chương trình phổ biến, giáo dục và hướng dẫn văn bản thi hành Luật BVMT năm 2014.

Trong công tác thẩm định, đối với các dự án chiến lược, quy hoạch, dự án đầu tư phát triển, Tổng cục đã tiếp nhận 33 hồ sơ, tổ chức thẩm định 19 hồ sơ, trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả thẩm định của 12 báo cáo môi trường chiến lược (ĐMC); Tiếp nhận 462 hồ sơ, tổ chức thẩm định 205 hồ sơ, phê duyệt 147 báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quy định của Bộ TN&MT. Ngoài ra,

Tổng cục đã cấp mới, cấp điều chỉnh 30 Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại (CTNH) trong tổng số 63 hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 47,6%; Ban hành 3 Công văn chấp thuận xuất khẩu CTNH. Đặc biệt, đã phát hiện 8 vụ nhập khẩu phế liệu trái phép CTNH tại các tuyến biên giới phía Bắc, Tây Nam và các cửa khẩu đường biển.

Công tác thanh tra, kiểm tra được Tổng cục đặc biệt quan tâm. Tổng cục đã tiến hành 7 đoàn thanh, kiểm tra tại 1.076 cơ sở trên địa bàn 29 tỉnh/TP; Ban hành 1.066 kết luận thanh tra, 426 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền trên 50,1 tỷ đồng. Công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cũng được tăng cường. Hiện đã có 392/439 cơ sở theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và 145/435 cơ sở theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hoàn thành cơ bản các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để.

Tại các khu công nghiệp (KCN), lưu vực sông và làng nghề, công tác BVMT có bước chuyển biến tích cực. 165/212 KCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và thực hiện nghiêm túc công tác quan trắc, giám sát môi trường định kỳ. Tổng cục phối hợp với các địa phương triển khai 3 Đề án tổng thể BVMT lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy và hệ thống sông Đồng Nai; Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với 50/63 tỉnh đã có văn bản hoặc điều khoản quy định về BVMT làng nghề, 7 tỉnh có làng nghề được công nhận cơ bản đáp ứng điều kiện về BVMT...

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT, trong năm 2016, Tổng cục Môi trường sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; Kết hợp, sử dụng có hiệu quả các cơ chế, công cụ, biện pháp quản lý nhà nước theo hướng quản lý tổng hợp, hướng đến đa mục tiêu trong công tác BVMT. Đồng thời, tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực quản lý nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương; Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT; Đổi mới công tác kế hoạch - tài chính theo hướng nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn lực được giao phục vụ

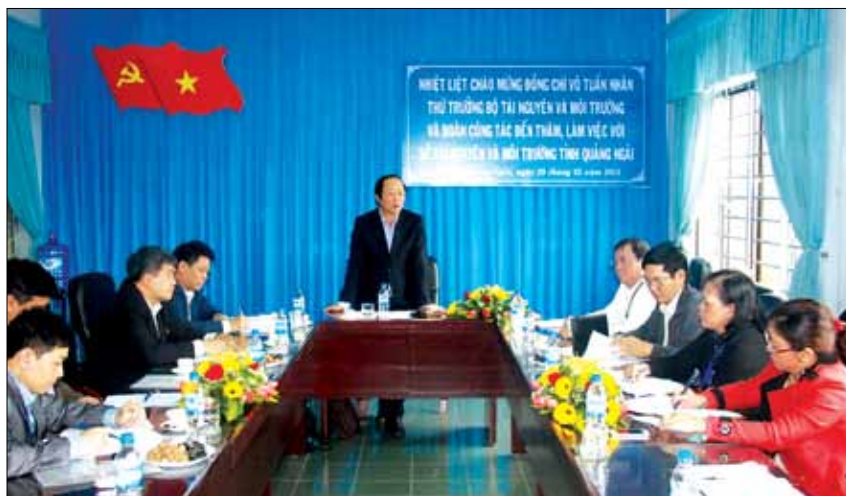


công tác quản lý nhà nước; Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT, Nghị quyết số 35/NQ-CP về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT, Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Luật BVMT năm 2014 ...

Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đánh giá cao những kết quả đã đạt được của Tổng cục trong thời gian qua. Thứ trưởng đề nghị, trong thời gian tới, Tổng cục Môi trường cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT; nâng cao hiệu quả công tác thẩm định báo cáo ĐMC, ĐTM; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; thúc đẩy triển khai thực hiện Luật Đa dạng sinh học và các văn bản quản lý về đa dạng sinh học đã được ban hành. Đặc biệt, Tổng cục cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Tổng cục, cũng như giữa Tổng cục với các đơn vị trong Bộ; đồng thời sử dụng đúng mục đích, hiệu quả các nguồn lực; phát huy các thế mạnh của Tổng cục, góp phần nâng cao chất lượng môi trường của Việt Nam.

VŨ NHUNG

Đoàn công tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường làm việc tại Quảng Ngãi và Bình Dương về lĩnh vực môi trường



▲ Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân phát biểu tại buổi làm việc với Sở TN&MT Quảng Ngãi

Ngày 29/2/2016, Đoàn công tác của Bộ TN&MT do Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc với Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

Tại buổi làm việc, đại diện lãnh đạo Sở cho biết, trong năm 2015, công tác quản lý nhà nước về BVMT của tỉnh đã đạt được một số kết quả tích cực. Chất lượng thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được nâng cao. Công tác thu gom, xử lý rác thải ở các khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị đạt 75% và khu vực nông thôn đạt 40% đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Toàn tỉnh hiện có khoảng 57/78 mỏ đang hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền ký quỹ hơn 10 tỷ đồng...

Tiếp đó, ngày 17/3, Đoàn công tác của Bộ TN&MT đã có buổi làm việc với Sở TN&MT tỉnh Bình Dương. Theo Sở TN&MT Bình Dương, tỷ lệ thu gom và xử lý chất

thải rắn y tế đạt 100%, tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%. Tuy nhiên, Sở còn gặp những khó khăn, vướng mắc đối với việc thực hiện các văn bản hiện hành liên quan đến hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM; quy định về quản lý chất thải rắn; quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất...

Phát biểu tại các buổi làm việc, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đánh giá cao những nỗ lực của hai Sở trong công tác quản lý BVMT tại địa phương. Thứ trưởng khẳng định, thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ hoàn thiện các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014 nhằm giúp công tác quản lý, BVMT tại địa phương đạt hiệu quả cao. Đặc biệt, Bộ sẽ gắn kết với các địa phương trong quản lý, BVMT, hướng tới phát triển ngành công nghiệp môi trường, đáp ứng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

PHẠM ĐÌNH



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC HỌP BÁO THƯỜNG KỲ THÁNG 3/2016

Ngày 17/3/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức họp báo thường kỳ tháng 3/2016 nhằm cung cấp thông tin đến các cơ quan thông tấn báo chí về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 1, tháng 2 và nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng 3/2016. Đồng thời thông báo kế hoạch tổ chức Ngày Nước thế giới (22/3/2016) và Ngày Khí tượng thế giới (23/3/2016). Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiển và Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa chủ trì buổi họp báo.

Trong những năm qua, hệ thống pháp luật về TN&MT đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Giai đoạn 2010 - 2015, Bộ đã xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 398 văn bản, tạo hành lang pháp lý trong công tác quản lý TN&MT ngày càng hiệu quả. Năm 2016, Bộ đã và đang xây dựng, trình cấp có thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền 79 văn bản, trong đó, tập trung vào dự án Luật Đo đạc và Bản đồ; các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Khí tượng thủy văn.

Đối với kế hoạch tổ chức các ngày lễ kỷ niệm của ngành, Bộ TN&MT phối hợp với UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức Lễ mít tinh quốc gia hưởng ứng Ngày Nước thế giới năm 2016 tại



▲ Toàn cảnh buổi họp báo

TP. Thanh Hóa; tổ chức Lễ kỷ niệm Ngày Khí tượng thế giới tại trụ sở Bộ TN&MT nhằm cung cấp, chia sẻ, trao đổi về diễn biến của thời tiết trước tác động của biến đổi khí hậu.

Tại buổi họp báo, Lãnh đạo Bộ TN&MT cũng đã giải đáp các vấn đề báo chí quan tâm liên quan đến công tác quản lý nhà nước về TN&MT như xử lý hạn hán kéo dài ở miền Trung và xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long hay việc Trung Quốc xả nước khẩn cấp xuống hạ lưu sông Mê Công; tình hình rà soát, thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự

án cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị ven sông Đồng Nai; việc xây dựng trái phép trong Vườn quốc gia Ba Vì...

Kết luận buổi họp báo, Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiển khẳng định, Bộ TN&MT luôn coi việc hoàn thiện thể chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm. Bộ TN&MT cũng mong các cơ quan thông tấn, báo chí phản hồi với Bộ những bất cập cần được sửa đổi, bổ sung, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật của ngành.

HƯƠNG ĐỒ

GIỜ TRÁI ĐẤT 2016: THẮP SÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tối ngày 19/3/2016, Hà Nội cùng khoảng 700 thành phố thuộc 127 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới đã tắt đèn hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất. Hành động tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết trong 1 giờ đồng hồ (20h30 - 21h30) chính là điểm nhấn của chiến dịch Giờ Trái đất mỗi năm. Năm 2016 là năm thứ 8 Việt Nam tham gia hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất và cũng là năm thứ 5 Bộ Công Thương chủ trì hoạt động này.

Sự kiện tắt đèn hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất 2016 diễn ra tại Quảng trường Cách mạng tháng Tám (trước cửa Nhà hát lớn Hà Nội) thu hút đông đảo sự tham gia của các tình nguyện viên đến từ trường Đại học, Cao đẳng, THPT trên toàn thành phố. Đúng 20h30, đèn điện đồng loạt tắt, cùng lúc đó, hàng trăm bạn sinh viên cất tiếng hát và hô vang khẩu

hiệu "Hành động nhỏ, ý nghĩa lớn". Cùng ngày, tại Indochina Plaza (Cầu Giấy, Hà Nội) đã diễn ra Lễ hội Giờ Trái đất với nhiều hoạt động tương tác sôi động như triển lãm về giáo dục môi trường, biểu diễn ca nhạc, hội chợ đồ cũ...

Hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất, tại TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức đạp xe, dọn vệ sinh dọc hai bờ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè... Tại Quảng Nam, hàng nghìn người dân và du khách tập trung tại TP. Hội An để thả hoa đăng, tắt cả hàng quán, dịch vụ kinh doanh, du lịch đều tắt điện và thắp sáng bằng nến, đèn dầu.

Theo thống kê của Bộ Công Thương, sự kiện Giờ Trái đất năm nay đã nhận được sự hưởng ứng của 60 tỉnh, thành trên cả nước. Trong 60 phút tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết của chiến dịch, hệ thống đã tiết kiệm được 451 MW, tương đương sản lượng điện 451.000 kWh điện, tiết kiệm hơn 731,5 triệu đồng. Số tiền tiết kiệm được có ý nghĩa quan trọng, là cơ hội để mỗi người dân thắp sáng hành động vì biến đổi khí hậu và xây dựng nền móng của một tương lai tốt đẹp cho thế hệ mai sau.

P.LINH



KHU DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN HÙNG:

Phát huy giá trị văn hóa dân tộc gắn với bảo vệ môi trường

Khu Di tích lịch sử (KDTLS) Đền Hùng nằm trên núi Nghĩa Lĩnh, thuộc vùng đất Phong Châu cổ, nay là địa phận xã Hy Cương, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Hàng năm, vào dịp Lễ hội (từ ngày 1 - 10/3 âm lịch), du khách về thăm rất đông, với ý nghĩa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Để tìm hiểu về công tác chuẩn bị Lễ hội năm nay và việc bảo đảm vệ sinh môi trường trong Khu di tích, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn ông Lưu Quang Huy, Giám đốc Khu di tích.



▲ Ông Lưu Quang Huy -
Giám đốc KDTLS Đền Hùng

***Xin ông cho biết, một số kết quả nổi bật của KDTLS Đền Hùng trong công tác BVMT gắn với việc giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc?**

ÔNG LƯU QUANG HUY: Trong thời gian qua, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ TN&MT, Ban Giám đốc KDTLS Đền Hùng đã phối hợp với các cơ quan chức năng quán triệt và thực hiện hiệu quả các đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVMT; Triển khai các văn bản chỉ đạo, tuyên truyền Thông tư Liên tịch hướng dẫn BVMT trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị Di tích; Phối hợp với Sở TN&MT Phú Thọ thực hiện Kế hoạch BVMT trong thời gian diễn ra Lễ hội.

Trong thời gian diễn ra Lễ hội từ ngày 1 - 10/3 âm lịch, du khách về thăm viếng rất đông, có những ngày cao điểm lên đến 2 triệu lượt người, Ban Quản lý Khu Di tích đã phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, giáo dục, vận động người dân thực hiện nghiêm các quy định về kinh doanh, buôn bán và BVMT; Bố trí lực lượng tuần tra, canh gác 24h/ngày tại khu vực đền, chùa, nhà bảo tàng Hùng Vương, Rừng quốc gia Đền Hùng để nhắc nhở, hướng dẫn du khách bỏ rác đúng nơi quy định... Bên cạnh đó, giao Trung tâm Dịch vụ môi trường và hạ tầng kỹ

thuật bố trí 200 thùng rác, 10 nhà vệ sinh công cộng cùng hệ thống biển báo chỉ dẫn, hướng dẫn khách tham quan; Thành lập đội vệ sinh môi trường gồm 60 người, tiến hành thu gom rác thải 2 lần/ngày rồi vận chuyển đến nơi tập kết theo quy định. Toàn bộ lượng rác thải được phân loại, một phần chuyển đến Nhà máy chế biến rác thải của tỉnh, một phần được chôn lấp hoặc đốt tại khu đất trống; Chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết để ứng phó với sự cố môi trường... nhằm tạo cảnh quan môi trường sạch - đẹp nhưng vẫn đảm bảo tính trang nghiêm.

Với những thành tích đã đạt được, KDTLS Đền Hùng đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2012), Cờ Thi đua của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (năm 2012) và nhiều Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Phú Thọ. Đặc biệt, năm 2015, KDTLS Đền Hùng đã được Bộ TB&MT trao tặng Bằng khen và Cúp tuyên dương là đơn vị điển hình tiên tiến về BVMT giai đoạn 2011 - 2015.

***Lễ hội Đền Hùng năm 2016 có hoạt động gì mới so với các năm trước không, thưa ông?**

ÔNG LƯU QUANG HUY: Năm nay, Lễ hội Đền Hùng sẽ diễn ra từ ngày 12 - 16/4/2016 (tức ngày 6 - 10/3 âm lịch) dưới sự chủ trì của

UBND tỉnh Phú Thọ và có sự tham gia của 3 tỉnh Hưng Yên, Bình Thuận và Cà Mau theo Đề án Tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Cũng như những năm trước, Lễ hội năm nay bao gồm phần “Lễ” và phần “Hội”. Tại phần Lễ sẽ diễn ra Lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch theo nghi lễ truyền thống, đảm bảo trang nghiêm, trọng thể, mang tính cộng đồng, nhằm tôn vinh di sản “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - cội nguồn đất Tổ”. Điểm mới trong phần Lễ năm nay là UBND tỉnh Phú Thọ đã có văn bản kiến nghị với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu các tỉnh, thành trên cả nước có đến thờ Vua Hùng sẽ cùng tổ chức dâng hương vào ngày 10/3. Bên cạnh đó, phần Hội được tổ chức tại TP. Việt Trì và KDTLS Đền Hùng. Ngoài các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống như đánh trống đồng đâm đuống; Thi gói bánh chưng, giã bánh giày; Hội trại văn hóa... còn có Triển lãm ảnh với chủ đề “Nghi lễ tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - bản sắc cội nguồn dân tộc” tại Bảo tàng Hùng Vương; Trưng bày, giới thiệu, quảng bá du lịch Phú Thọ, kết hợp Triển lãm “Ảnh đẹp du lịch Phú Thọ”; Chương trình nghệ thuật chào mừng Lễ hội với chủ đề “Linh thiêng nguồn cội - Đất Tổ Hùng Vương” vào 20h00, ngày



12/4/2016 (ngày 6/3 âm lịch). Bên cạnh đó, còn có Hội thi bơi chải Việt Trì mở rộng trên hồ công viên Văn Lang; Triển lãm tranh, ảnh, giới thiệu tác phẩm thơ của các nghệ sỹ Phú Thọ; Lễ hội đường phố; Bơi chải truyền thống trên sông Lô... Đặc biệt, để đảm bảo an ninh và thuận tiện cho du khách về tham dự, Ban Tổ chức sẽ thực hiện “5 không”: Không ùn tắc; Không chèo kéo khách, bán hàng giả; Không ép giá, Không gây ô nhiễm môi trường và không ăn xin, ăn mày tại Lễ hội.

***Hiện nay, nhiều khu di tích đang phát triển theo hướng du lịch sinh thái, tâm linh gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc. Nội dung này có được KDTLS Đền Hùng lồng ghép trong kế hoạch phát triển không, thưa ông?**

ÔNG LƯU QUANG HUY: KDTLS Đền Hùng là khu du lịch tâm linh, vì thế, phát triển theo hướng du lịch sinh thái, tâm linh gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc là xu hướng tất yếu. Chúng tôi mong muốn, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng có thể tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, hình ảnh du lịch Phú Thọ nói chung và di tích Đền Hùng nói riêng, đồng thời kêu gọi các dự án đầu tư về tài nguyên du lịch nhân văn, tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể hát xoan Phú Thọ và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương. Theo đó, Phú Thọ đã xây dựng 3 sản phẩm du lịch chính gồm văn hóa - lễ hội; Nghỉ dưỡng, ẩm thực, vui chơi giải trí; Sinh thái, danh thắng và nghỉ dưỡng với hạt nhân là Đền Hùng cùng hệ thống các di tích gắn với giá trị văn hóa thời đại Hùng Vương (Đền Hùng, đền mẫu Âu Cơ, đền Lạc Long Quân, các di tích thờ vợ con tướng lĩnh vua Hùng...), khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Thủy, Vườn quốc gia Xuân Sơn... Đồng thời, mở rộng liên kết các tour, tuyến du lịch bằng cách xây dựng tuyến du lịch nội tỉnh (tuyến nối trung tâm du lịch Việt Trì đến các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn) và tuyến du lịch liên tỉnh (nối các địa danh nổi tiếng 3 tỉnh Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai và các tỉnh vùng Đông Bắc, Tây Bắc)...

***Ông có thể cho biết, những giải pháp sẽ được triển khai để bảo tồn, phát triển bền vững KDTLS Đền Hùng trong thời gian tới?**

ÔNG LƯU QUANG HUY: Trong thời gian tới, KDTLS Đền Hùng sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện chi tiết Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị KDTLS Đền Hùng giai đoạn 2015 -



▲ Khu di tích lịch sử Đền Hùng

2025, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Dự án “Bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025” do UBND tỉnh phê duyệt, nhằm tạo tiền đề về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của du khách trong và ngoài nước đến thăm quan Di tích. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, đảm bảo tính chuyên nghiệp, đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Trước mắt, Ban Giám đốc KDLST Đền Hùng mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ di sản, ngoại ngữ cho cán bộ, cơ sở kinh doanh và cộng đồng trong phạm vi Khu di tích, hướng đến xây dựng nét đẹp văn hóa, thân thiện; Có chính sách thu hút, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hoạt động quản lý, khai thác dịch vụ du lịch; Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về di sản; Giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của KDTLS trên các phương tiện

thông tin đại chúng; Phối hợp với Tổng cục Du lịch, Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Hiệp hội Lữ hành Việt Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Thọ đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm trong nước.

Ngoài ra, Ban Giám đốc KDTLS Đền Hùng tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn, phát triển di sản văn hóa; Phổ biến quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về vai trò, vị trí của di sản văn hóa trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân; Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường vai trò quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường tại Khu di tích; Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về kinh doanh du lịch, trật tự an toàn xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm môi trường xanh - sạch - đẹp■

BÙI HẰNG (Thực hiện)



Ô nhiễm không khí tại Việt Nam Có thật sự đáng lo ngại ?

HOÀNG DƯƠNG TÙNG

Tổng cục Môi trường

ẢNH HƯỞNG CỦA Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ ĐỐI VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI

Ô nhiễm không khí không chỉ làm tăng khí nhà kính gây biến đổi khí hậu, ảnh hưởng tới các hệ sinh thái, mà còn là tác nhân chính gây tổn hại đến sức khỏe con người. Cuối năm 2015, lần đầu tiên, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã cảnh báo ô nhiễm không khí là một tác nhân chính gây ra bệnh ung thư phổi dựa trên các nghiên cứu khoa học có cơ sở qua nhiều năm và tại nhiều quốc gia. Theo thống kê, hàng năm, có hàng triệu người chết vì ung thư do ô nhiễm không khí. Ấn Độ là quốc gia có tỉ lệ tử vong cao nhất do ô nhiễm không khí. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng là quốc gia nổi tiếng về ô nhiễm không khí, đặc biệt tại TP. Bắc Kinh và một số thành phố lớn. Hàng năm, tại quốc gia đông dân nhất thế giới này, có khoảng 1,6 triệu người bị chết sớm do ô nhiễm không khí. Ở các nước thuộc Cộng đồng Châu Âu, tuổi thọ trung bình cũng bị giảm 9 tháng do nguyên nhân này.

Cục Bảo vệ môi trường Mỹ ước tính những biện pháp thay đổi công nghệ động cơ diesel có thể làm giảm 12.000 trẻ em chết, 15.000 người đột quỵ suy tim, 6.000 ca cấp cứu do bệnh hen suyễn, 8.900 trường hợp phải nhập viện liên quan đến đường hô hấp tại Mỹ. WHO cũng đưa ra cảnh báo, phần lớn số ca ung thư phổi do ô nhiễm không khí là từ các nước có thu nhập thấp hoặc trung bình, các nước thuộc vùng Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương. Theo các nhà y học, các chất ô nhiễm xuyên qua màng lọc của phổi, đi vào máu,

ngấm vào các thành mạch gây tình trạng xơ vữa và tác động tức thời như viêm phổi, viêm mũi, hen suyễn, thậm chí về lâu dài gây ung thư phổi. Đặc biệt, có những người làm việc trong môi trường ô nhiễm như lò than, nhà máy xi măng bị xơ cứng phổi.

Tại Việt Nam, theo số liệu thống kê không đầy đủ, những năm qua, số bệnh

nhân bị bệnh liên quan đến ô nhiễm không khí ngày càng tăng. Số trẻ em nhập viện điều trị bệnh hen suyễn, khuẩn hô hấp, ho tại một số bệnh viện ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh tăng gấp nhiều lần. Theo dự báo của các chuyên gia y tế, số ca ung thư, trong đó có ung thư phổi ở Việt Nam sẽ tăng mạnh trong 5 năm tới.

● Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ VÀ SỨC KHỎE

Ô nhiễm không khí chủ yếu do các chất: CO, ôzôn, chì, NO_x, hạt bụi mịn, SO₂.

Carbon Monoxide (CO): do quá trình đốt nguyên liệu từ các loại động cơ, trong đó có xe máy, làm giảm lượng ô xy khi hít thở, gây bệnh về tim, phổi và các bệnh khác.

Ôzôn tầng thấp (O₃): Chất ô nhiễm thứ cấp hình thành từ phản ứng hóa học của các thành phần hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và Ni tơ các bon (NO_x) dưới tác động của ánh sáng mặt trời, gây các bệnh về phổi, ho, hen.

Chì (Pb): Phát sinh từ các nhà máy sản xuất kim loại, từ động cơ sử dụng xăng pha chì, các lò đốt chất thải, các nhà máy sản xuất ắc quy, gây hại đến hệ thần kinh, giảm chỉ số IQ, giảm trí nhớ và độ thông minh của trẻ, gây thiếu máu ở người.

Dioxit Ni tơ (NO₂): Phát sinh do quá trình đốt nhiên liệu (các động cơ xe máy, các nhà máy điện, các lò hơi lớn) và đốt gỗ củi, gây các bệnh về phổi.

Hạt bụi (PM_{2,5}, PM₁₀): Bụi có đường kính nhỏ hơn hoặc bằng 2,5µm, 10µm): hình thành từ các phản ứng hóa học, đốt nhiên liệu (đốt than, củi, rơm rạ, dầu diesel), các hoạt động công nghiệp (nhiệt điện, xi măng...), các chất thải nông nghiệp (đốt rơm rạ), đốt rác, các hoạt động xây dựng, bụi từ đường giao thông, gây các bệnh phổi, hen suyễn khó thở, có thể dẫn đến ung thư phổi, gây tử vong ở trẻ em.

Dioxit lưu huỳnh (SO₂) phát sinh từ các hoạt động đốt nhiên liệu, đặc biệt là than có hàm lượng lưu huỳnh cao, các nhà máy nhiệt điện và các hoạt động công nghiệp, các hoạt động tự nhiên như núi lửa, gây hen suyễn, khó thở, đồng thời là tác nhân để hợp thành bụi mịn gây ảnh hưởng đến sức khỏe.



HIỆN TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

Theo số liệu quan trắc qua các năm gần đây, tại một số đô thị lớn ở Việt Nam, bằng hệ thống quan trắc tự động liên tục cho thấy, ô nhiễm bụi mịn $PM_{2.5}$ là vấn đề nghiêm trọng nhất đối với chất lượng không khí. Đây là vấn đề nan giải không chỉ của Việt Nam mà của cả nhiều quốc gia châu Á. Để đánh giá có ô nhiễm hay không, có thể so sánh số liệu quan trắc trung bình ngày và trung bình năm với qui chuẩn cho phép.

Để so sánh qua các năm thì số ngày có giá trị trung bình ngày vượt quá qui chuẩn cũng được so sánh. Qua các năm có thể thấy, giá trị trung bình ngày (24 giờ) của nhiều ngày trong năm tại một số địa điểm trong các thành phố lớn đã vượt quá qui chuẩn cho phép từ 1,5 đến 2 lần (qui chuẩn là $50 \mu g/m^3$); Số ngày trong năm có giá trị trung bình ngày vượt quá qui chuẩn ngày càng tăng qua các năm; Giá trị trung bình giờ trong ngày thay đổi, thường cao nhất là vào giờ cao điểm khi mật độ ô tô, xe máy dày đặc trên đường phố. Thậm chí có nhiều ngày giá trị này cao hơn mức $50 \mu g/m^3$, thậm chí 3-4 lần.

Như vậy có thể thấy, vấn đề ô nhiễm không khí (bụi mịn $PM_{2.5}$) tại một số đô thị Việt Nam là rất đáng lo ngại khi giá trị trung bình tăng và số ngày trong năm vượt quá qui chuẩn cũng ngày càng tăng. Thậm chí, mấy ngày gần đây nhiều người đã lo ngại phải chăng Hà Nội cũng đã ô nhiễm gần như Bắc Kinh.

Để nhận diện rõ hơn hiện trạng ô nhiễm không khí tại Việt Nam, có thể xem xét một số nguyên nhân:

- *Số lượng ô tô, xe máy ngày càng tăng*, trong khi người dân chưa có thói quen đi bộ. Tại Hà Nội, hiện có khoảng 5 triệu xe máy và 500.000 ô tô đang hoạt động. Mỗi ngày, có thêm 1.000 ô tô và xe máy đăng ký mới. Tại TP. Hồ Chí Minh có khoảng 6,8 triệu xe máy, 700.000 ô tô đang hoạt động và mỗi ngày thêm 1.200 ô tô, xe máy mới. Thêm vào đó, có rất nhiều ô tô, xe máy cũ không có chế độ bảo dưỡng tốt đang hoạt động. Loại nhiên liệu sạch như xăng E5 mới chỉ bắt đầu được khuyến khích sử dụng.

- *Phương tiện giao thông công cộng còn hạn chế*, xe buýt mới chỉ đáp ứng 5-10% nhu cầu đi lại của người dân. Thêm vào đó, các xe buýt cũng là những tác nhân gây ô nhiễm,

chưa sử dụng các loại nhiên liệu sạch hoặc nhiên liệu thay thế thân thiện môi trường như CNG hay LPG cho taxi và xe buýt như nhiều quốc gia đã sử dụng. Hệ thống tàu điện ngầm, tàu điện trên cao mới bắt đầu được xây dựng tại một số tuyến tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

- *Các hoạt động xây dựng các chung cư, nhà cao tầng, công trình tại các thành phố cũng gây ô nhiễm bụi khi quản lý không tốt các phương tiện vận tải ra vào công trường.*

- *Việc đốt rơm rạ sau khi thu hoạch, đốt rác ở ngoại thành, vùng nông thôn đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng không khí. Hiện tượng khói mù sau thời vụ thu hoạch xảy ra ngày càng phổ biến.*

- *Trong cơ cấu sản xuất điện, tỉ trọng nhà máy nhiệt điện chạy bằng than ở Việt Nam khá cao, hơn 50% với khoảng hơn 20 nhà máy. Ngoài ra, hơn 50 nhà máy*

xi măng, 40 nhà máy luyện thép cũng là nguồn gây ô nhiễm không khí lớn trong cả nước.

CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trong các năm qua, để giải quyết một số vấn đề ô nhiễm không khí, Việt Nam đã thực hiện một số biện pháp:

- *Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến quản lý chất lượng không khí* như các qui chuẩn chất lượng không khí cho các ngành sản xuất, lò đốt chất thải; đồng thời yêu cầu các nhà máy có nguồn thải lớn bắt buộc phải có thiết bị quan trắc tự động và truyền về cơ quan quản lý. Đặc biệt, tăng mức phạt đối với các cơ sở vi phạm và có chương trình BVMT đối với phương tiện giao thông vận tải (lộ trình áp dụng EURO 4 cho xe ô tô mới, kiểm định, kiểm tra bảo dưỡng xe cũ, sử dụng xăng E5...)



▲ Ô nhiễm không khí từ hoạt động đốt rơm rạ



▲ Trạm tự động quan trắc môi trường không khí Trung tâm Quan trắc Môi trường - Tổng cục Môi trường đặt tại số 556 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

- Xây dựng một số công trình nhằm tăng cường hệ thống giao thông công cộng tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, cụ thể như hệ thống giao thông ngầm, giao thông trên cao, tăng cường mạng lưới xe buýt; Bố trí lại hệ thống giao thông, xây dựng các cầu vượt tại các nút giao thông để chống ùn tắc... Bước đầu quản lý các xe chở vật liệu xây dựng, các công trình xây dựng trong và ngoài đô thị.

- Lựa chọn một số công nghệ sạch đối với các nhà máy nhiệt điện, luyện thép, xi măng nhằm giảm thiểu bụi. Đồng thời kiên quyết đóng cửa các lò gạch thủ công tại các địa phương.

- Xây dựng mạng lưới quan trắc tự động không khí tại các thành phố lớn, công bố công khai chất lượng không khí qua chỉ số AQI.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, vận động cộng đồng tham gia BVMT nói chung và bảo vệ chất lượng không khí nói riêng trong các chương trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng giao thông công cộng, không đốt rác, không đốt rơm rạ...

Tuy nhiên có thể thấy, mặc dù đã có nhiều biện pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí nhưng kết quả không thật khả quan. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế, ô nhiễm không khí có thể gia tăng nếu không có các biện pháp cụ thể. Do đó cần ưu tiên thực hiện các giải pháp:

+ Các thành phố nhanh chóng xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí (AQM) nhằm nhận diện một cách cụ thể các nguồn gây ô nhiễm và mức độ ô nhiễm để từ đó đề ra các biện pháp giải quyết phù hợp và cụ thể.

+ Tăng cường thực hiện các chương trình kiểm soát và giảm thiểu khí thải từ các phương tiện giao thông. Thắt chặt mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe nhập đã qua sử dụng và xe đang lưu hành; tăng cường kiểm soát khí thải lưu động trên đường; bố trí các trạm đăng kiểm xe ô tô trên cả nước; xây dựng

Trung tâm Thử nghiệm khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; mở rộng cơ sở thực hiện kiểm định đạt tiêu chuẩn khí thải...

Thực hiện Đề án Kiểm soát khí thải mô tô, xe máy tham gia giao thông tại các tỉnh, TP lớn. Mục tiêu đề án cho giai đoạn 2013-2015 là thực hiện kiểm định đạt tiêu chuẩn khí thải từ 80% - 90% số lượng xe mô tô, xe máy tham gia giao thông tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.

+ Nhanh chóng xây dựng và đưa vào hoạt động các hệ thống giao thông công cộng như xe buýt, xe điện trên cao, xe điện ngầm. Sử dụng nhiên liệu sạch và nhiên liệu thay thế cho các phương tiện giao thông công cộng

+ Đối với công nghiệp, sử dụng các công nghệ sạch nhằm giảm thiểu phát thải ống khói, tăng cường quản lý các lò đốt chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại. Triển khai thống kê phát thải công nghiệp, lắp đặt các hệ thống quan trắc tự động đối với các nguồn thải lớn.

+ Quy hoạch các nhà cao tầng, đường phố; tăng cường hiệu suất sử dụng năng lượng.

+ Tăng cường sử dụng các loại nhiên liệu phát thải ít, năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời).

+ Lắp đặt các trạm quan trắc tự động liên tục tại các thành phố và đô thị Việt Nam nhằm giám sát chặt chẽ chất lượng không khí và cung cấp thông tin cho cộng đồng.

+ Thực hiện việc nghiên cứu ảnh hưởng đến sức khỏe của một số chất ô nhiễm mới như thủy ngân■



Quản lý tổng hợp, thống nhất biển và hải đảo Việt Nam đảm bảo sự phát triển bền vững

ThS. ĐOÀN THỊ THANH MỸ

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Biển có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), bảo đảm an ninh - quốc phòng. Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đã yêu cầu quản lý tài nguyên biển theo phương thức tổng hợp và thống nhất. Ngày 25/6/2015, Quốc hội ban hành Luật số 82/2015/QH13 về Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, quy định về quản lý tổng hợp tài nguyên và BVMT biển và hải đảo; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo Việt Nam nhằm định hướng cho công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo Việt Nam.

QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÀ THỐNG NHẤT VỀ BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo là một phạm trù rộng, bao hàm nhiều đối tượng, nhiều lĩnh vực, từ nghiên cứu, điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng của các vùng biển đến khai thác lợi thế tài nguyên từ biển để phát triển KT - XH gắn với BVMT biển bền vững.

Quản lý tổng hợp là nền tảng để quản lý thống nhất các hợp phần tự nhiên và các hoạt động khai thác, sử dụng của con người, đảm bảo phát triển bền vững ở vùng biển, ven biển và đảo. Tiếp cận quản lý tổng hợp là sự thống nhất về không gian địa lý, thể chế chính sách, quy hoạch phát triển và quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo. Đồng thời cũng là sự thống nhất về cơ chế tài chính bền vững cho hoạt động quản lý vùng lãnh thổ trên mọi phương diện khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển tài nguyên, môi trường biển. Như vậy, quản lý tổng hợp sẽ đảm bảo cho việc khai thác, sử dụng và phát triển toàn diện, bền vững tài nguyên (thiên nhiên và nhân văn) cũng như BVMT biển. Tiếp cận quản lý tổng hợp là tiếp cận hệ thống và dựa vào hệ sinh thái.

Quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo là sự quản lý về mặt hành chính nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua các thể chế pháp lý nhằm điều hòa, phối hợp tốt giữa các cơ quan nhà nước từ

Trung ương đến địa phương trong việc tham gia vào quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sử dụng và khai thác, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển phù hợp với định hướng, yêu cầu phát triển bền vững, đồng thời bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Bản chất của phương thức quản lý tổng hợp biển và hải đảo là việc nâng cao chất lượng quản lý tài nguyên và BVMT biển phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững thông qua việc dân chủ hóa các quá trình quản lý (từ hoạch định đến thực thi chính sách), dựa trên việc xác lập một cơ chế quản lý có sự tham gia tích cực, bình đẳng của các cộng đồng gắn với môi trường không gian ven biển để chia sẻ và phát triển các lợi ích kinh tế biển giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương một cách hài hòa, đồng thời vẫn bảo đảm tính thống nhất về lợi ích quốc gia.

Trong quản lý tổng hợp về biển và hải đảo, nhân tố cộng đồng không chỉ là đối tượng quản lý mà còn là đối tác quản lý của chính quyền, có mối quan hệ bình đẳng về quyền và lợi ích mà chính quyền địa phương ven biển phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện dân chủ, tham gia trực tiếp vào quản lý tài nguyên và BVMT ven biển. Có thể nói, quản lý tổng hợp biển và hải đảo là phương thức quản lý dựa trên quá trình hoạch định, thỏa thuận và đi đến thống nhất

trong việc chia sẻ lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường ở vùng biển, ven biển nhằm quản lý phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

CÁC YÊU CẦU CỦA QUẢN LÝ TỔNG HỢP BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Điều phối đa ngành: Quản lý tổng hợp đòi hỏi phải tiếp cận cơ chế quản lý liên ngành, liên lĩnh vực và quá trình liên tục (bắt đầu từ hoạch định đến triển khai, thực thi và giám sát), không thể nhìn nhận hệ thống là sự lắp ghép đơn giản của những chức năng quản lý đơn lẻ theo ngành.

Hợp tác giữa các vùng ven biển: đòi hỏi liên kết bảo đảm mọi quá trình chính sách không quá bị ràng buộc vào các đường ranh giới hành chính lãnh thổ mà là một quá trình quản lý có tính liên kết vùng ở các cấp độ khác nhau (liên tỉnh, liên huyện, liên xã).

Quy trình hoạch định và thực hiện chính sách quản lý biển có tính mở cao: đòi hỏi phải có sự tham gia, phản biện và giám sát xã hội của cộng đồng vào quá trình hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển gắn với dải ven biển thay vì đây là một quy trình khép kín giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

Quản lý biển theo không gian phù hợp với bản chất của các hệ thống tài nguyên biển (hệ không gian biển hoặc hệ sinh thái biển, ven biển). Áp dụng phân vùng chức năng



▲ Quản lý tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo là cách tiếp cận hệ thống và dựa vào hệ sinh thái

vùng biển để hỗ trợ quy hoạch không gian biển và trên cơ sở đó tiến hành quy hoạch khai thác, sử dụng biển theo kế hoạch 5-10 năm hoặc dài hơn. Căn cứ vào kế hoạch khai thác, sử dụng biển được cấp thẩm quyền phê duyệt tiến hành cấp phép, thu phí...sử dụng tài nguyên biển.

Sự cam kết và các quy định về quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững giữa chính quyền, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp.

CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI THEO PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ TỔNG HỢP

Quản lý tổng hợp rất phức tạp do có nhiều bên liên quan cùng tham gia quản lý. Chính vì vậy, cơ chế điều phối trở nên rất quan trọng, bảo đảm sự tham gia tích cực của các ngành quản lý nhà nước hoạt động khai thác tài nguyên như tài chính, nông nghiệp, kế hoạch - đầu tư, công nghiệp, thương mại, du lịch và giao thông vận tải. Quản lý tổng hợp tài nguyên biển đòi hỏi sự tham gia của tất cả các cấp, trong đó, cấp chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng.

Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Bộ TN&MT chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý tổng hợp tài nguyên và BVMT biển và hải đảo. Như vậy, có thể thấy vai trò điều phối được giao cho Bộ TN&MT. Tuy vậy, cơ chế điều phối

giữa Bộ TN&MT và các bộ, ngành khác cũng như mối quan hệ với UBND các tỉnh có biển chưa được quy định rõ trong văn bản này. Cơ chế điều phối phải vượt qua các lợi ích cục bộ của ngành, tạo sự liên kết, phối hợp tích cực của các ngành liên quan đến tài nguyên và môi trường biển và vùng ven bờ. Đây là vấn đề quan trọng cần xem xét trong xây dựng quy định hướng dẫn thực thi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo là phương thức quản lý được áp dụng thành công ở nhiều nước có biển trên thế giới. Đây là phương thức và cách tiếp cận quản lý còn mới đối với Việt Nam, đóng vai trò kết nối và điều chỉnh hành vi phát triển của các ngành và các hoạt động khai thác, sử dụng biển, hải đảo trong phạm vi vùng biển tài phán quốc gia (địa phương quản lý) thông qua các cơ chế điều

phối liên ngành và các công cụ tổng hợp khác.

Như vậy, để quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo phải xây dựng, áp dụng, thực thi các giải pháp mang tính liên ngành, liên cơ quan, liên vùng, đặc biệt phải có sự liên kết với cộng đồng và quản lý không gian biển dựa trên cách tiếp cận hệ sinh thái. Mục đích của quản lý tổng hợp về biển và hải đảo là đảm bảo phát triển đa ngành, sử dụng đa mục tiêu (tối ưu hóa) và bảo đảm đa lợi ích (các bên cùng có lợi) giữa nhà nước, lĩnh vực tư nhân, các bên liên quan và cộng đồng địa phương, đồng thời giảm thiểu mâu thuẫn lợi ích giữa các ngành trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển, ven biển và hải đảo. Để thực hiện điều này, một cơ chế điều phối giữa các bên có liên quan cần được nghiên cứu, xem xét để có thể bảo đảm mục tiêu bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên biển và hải đảo Việt Nam■



Sản xuất và tiêu dùng bền vững thúc đẩy sử dụng nguồn tài nguyên và năng lượng hiệu quả



▲ Hội nghị bàn tròn quốc gia lần thứ 6 về SX&TDBV tại TP. Đà Nẵng (2011)

Trong thế kỷ qua, nền kinh tế toàn cầu đã đạt được những thành tựu quan trọng. Cùng với đó là việc ngày càng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên bị khai thác một cách không bền vững. Mức tiêu dùng sinh khối tăng gấp 3 lần mỗi năm; lượng sử dụng nguyên liệu hóa thạch, kim loại và khoáng sản tăng từ 12 - 17 lần; vật liệu xây dựng tăng 34 lần...

Tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc, tổ chức tại Rio de Janeiro vào năm 1992, sản xuất và tiêu dùng bền vững (SX&TDBV) được đánh giá là một hướng đi quan trọng để kết nối các vấn đề phát triển và môi trường. Đồng thời cũng chỉ ra nguyên nhân của việc suy giảm môi trường toàn cầu là do sản xuất và tiêu dùng không bền vững, đặc biệt ở các nước công nghiệp phát triển.

10 năm sau Hội nghị Rio, các nhà lãnh đạo thế giới đã ký kết Kế hoạch thực hiện Johannesburg (JPOI) tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững (WSSD). Chương 3 của Kế hoạch đề cập đến việc "chuyển đổi các mô hình SX&TDBV" và tuyên bố rằng "thay đổi cơ bản trong cách thức xã hội sản xuất và tiêu dùng là yếu tố không thể thiếu để đạt được phát triển bền vững toàn cầu. Tất cả các nước cần thúc đẩy mô hình SX&TDBV". Chương trình khung 10 năm (10YFP) đã được xây dựng để đẩy nhanh việc chuyển đổi sang mô hình SX&TDBV cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong các hệ sinh thái bằng cách giảm sự lệ thuộc hay "tách rời" giữa phát triển kinh tế và suy thoái môi trường. Cuộc họp đầu tiên để xây dựng 10YFP diễn ra tại TP.

Marrakech, Ma-rốc vào tháng 6/2003, do đó tên của thành phố được đặt tên cho tiến trình. Tiến trình Marrakech đã đáp ứng lời kêu gọi của Kế hoạch thực hiện JPOI bằng cách hỗ trợ việc thực hiện các chương trình, dự án và chính sách SX&TDBV cũng như hỗ trợ xây dựng 10YEP.

KHÁI NIỆM SX&TDBV

SX&TDBV là một cách tiếp cận toàn diện để giảm thiểu các tác động tiêu cực về môi trường từ các hệ thống sản xuất và tiêu dùng, đồng thời thúc đẩy chất lượng cuộc sống của con người.

SX&TDBV thúc đẩy sử dụng nguồn tài nguyên và năng lượng hiệu quả, phát triển cơ sở hạ tầng bền vững, cung cấp các dịch vụ cơ bản, việc làm xanh và bền vững cũng như chất lượng cuộc sống tốt hơn cho tất cả người dân trên Trái đất. Việc triển khai thực hiện SX&TDBV là một cách tiếp cận tổng hợp nhằm đạt được kế hoạch phát triển tổng thể, giảm chi phí kinh tế, chi phí môi trường và xã hội trong tương lai, tăng

cường khả năng cạnh tranh kinh tế và xóa đói giảm nghèo.

SX&TDBV đòi hỏi áp dụng "tư duy vòng đời sản phẩm" để tăng hiệu quả quản lý bền vững các nguồn tài nguyên và đạt được hiệu quả sử dụng tài nguyên trong cả giai đoạn sản xuất và tiêu dùng. Với cách tiếp cận này, các mục tiêu và hành động của SX&TDBV trở thành đòn bẩy giúp đẩy nhanh việc chuyển đổi sang một nền kinh tế có hiệu quả sinh thái và biến các thách thức về môi trường và xã hội thành cơ hội kinh doanh và việc làm. Sự chuyển đổi hướng tới SX&TDBV cần có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm doanh nghiệp, người tiêu dùng, các nhà hoạch định chính sách, nghiên cứu, khoa học, các nhà bán lẻ, truyền thông và các cơ quan hợp tác phát triển... Do đó, đòi hỏi một cách tiếp cận có hệ thống và hợp tác giữa các tác nhân hoạt động trong chuỗi cung ứng, từ người sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng.

LỢI ÍCH CỦA SX&TDBV ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN

Để đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs), yêu cầu sản xuất và tiêu dùng nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn, đáp ứng các nhu cầu cơ bản và nguyện vọng của những người nghèo nhất thế giới, trong khi vẫn giữ được các hệ sinh thái tự nhiên. SX&TDBV cung cấp các cơ hội để đạt được các Mục tiêu



Phát triển Thiên nhiên kỹ bằng cách cung cấp nhiều sản phẩm sạch và an toàn, trong khi sử dụng ít nguyên liệu và năng lượng bền vững.

Mặt khác, SX&TDBV cung cấp các cơ hội như tạo ra thị trường mới (thực phẩm hữu cơ, hội chợ thương mại, nhà ở, năng lượng tái tạo, giao thông vận tải và du lịch) với việc làm phù hợp và giữ gìn môi trường bền vững cũng như quản lý hiệu quả, nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đối với các nước đang phát triển, SX&TDBV cung cấp công nghệ và sử dụng tài nguyên hiệu quả như sản xuất năng lượng mặt trời tại khu vực nông thôn sẽ giảm việc nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch.

Các nguyên tắc của SX&TDBV bao gồm: Nâng cao chất lượng cuộc sống mà không làm gia tăng suy thoái môi trường và không làm tổn hại đến nhu cầu về nguồn lực của các thế hệ tương lai; tăng trưởng kinh tế mà không gây tổn hại tới môi trường; Áp dụng tư duy vòng đời, xem xét đến tác động từ tất cả các giai đoạn trong vòng đời của quá trình sản xuất và tiêu dùng; Chống lại tác dụng phản hồi ngược do sự gia tăng trong tiêu dùng.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ SX&TDBV Ở VIỆT NAM

Việt Nam đã xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về SX&TDBV, với mục tiêu tổng quát là giảm cường độ sử dụng nguyên

vật liệu và năng lượng trong hệ thống sản xuất và tiêu dùng (bằng cách nâng cao hiệu quả sử dụng); Tối ưu hóa hệ thống sản xuất và tiêu dùng (thay thế nguyên liệu đầu vào, quy trình, sản phẩm, dịch vụ và nhu cầu) để không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống. Kế hoạch giúp cán bộ nhà nước lập cơ chế, điều phối chính sách và các hoạt động thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang SX&TDBV, góp phần phát triển bền vững đất nước.

Theo đó, Kế hoạch cũng đề ra một số lĩnh vực tập trung và ưu tiên trong giai đoạn 2010-2020 với các nội dung:

Phát triển sản phẩm, dịch vụ và công nghệ thân thiện môi trường: Lồng ghép SX&TDBV vào các chiến lược phát triển, quy hoạch và kế hoạch tổng thể trong ngành công nghiệp và dịch vụ; Thiết kế sinh thái bằng

phương pháp đánh giá vòng đời; Phát triển thị trường cho sản phẩm sinh thái; Thúc đẩy nền kinh tế 3R (hay còn gọi là nền kinh tế tái chế/tái sử dụng).

Cung cấp thông tin sản phẩm cho người tiêu dùng: Thử nghiệm sản phẩm một cách công tâm; Dán nhãn sinh thái; Mua sắm xanh - Chính phủ bền vững; Mua sắm xanh trong doanh nghiệp.

Thông tin, đào tạo và nâng cao nhận thức: Chiến dịch nâng cao nhận thức về SX&TDBV; Xây dựng các sáng kiến về SX&TDBV.

Mới đây, ngày 11/1/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 76/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về SX&TDBV đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Chương trình có mục tiêu tổng quát nhằm từng bước thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên và năng lượng; tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện môi trường; giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải; duy trì tính bền vững của hệ sinh thái tại tất cả các khâu trong vòng đời sản phẩm từ khai thác, cung ứng nguyên liệu đến sản xuất chế biến, phân phối, tiêu dùng và thải bỏ sản phẩm. Trong đó, phấn đấu đến năm 2020, khoảng 50% các doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối có nhận thức, được hướng dẫn thực hiện và áp dụng các giải pháp về sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng■

VŨ NHUNG



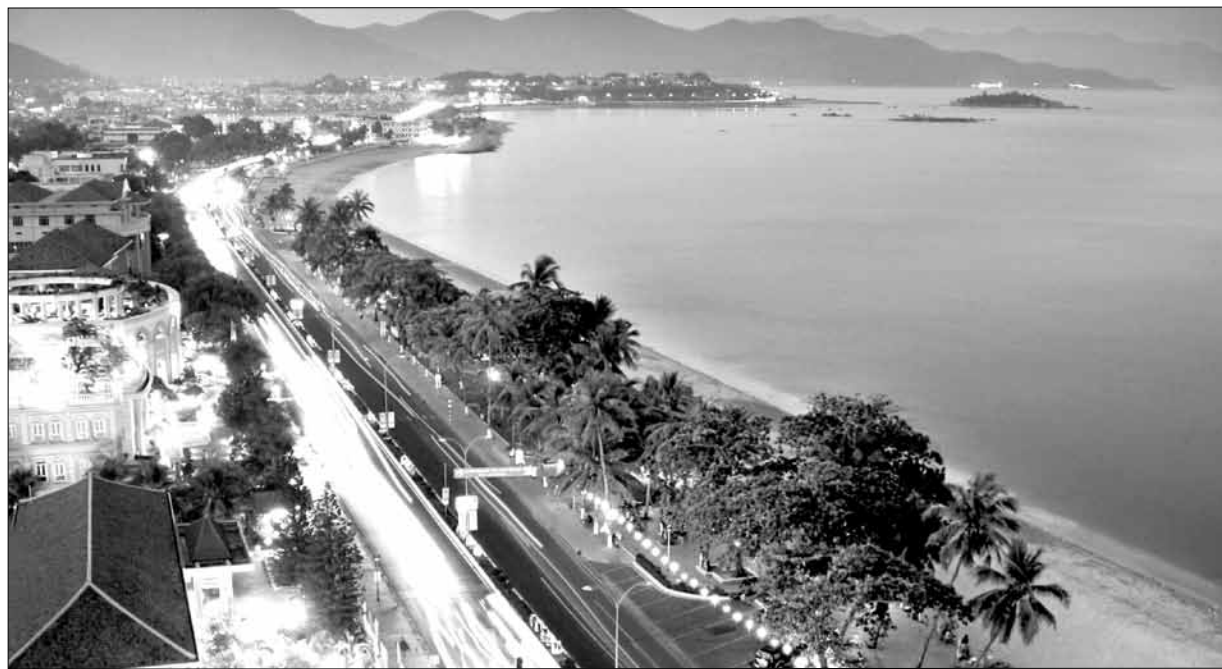
▲ SX&TDBV là cách tiếp cận toàn diện, thúc đẩy chất lượng cuộc sống con người



ĐÀ NẴNG ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA GÓP PHẦN XÂY DỰNG THÀNH PHỐ MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN ĐÌNH ANH

Phó Giám đốc Sở TN&MT TP. Đà Nẵng



▲ Đà Nẵng quyết tâm trở thành TP môi trường đầu tiên của cả nước vào năm 2020

Xác định tầm nhìn chiến lược đưa Đà Nẵng trở thành thành phố (TP) thân thiện môi trường, UBND TP. Đà Nẵng phê duyệt Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - TP môi trường”. Đề án được xây dựng với mục tiêu hướng đến năm 2020, các yêu cầu về chất lượng môi trường đất, nước và không khí trên toàn TP được bảo đảm, tạo sự an toàn về sức khỏe, môi trường cho người dân, các nhà đầu tư, sự tin tưởng của du khách trong nước và quốc tế khi đến Đà Nẵng. Bên cạnh đó, Đà Nẵng hướng đến mục tiêu trở thành đô thị đủ năng lực để ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường; xử lý, khắc phục các sự cố môi trường dựa trên nền tảng ý thức của tất cả người dân, tổ chức, doanh nghiệp TP.

Với chức năng nhiệm vụ được giao, Sở TN&MT TP. Đà Nẵng triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó đẩy mạnh phong trào thi đua góp phần xây dựng TP. môi trường.

Sau hơn 6 năm tổ chức thực hiện Đề án, Đà Nẵng đã có những thay đổi lớn và phát triển vượt bậc về chất lượng môi trường. Liên tục nhận được các Giải thưởng quốc tế về môi trường như: TP bền vững về môi trường ASEAN năm 2011, TP phát thải các bon thấp năm 2012; năm 2013 đạt danh hiệu là một trong 20 TP Xanh - Sạch - Đẹp; năm 2014 là thành viên “Chương trình 100 TP có khả năng chống chịu”...

Cùng với sự tham mưu trực tiếp của Sở TN&MT và phối hợp các ban ngành, đoàn thể, nhân dân TP, nhiều chỉ tiêu cơ bản của TP môi trường được hoàn thành như: Tập trung giải quyết triệt để 12/13 điểm nóng môi trường. Nước thải 6 khu công nghiệp, 1 cụm công

nghiệp được thu gom, xử lý tại 5 trạm xử lý nước thải tập trung. Chất lượng nước thải tại 4/5 trạm xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải. Hệ thống cấp nước toàn TP đạt được công suất 210.000 m³/ngày, đêm; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch toàn TP đạt 67,19%. Đến năm 2014, tỷ lệ cây xanh đô thị đạt 6,1m²/người, độ che phủ của rừng đạt 41,6%; Tỷ lệ thu gom rác thải toàn TP đạt 93%, chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý đạt yêu cầu 100%. Chỉ số chất lượng không khí đáp ứng tiêu chí của Đề án TP môi trường. Đặc biệt, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị trên toàn TP chung tay thực hiện Đề án



với ý thức trách nhiệm cao; nhiều mô hình BVMT tại cộng đồng dân cư được hình thành và nhân rộng.

Ngành TN&MT Đà Nẵng được xác định ngành chủ lực, có vai trò chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, UBND các quận/huyện, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của ngành trong lộ trình xây dựng Đà Nẵng - TP môi trường, Sở TN&MT Đà Nẵng đã quán triệt, phát động phong trào thi đua trong toàn thể cán bộ, công chức. Tham mưu các nhiệm vụ quan trọng như: Lồng ghép các vấn đề môi trường vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của TP. Tại Quyết định số 1866/QĐ-TTg ngày 8/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH TP. Đà Nẵng đến năm 2020, mục tiêu và các tiêu chí xây dựng Đà Nẵng trở thành TP môi trường trở thành một trong những nội dung chính của Quy hoạch. Trên cơ sở Quy hoạch phát triển KT-XH TP, các Sở, ban ngành, các hội, đoàn thể, địa phương đã xây dựng các chiến lược, kế hoạch, hoạt động triển

khai và lồng ghép thực hiện Đề án theo từng nội dung cụ thể tại các cấp, các ngành, trong đó quan tâm đến tiêu chí BVMT, khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT; huy động sự tham gia từ các Sở, ban ngành, địa phương để triển khai thực hiện Đề án. Theo đó, nhiệm vụ BVMT nói chung, thực hiện thành công Đề án TP môi trường nói riêng đã và đang là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của TP. Ngay sau khi ban hành Đề án, Sở TN&MT đã tham mưu TP phát động các chương trình hành động BVMT. Phong trào được tổ chức thường xuyên và hiệu quả như: Ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp thông qua việc phân công 263 tuyến đường, khu vực cho 225 cơ quan, đơn vị phụ trách thực hiện

phong trào Ngày Chủ nhật Xanh. Tổ chức Tuần lễ nạo vét, khơi thông cống rãnh, mương thoát nước. Các mô hình BVMT như: Câu lạc bộ môi trường của Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ với mô hình xanh nhà sạch phố và Sống xanh; Cộng đồng doanh nghiệp với mô hình Xanh - Sạch - Đẹp; Tổ dân phố không rác, phường thân thiện môi trường... góp phần tích cực cải thiện môi trường sống cho người dân và được nhân rộng cả TP.

Hiện nay có 7 quận, huyện đã xây dựng đề án Quận/huyện môi trường theo phối hợp hướng dẫn của Sở TN&MT. Phối hợp với 7 tổ chức chính trị - xã hội triển khai nhiều hoạt động BVMT qua nhiều hình thức truyền thông, đào tạo, xã hội hóa công tác BVMT, ra quân, thành lập các Câu lạc bộ BVMT, xây dựng các mô hình BVMT... Các hoạt



▲ Thành đoàn Đà Nẵng phát động đoàn viên, thanh niên thu gom rác ở bãi biển



động này còn kết hợp với việc thực hiện Đề án Nếp sống văn minh đô thị và Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Đà Nẵng xây dựng chuyên mục “TP Môi trường” phát sóng 12 chuyên đề/năm nhằm nâng cao nhận thức về môi trường, cung cấp thông tin về BVMT, cổ động các phong trào toàn dân BVMT, nêu gương điển hình trong hoạt động BVMT.

Đặc biệt, tăng cường giáo dục môi trường trong các trường học. Sở TN&MT, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp xây dựng tiêu chí mô hình “Trường học xanh” lồng ghép các kiến thức môi trường một cách khoa học vào việc tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao ý thức tự giác BVMT, thấm sâu tình yêu thiên nhiên, đất nước của học sinh tại các trường học.

Xây dựng thể chế chính sách nhằm triển khai thực hiện thành công TP môi trường. Theo đó, từ năm 2011 đến nay, Sở TN&MT Đà Nẵng đã tham mưu UBND TP ban hành 14 văn bản quy phạm pháp luật và nhiều chủ trương chính sách BVMT. Các văn bản được ban hành tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT trên toàn TP. Xác định xây dựng TP môi trường không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương mà còn cần có sự tham gia, đóng góp của toàn xã hội. Chính vì thế, Sở TN&MT quan tâm đến việc tham mưu cho TP các chủ trương về xã hội hóa công tác BVMT nhằm huy động ở mức cao nhất sự tham gia của xã hội vào công tác BVMT và giảm áp lực về nguồn vốn cho ngân sách TP. Vì vậy, nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế đến Đà Nẵng tìm hiểu cơ hội và hợp tác đầu tư. Nhiều công trình thu gom, xử lý chất thải, tái chế rác thải...do các cộng đồng doanh nghiệp đầu tư, góp phần không nhỏ trong việc BVMT, tận dụng được nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm tại địa phương. Tham mưu cho TP ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng các công trình BVMT; miễn thu tiền sử dụng đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hướng dẫn các thủ tục nhanh cho các doanh

nh nghiệp khi đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, các hoạt động tái chế, chôn lấp rác thải...

Năm 2012 là năm đầu tiên Sở TN&MT triển khai Đề án “Thu gom rác theo giờ trên địa bàn TP. Đà Nẵng”. Việc thu gom rác theo giờ bằng hình thức đặt thùng đối với các tuyến đường phố chính hay thu gom trực tiếp bằng xe cuốn ép ở khu vực khác đã được người dân đồng tình ủng hộ và dư luận đánh giá cao. Qua việc triển khai Đề án, bước đầu đã hình thành thói quen đổ rác đúng giờ, nơi quy định trong nhân dân, bảo đảm mỹ quan đô thị, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ tại các vị trí trọng điểm và giảm thời gian các xe vận chuyển rác phải ra vào các tuyến đường trung tâm TP.

Giai đoạn 2016 - 2020 là giai đoạn quan trọng để TP phấn đấu hoàn thành các tiêu chí của TP môi trường vào năm 2020. Do đó, ngành TN&MT Đà Nẵng tập trung thực hiện các giải pháp:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức và trách nhiệm BVMT cho người dân TP. Phát triển các mô hình BVMT, phong trào Ngày Chủ nhật Xanh; hưởng ứng sâu rộng các sự kiện môi trường. Vận động xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững, hình thành ý thức BVMT, giữ gìn vệ sinh trong nhân dân, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải, các bon thấp, hài hòa, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh giáo dục môi trường, BDKH trong các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

Hai là, hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về BVMT đáp ứng xây dựng TP môi trường. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về BVMT, đồng thời ban hành kịp thời các chế sách phù hợp, đặc thù để triển khai xây dựng TP môi trường.

Ba là, đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT trên địa bàn. Xây dựng các cơ chế khuyến khích, xử phạt nghiêm và thực hiện một cách công bằng, hợp lý đối với cả các đối tác thuộc Nhà nước cũng như các đối tác tư nhân khi tham gia hoạt động BVMT. Đề cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn chính trị - xã hội trong công tác BVMT, giám sát việc môi trường. Đưa nội dung BVMT vào hoạt động của các khu dân cư, cộng đồng dân cư và phát huy vai trò của các tổ chức này trong công tác BVMT. Đồng thời đánh giá, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu về công tác BVMT để tôn vinh, khen thưởng.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế về BVMT. Tiếp cận công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tiết kiệm năng lượng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, tái tạo.

Năm là, phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn TP quyết tâm thực hiện và hoàn thành các mục tiêu đặt ra của đề án, đưa Đà Nẵng trở thành TP môi trường đầu tiên của cả nước vào năm 2020■



HÀ GIANG THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

ĐỖ THÁI HÒA

Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Hà Giang

Xác định được tầm quan trọng của công tác BVMT và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), trong những năm qua Sở TN&MT Hà Giang đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Hà Giang thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường và chủ động ứng phó với BĐKH.

Theo đó, Sở TN&MT đã cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về BVMT và chủ động ứng phó với BĐKH phù hợp với điều kiện của tỉnh Hà Giang. Trong giai đoạn 2010 - 2015, Sở TN&MT đã tham mưu các chương trình, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật (1 chương trình hành động của Ban chấp hành Tỉnh ủy; 2 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 5 kế hoạch và 2 quyết định của UBND tỉnh). Các chương trình, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật được ban hành kịp thời là căn cứ để các cấp, các ngành của tỉnh triển khai thực hiện các hoạt động BVMT và chủ động ứng phó với BĐKH.

Nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác BVMT, chủ động ứng phó với BĐKH, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh Hà Giang tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng như: hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày Quốc tế đa dạng sinh học; Ngày Môi trường thế giới; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; Xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về BVMT, ứng phó với BĐKH trên Đài Phát thanh truyền hình và báo Hà Giang; Xây dựng và phát hành sổ tay tuyên truyền về ứng phó với BĐKH và BVMT chuyển đến tất cả các chi bộ trên địa bàn toàn tỉnh làm tài liệu học tập trong các buổi sinh hoạt; Hỗ trợ xây dựng hương ước, quy ước BVMT tại các thôn bản trong đó tập trung triển khai tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới.

Công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận bản cam kết BVMT được tăng cường nhằm loại bỏ những dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến



▲ Hội thảo “Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Hà Giang” năm 2015

môi trường và xác định rõ những nhiệm vụ của chủ dự án phải thực hiện đối với công tác BVMT, đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh quy trình thẩm định theo tinh thần cải cách thủ tục hành chính (giảm 1/3 thời gian thực hiện). Trong giai đoạn 2010 - 2015, Sở TN&MT tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt 107 báo cáo ĐTM, 6 đề án BVMT chi tiết, 31 dự án/đề án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. UBND các huyện, thành phố đã tổ chức đăng ký 944 bản cam kết BVMT, 87 đề án BVMT đơn giản.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật BVMT được tăng cường, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm. Hàng năm, Sở TN&MT chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp tổ chức kiểm tra, thanh tra liên ngành và chuyên ngành về công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Qua kiểm tra đã

kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về BVMT để xử lý theo quy định. Yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc pháp luật về BVMT, thực hiện các giải pháp BVMT theo nội dung đã cam kết trong báo cáo ĐTM, bản cam kết BVMT.

Chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh được duy trì và nằm trong giới hạn cho phép, hàng năm thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường 2 đợt trên địa bàn toàn tỉnh. Để xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Sở TN&MT đã phối hợp với các ngành, UBND các huyện tiến hành rà soát, thống kê, lập danh sách và xác định thời gian hoàn thành xử lý 20 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc lĩnh vực công ích trên địa bàn (các bãi xử lý rác thải, hệ thống xử lý nước thải các bệnh viện đa khoa), đã và đang triển khai xử lý đối với 12/20 cơ sở góp phần giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ do các cơ sở công ích gây



ra. Công tác thu gom rác thải tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã dẫn đi vào nề nếp, lượng rác thải sinh hoạt thu gom tại khu vực đô thị không ngừng tăng qua các năm và đạt trên 90%. Tuy nhiên, lượng rác thải sau khi thu gom chưa được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn do khó khăn về kinh phí. Sở TN&MT đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm tại các bãi rác và ưu tiên nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng các bãi xử lý rác thải đảm bảo tiêu chuẩn. Đến nay đã và đang triển khai nâng cấp, cải tạo tại 5 bãi xử lý rác.

Để chủ động ứng phó với BĐKH, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Hà Giang, trong đó xác định những nhiệm vụ, giải pháp chủ động ứng phó với BĐKH và xác định 11 dự án ưu tiên để triển khai thực hiện thông qua việc lồng ghép với các chương trình dự án như: Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, chương trình 30a tại các huyện đặc biệt khó khăn, chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng... Qua việc lồng ghép đã huy động được nguồn lực để đầu tư cho các công trình phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH như: Xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, kè chống sạt lở...; Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển cây được liên kết với xóa đói giảm nghèo; Trồng

và khoanh nuôi bảo vệ rừng; Xây dựng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; quy hoạch phân bổ tài nguyên nước.

Tiến hành điều tra, thống kê và lập danh sách các điểm có nguy cơ xảy ra tai biến báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để thông báo cho UBND các huyện chủ động cấm biển cảnh báo 99 điểm sạt lở cao và 289 điểm có nguy cơ sạt lở cho nhân dân biết, 20 khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét và có biện pháp phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Để tiếp tục triển khai công tác BVMT và chủ động ứng phó với BĐKH đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Trong thời gian tới, Sở TN&MT tập trung triển khai thực hiện một số nội dung trọng tâm:

Triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đảm bảo

đưa những nội dung của Luật vào cuộc sống. Chủ động tham mưu ban hành các văn bản để cụ thể hóa Luật BVMT phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và tăng cường năng lực cho công tác BVMT và ứng phó với BĐKH. Nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về TN&MT đặc biệt là tại cấp cơ sở. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT, ứng phó với BĐKH. Lồng ghép công tác BVMT vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định góp phần tạo môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, nhất là trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

Huy động các nguồn lực của địa phương và sự hỗ trợ của Trung ương để đầu tư cho công tác BVMT, chủ động ứng phó với BĐKH, đặc biệt là trong quá trình triển khai thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công ích, các dự án ứng phó với BĐKH. Chủ động báo cáo và xin ý kiến của Bộ TN&MT các đơn vị chức năng để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật BVMT năm 2014 và cập nhật kịch bản ứng phó với BĐKH■



▲ Tỉnh Hà Giang thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm chủ động ứng phó với BĐKH và BVMT



Ninh Bình: Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn

Trong những năm gần đây, vấn đề BVMT nông nghiệp, nông thôn luôn được Sở NN&PTNT tỉnh Ninh Bình ưu tiên, lồng ghép trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và đã đạt được những kết quả tích cực. Với công tác bảo vệ rừng, việc quản lý, thanh kiểm tra các vụ vi phạm trong quản lý lâm sản được quan tâm chỉ đạo. Từ năm 2013-2015, Sở đã xử lý 8 vụ khai thác đất đá trong rừng, 39 vụ phá rừng, 2 vụ khai thác gỗ rừng sản xuất (1,7 m³), 2 vụ săn bắn chim hoang dã, 10 vụ vận chuyển chim hoang dã. Đặc biệt, đã kiểm tra, phát hiện và lập hồ sơ 92 vụ buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép, tịch thu 1.610,1 kg động vật hoang dã; 52,27 m³ gỗ; 181 cá thể chim; 95kg than hầm.

Đối với môi trường làng nghề, theo thống kê, tính đến ngày 31/12/2014, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 78 làng nghề được UBND tỉnh công nhận, hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực ngành nghề nông thôn. Trong đó có 5 làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; 64 làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (11 làng chế tác đá, 4 làng thêu ren, 39 nghề cội, 7 làng mây tre đan, tằm hương, 2 làng mộc và 1 làng gốm sứ); 8 làng nghề gây trồng kinh doanh sinh vật cảnh; 1 làng nghề xây dựng. Môi trường một số làng nghề hoạt động trên lĩnh vực chế tác đá mỹ nghệ (Hoa Lư), gốm sứ (Nho Quan) bị ảnh hưởng do khói bụi từ hoạt động chạm khắc đá mỹ nghệ, khí thải độc hại từ nung đốt bình gốm sứ, ô nhiễm tiếng ồn do các loại máy khoan đục đá, môi trường nước, không khí tại làng nghề bún ảnh hưởng tới sức khỏe người dân. Do đó, tỉnh đã di dời một số cơ sở sản xuất trong làng nghề đá mỹ nghệ ra khu Làng nghề tập trung Ninh Vân giai đoạn I và đang tiếp tục quy hoạch giai đoạn II để di dời các cơ sở còn lại. Cơ sở sản xuất của làng nghề gốm Mỹ Lộc cũng đã được di chuyển ra khu sản xuất tập trung, xa khu dân cư, có các biện pháp che chắn, giảm thiểu khói bụi, tiếng ồn. Đặc biệt, làng nghề bún Yên Ninh (Yên Khánh) đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, qua đó, góp phần giảm tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực dân cư.



▲ Chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân, Ninh Bình

Trước thực trạng người dân thường lạm dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và các chất kích thích sinh trưởng để tăng năng suất, sản lượng cây trồng; Sở thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn nông dân sử dụng đúng thuốc BVTV trong danh mục cho phép, khuyến khích người dân sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học và thu gom, xử lý đúng cách; xây dựng mô hình trình diễn về sử dụng thuốc BVTV góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nông dân trong sản xuất. Mặt khác, Sở đã đề nghị tiêu hủy lượng thuốc quá hạn, ngoài danh mục, thuốc cấm sử dụng và bao bì thuốc BVTV tồn lưu đang chờ tiêu hủy tại phường Ninh Sơn, TP. Ninh Bình với tổng lượng thuốc, bao bì là 1.080 kg (680 kg thuốc, 400 kg bao bì). Đến nay, lượng thuốc BVTV tồn lưu trong các kho đã được tiêu hủy hết. Đồng thời, tỉnh

cũng có các chương trình, dự án hỗ trợ, khuyến khích nông dân sản xuất, trồng trọt theo hướng phát triển nền nông nghiệp sinh thái bền vững.

Cùng với đó, Sở NN&PTNT tỉnh đã phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức đánh giá hiện trạng, tác động của ô nhiễm môi trường đối với phát triển kinh tế - xã hội; vận động người dân đầu tư nguồn lực xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, sử dụng công nghệ khí sinh học biogas; phổ biến rộng việc sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi... Từ năm 2011 đến nay, Sở đã hỗ trợ xây dựng được trên 1.720 công trình khí sinh học cho các hộ dân chăn nuôi, với tổng kinh phí hỗ trợ trên 2 tỷ đồng.

Nhằm nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, Sở đẩy mạnh thực hiện Chương trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, nhiều công trình cấp nước sạch đã được xây dựng. Trên địa bàn tỉnh



Tạp chí với bạn đọc

hiện có 82 trạm cấp nước sinh hoạt tập trung đang hoạt động, nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90,18%.

Tuy nhiên, công tác quản lý và BVMT nông thôn của tỉnh vẫn còn tồn tại những khó khăn, thách thức như: Tình trạng chồng chéo trong phân công trách nhiệm, có những mảng còn bỏ ngỏ trong tổ chức quản lý môi trường nông thôn; Đầu tư tài chính còn thấp; Các hoạt động quản lý và kiểm soát chất thải khu vực nông thôn chưa hiệu quả; Nhận thức của người dân về BVMT còn hạn chế.

Để phát triển ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, thời gian tới, Sở sẽ tăng cường triển khai các hoạt động quản lý và kiểm soát chất thải từ khu vực nông thôn; Tiếp tục tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra về quản lý bảo vệ rừng, khai thác lâm sản, đánh bắt thủy hải sản; Quy hoạch làng nghề và đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường tại các cụm làng nghề tập trung. Đồng thời, đầu tư nâng cao năng lực hệ thống cơ sở hạ tầng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong hoạt động sản xuất nông nghiệp nông thôn theo hướng khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sản xuất sạch hơn, phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế và BVMT; Xây dựng các mô hình điểm về quản lý và BVMT nông thôn; Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế; Thực hiện các Chương trình, dự án nâng cao chất lượng rừng và năng lực rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn. Phấn đấu đến năm 2020, nâng độ che phủ rừng lên 20,5%■

ĐỨC ANH

Hiện nay, có nhiều các công ty nước ngoài đến Việt Nam đầu tư, tạo việc làm cho lao động địa phương, góp phần phát triển kinh tế đất nước, nhưng mặt khác lại gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân. Vậy Bộ TN&MT đã kiểm tra và giám sát công tác xử lý chất thải của các doanh nghiệp như thế nào?

(CỦ TRI TỈNH AN GIANG)

Trong những năm gần đây, công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT đối với các tổ chức, doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả các công ty nước ngoài tại Việt Nam luôn được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước của Bộ TN&MT. Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, Bộ TN&MT đã tổ chức thanh tra, kiểm tra 3.440 cơ sở, khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN), trong đó có nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; xử phạt 1.807 cơ sở, KCN, CCN với tổng số tiền xử phạt là 250,328 tỷ đồng; đồng thời thu hồi 5 Giấy phép quản lý chất thải nguy hại, tạm đình chỉ hoạt động đối với 43 cơ sở, bộ phận gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Qua đó có thể thấy các vi phạm nghiêm trọng về môi trường thời gian qua không chỉ là doanh nghiệp trong nước mà còn có cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Để từng bước giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ngăn chặn kịp thời các vi phạm, ngoài nỗ lực của các cơ quan Nhà nước các cấp, không thể thiếu sự tham gia giám sát của xã hội, của cộng đồng dân cư, của các tổ chức, cá nhân tại cơ sở. Bên cạnh đó với vai trò là cơ quan giúp Chính phủ quản lý nhà nước về TN&MT, Bộ TN&MT đã và đang tích cực tham mưu cho Chính phủ tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT theo hướng quy định chặt chẽ hơn việc kiểm soát xả thải, xử lý chất thải... tạo hành lang pháp

lý để kiểm soát có hiệu quả việc thực hiện công tác BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, yêu cầu phải có hệ thống quan trắc tự động 24/24h (đối với các cơ sở có lượng xả nước thải, khí thải lớn), tăng khung và mức phạt lên 2 tỷ đồng đối với một hành vi vi phạm... Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tập trung xử lý dứt điểm những điểm nóng về môi trường, công khai thông tin vi phạm theo quy định của pháp luật để tạo áp lực buộc các doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định về BVMT. Bên cạnh đó, Bộ sẽ tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT của UBND cấp tỉnh để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về BVMT, khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014, sửa đổi bổ sung Nghị định số 179/2013/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT nhằm tăng cường hơn nữa tính răn đe của các chế tài xử lý vi phạm.

Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tăng cường năng lực hệ thống thanh tra về BVMT từ Trung ương đến địa phương.



NGHỊ ĐỊNH VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Ngày 19/2/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2016/NĐ-CP về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (KTKS). Theo đó, Nghị định quy định về đối tượng chịu phí, người nộp phí, mức thu, phương pháp tính phí và quản lý sử dụng phí BVMT đối với KTKS.

Đối tượng chịu phí BVMT đối với KTKS là dầu thô, với mức phí: 100.000 đồng/tấn, khí thiên nhiên, khí than: 50 đồng/m³; Riêng khí thiên nhiên thu được trong quá trình khai thác dầu thô (khí đồng hành): 35 đồng/m³; Mức phí BVMT đối với KTKS tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng.

Khoản thu phí BVMT đối với KTKS kim loại và không

kim loại sẽ nộp ngân sách địa phương 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động KTKS theo Luật BVMT và Luật Ngân sách Nhà nước, với các nội dung: Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động KTKS; Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động KTKS gây ra; Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/5/2016 và thay thế Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 28/5/2011 của Chính phủ về phí BVMT.

ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ HÀNG HÓA MÔI TRƯỜNG TRONG APEC

Ngày 13/1/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 5/2016/TT-BTC sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số hàng hóa môi trường trong APEC thuộc nhóm 84.19 và 84.21 tại biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Theo biểu suất mới ban hành, trang thiết bị cho phòng thí nghiệm hoặc máy, thiết bị gia nhiệt bằng điện hoặc không bằng điện (trừ lò nấu luyện, lò nung sấy và các thiết bị khác thuộc nhóm 85.14) để xử lý các loại vật liệu bằng quá trình thay đổi nhiệt như làm nóng, nấu, rang, chưng cất, tinh cất, sát trùng, thanh trùng, phun hơi

nước, sấy, làm bay hơi, làm khô, cô đặc hoặc làm mát trừ các loại máy hoặc thiết bị dùng cho gia đình; thiết bị đun nước nóng nhanh hoặc thiết bị đun chứa nước nóng, không dùng điện sẽ giảm thuế suất thuế nhập khẩu từ 10% về mức 5%.

Biểu thuế mới cũng quy định áp thuế 5% đối với máy và thiết bị lọc sử dụng trong gia đình có mã hàng hóa: 8421.21.11. Máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí không hoạt động bằng điện (Mã hàng hóa: 8421.21.23) cũng được giảm thuế nhập khẩu xuống 5%.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/2/2016.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI LÒ ĐỐT CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Ngày 10/3/2016, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 3/2016/TT-BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với lò đốt chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH).

Theo đó, Quy chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với lò đốt CTRSH và giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải.

Về yêu cầu kỹ thuật, lò đốt CTRSH phải có quy trình hoạt động theo nguyên lý đốt nhiều cấp, bảo đảm có vùng đốt sơ cấp và thứ cấp; Có biện pháp hạn chế khí thải thoát ra ngoài môi trường qua cửa nạp CTRSH; Xây dựng và thực hiện quy trình vận hành an toàn lò đốt CTRSH, không đưa vào lò đốt CTRSH: chất thải có nguy cơ gây nổ; chất thải có tính ăn mòn; hóa chất và bao bì hóa chất bảo vệ thực vật; chất thải có chứa thủy ngân, chì, cadimi vượt ngưỡng chất thải nguy hại... Thực hiện giám sát môi trường định kỳ đối với lò đốt CTRSH theo quy định hiện hành và yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường.



Đánh giá mức độ ô nhiễm không khí ở Hà Nội và đề xuất một số giải pháp

GS.TSKH PHẠM NGỌC ĐĂNG
Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên
và Môi trường Việt Nam

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Để bảo vệ sức khỏe của con người trước tác động xấu của ô nhiễm không khí (ÔNKK), một số quốc gia trên thế giới đã đưa ra quy định trị số nồng độ các chất ô nhiễm cơ bản trong không khí thực tế không được vượt quá các trị số tiêu chuẩn/quy chuẩn cho phép. Cụ thể, tại Mỹ, Trung Quốc và Việt Nam đối với bụi PM₁₀ tiêu chuẩn/quy chuẩn nồng độ trung bình năm tối đa cho phép là 50 µg/m³, nồng độ trung bình ngày tối đa cho phép là 150 µg/m³. Để đánh giá mức độ ô nhiễm của không khí các quốc gia thường dùng chỉ số chất lượng không khí (AQI). Chỉ số AQI được phân thành 2 loại:

Chỉ số AQI đơn lẻ, tính riêng cho từng chất ô nhiễm trong không khí, ký hiệu là AQI_i, người ta thường xác định AQI_i đối với 5 chất ô nhiễm cơ bản của không khí (bụi PM₁₀, SO₂, NO₂, CO và O₃). Công thức tính chỉ số chất lượng không khí đơn lẻ AQI_i ở tất cả các nước là như nhau và có dạng như sau:

$$AQI_i = \frac{C_i}{C_{i,0}} 100\% \quad (1);$$

Trong đó:

- C_i: Nồng độ thực tế của chất ô nhiễm i;
- C_{o.i}: Trị số nồng độ tối đa theo quy chuẩn môi trường cho phép đối với chất ô nhiễm i;

Chỉ số chất lượng không khí tổng hợp (AQI₀), dùng để đánh giá chung về chất lượng không khí của địa phương hay của đô thị nào đó, có xét đến tác dụng tổng hợp của nhiều chất ô nhiễm khác nhau trong môi trường không khí, là trị số trung bình cộng của các AQI_i đơn lẻ, có dạng công thức tính toán như sau:

$$AQI_0 = 1/m \sum_{i=1}^m AQI_i \quad (2);$$

Trong đó “m” là số lượng thông số ô nhiễm, thông thường thì m = 5 (5 chất ô nhiễm cơ bản: bụi PM₁₀, SO₂, NO₂, CO và O₃).

Mức độ ô nhiễm hay chất lượng không khí thường được chia thành 5 mức (tốt, không ô nhiễm, ô nhiễm, ô nhiễm nặng, ô nhiễm rất nặng), như biểu thị ở bảng 1.

Bảng 1. Bảng phân mức ô nhiễm hay chất lượng môi trường không khí và các gam màu được sử dụng trong đánh giá ÔNKK

Giá trị AQI	Chất lượng không khí	Ảnh hưởng sức khỏe	Màu
0 - 50	Tốt	Không ảnh hưởng đến sức khỏe	Xanh da trời
51- 100	không ô nhiễm	Nhóm nhạy cảm nên hạn chế thời gian ở bên ngoài nhà	Vàng
101-200	ô nhiễm	Nhóm nhạy cảm cần hạn chế thời gian ở bên ngoài nhà	Da cam
201 - 300	ô nhiễm nặng	Nhóm nhạy cảm tránh ra ngoài. Nhóm người khác hạn chế ở bên ngoài	Đỏ
Trên 300	ô nhiễm rất nặng	Mọi người nên ở trong nhà	Nâu

Hiện nay, trên thế giới có 2 cách đánh giá tổng quát, phân mức ô nhiễm chung đối với ÔNKK: Trước năm 2000, tất cả các nước trên thế giới đều đánh giá ÔNKK theo 2 chỉ số: AQI_i đơn lẻ (đánh giá mức độ ô nhiễm đối với từng chất ô nhiễm “i”) và chỉ số AQI₀ tổng quát = trung bình cộng của các chỉ số AQI_i đơn lẻ (để đánh giá mức độ ô nhiễm chung đối với môi trường không khí), các nước hiện nay vẫn sử dụng cách đánh giá này là: Mêhicô, một số nước châu Âu, Hồng Kông, Singapo, Malaixia, Ấn Độ...

Sau năm 2000, Cục BVMT Mỹ (US EPA) đã đưa ra cách đánh giá mới: “Coi trị số AQI_i đơn lẻ của bất cứ thông số ô nhiễm có giá trị cực đại nhất sẽ là chỉ số AQI₀ để đánh giá chung, đại diện

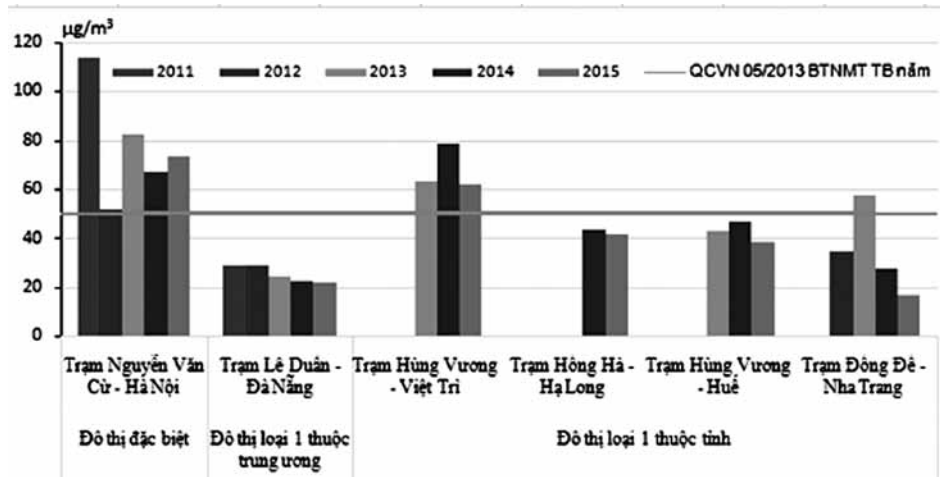
mức độ ô nhiễm của môi trường không khí đó, các nước hiện nay đang sử dụng cách đánh giá này là Mỹ, Canada, Trung Quốc, Anh, Thái Lan và Việt Nam...

Số liệu quan trắc bụi trong môi trường không khí PM₁₀ (Bụi có đường kính khí động học nhỏ hơn hoặc bằng 10µg) của các trạm quan trắc không khí tự động tại các đô thị của Việt Nam, trong giai đoạn 2001- 2015 cho thấy, chất lượng không khí đô thị của Việt Nam chưa có nhiều cải thiện so với giai đoạn 2006 - 2010, tuy ô nhiễm bụi PM₁₀ năm 2015 nhỏ hơn các năm trước. Tại Hà Nội và Việt Trì (Phú Thọ), ô nhiễm bụi vẫn duy trì ở ngưỡng cao (biểu đồ 1).

Xét biểu đồ 1 cho thấy, chỉ số AQI đối với bụi PM₁₀ ở Hà Nội năm 2011 là lớn nhất



Biểu đồ 1. Diễn biến nồng độ bụi PM₁₀ trung bình năm tại một số trạm quan trắc tự động, liên tục giai đoạn 2011-2015 AQI



▲ Ghi chú: số liệu cập nhật đến hết tháng 9/2015. Nguồn: CEM, Tổng cục Môi trường, 2015

và AQI bụi, năm = $116/50 \times 100 = 232$, so với trị số AQI ở bảng 1 thì năm 2011 môi trường không khí Hà Nội bị ô nhiễm ở mức “ô nhiễm nặng”, nhưng năm 2015, AQI đối với bụi PM₁₀ ở Hà Nội là nhỏ hơn và AQI bụi, năm = $73/50 \times 100 = 146$, so với trị số AQI ở bảng 1 thì năm 2015 môi trường không khí Hà Nội bị ô nhiễm ở mức “ô nhiễm nhẹ”. Cũng theo biểu đồ 1 cho thấy, không khí TP. Đà Nẵng không bị ô nhiễm và trong sạch nhất.

Ngày 3/3/2016, Đại sứ quán Mỹ ở Hà Nội đã công bố trị số quan trắc bụi PM_{2,5} tại Hà Nội vào giờ cao điểm (8-9 giờ sáng) là $383\mu\text{g}/\text{m}^3$; Số liệu đo lường của trạm quan trắc tự động Nguyễn Văn Cừ (Tổng cục Môi trường) cho thấy, xuất hiện trị số PM₁₀ đột xuất lớn nhất vào thời điểm 8-9 giờ buổi sáng bằng khoảng $270\mu\text{g}/\text{m}^3$, từ đó trên các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa tin ÔNKK của Hà Nội ngang ÔNKK ở TP. Bắc Kinh. Đây là thông tin đánh giá ÔNKK ở Hà Nội chưa chính xác, thiếu cơ sở khoa học và thực tế. Bởi trị số nồng độ bụi PM_{2,5} đo được nêu trên chỉ là trị số cực hạn đột xuất ở thời điểm bất thường, thí dụ như lúc đó có cơn gió thổi tức thời mang theo nồng độ bụi lớn đi qua thiết bị đo chẳng hạn, không phải là trị số trung bình ngày (trung bình 24 giờ) nên không thể được xem là trị số đại diện của ngày hôm đó để đánh giá mức độ ÔNKK ở Hà Nội. Để đánh giá mức độ ô nhiễm của một địa phương vào một ngày cụ thể thì phải lấy trị số trung bình đo của 24 giờ liên tục làm đại diện; đánh giá mức độ ô

nhiễm năm thì phải căn cứ vào trị số trung bình đo của cả năm liên tục (365 ngày x 24 giờ đo) làm trị số đại diện.

Giả thiết cho rằng, trị số PM_{2,5} đo được của Đại sứ quán Mỹ ở Hà Nội đã công bố là trị số trung bình ngày, thì trị số AQI ngày hôm đó cũng chỉ bằng $383\mu\text{g}/\text{m}^3: 150\mu\text{g}/\text{m}^3 \times 100 = 255$, so với các trị số của bảng 1 thì môi trường không khí ở Hà Nội cũng chỉ ở mức độ “ô nhiễm nặng” chứ không phải ở mức độ “ô nhiễm rất nặng, ô nhiễm nguy hiểm” như ở TP. Bắc Kinh. Trong khi đó trị số AQI bụi của môi trường không khí Bắc Kinh lên tới 300, 500 và cao hơn nữa, ở mức ô nhiễm rất nặng, nguy hiểm. Vào các ngày ô nhiễm như vậy chính quyền Bắc Kinh phải áp dụng biện pháp giảm bớt lượng ô tô hoạt động trong TP và tạm đình chỉ hoạt động của một số nhà máy có nguồn thải ÔNKK lớn, đồng thời khuyến nghị những người có nhạy cảm với ÔNKK thì không nên ra khỏi nhà.

Ngoài ra, các chất ô nhiễm môi trường không khí ở Bắc Kinh có tính chất độc hại hơn các chất ÔNKK ở Hà Nội, theo kết quả phân tích thành phần bụi không khí của Hà Nội cho thấy, khoảng trên 50% bụi Hà Nội là thành phần bụi đất, còn thành phần bụi các bon đen, được sản sinh ra từ quá trình đốt nhiên liệu hóa thạch, có thể gây ra bệnh ung thư phổi, thì chỉ chiếm dưới 50%. Ngược lại, ở Bắc Kinh ÔNKK không những phát sinh từ hoạt động giao thông và công nghiệp mà còn phát sinh từ rất nhiều lò đốt nước nóng dân dụng đốt than để sưởi ấm trong mùa đông, nên tỷ lệ thành phần bụi các bon đen cao hơn. Mặt khác ở Bắc Kinh môi trường không khí không những bị ô nhiễm nặng về bụi mà còn bị ô nhiễm nặng về khí SO₂.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẤP BẠCH CẢI THIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ Ở HÀ NỘI VÀ CÁC ĐÔ THỊ KHÁC

Trước hết cần phải xác định các nguồn gây ra ô nhiễm bụi ở Hà Nội và các đô thị nước ta là bụi thải ra từ các ống xả của các phương tiện giao thông cơ giới, chủ yếu là từ các xe máy, mô tô; Bụi phát sinh từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ở bên trong và xung quanh TP; Bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng mới và sửa chữa các công trình nhà cửa, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Bụi phát sinh từ sự rơi vãi, phát tán từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu rời, nhất là vận chuyển đất cát; Bụi phát sinh từ mặt đường và hệ phố



▲ Phát triển trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh trong TP. Hà Nội, bảo đảm chỉ tiêu quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam

với chất lượng xấu, lại bị bắn, mất vệ sinh và khi có gió thổi hay xe cộ chạy qua thì bụi sẽ bị cuốn theo bay lên, khuếch tán ra xung quanh đường phố.

Căn cứ vào các vấn đề tồn tại, bức bách về ÔNKK cũng như xác định nguyên nhân gây ô nhiễm bụi, có thể đề xuất một số giải pháp có tính cấp bách nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi, cải thiện chất lượng không khí TP. Hà Nội và các đô thị ở nước ta:

Tăng cường năng lực quản lý môi trường không khí Hà Nội như thành lập phòng quản lý môi trường không khí ở Chi cục BVMT Hà Nội, bổ sung cán bộ chuyên môn được đào tạo đúng chuyên ngành môi trường không khí cho Chi cục BVMT cũng như các phòng quản lý môi trường ở các quận/huyện; tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý môi trường không khí cho các cán bộ đương chức trong hệ thống quản lý môi trường các cấp của Hà Nội và các đô thị;

Tập trung kiểm soát, kiểm tra và xử lý nghiêm ngặt các nguồn thải ô nhiễm bụi phát sinh từ các hoạt động xây dựng mới và sửa chữa các công trình nhà cửa, công trình giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp nước, thoát nước, cấp điện, cấp gas, hệ thống cấp thông tin...);

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải bụi phát sinh từ vận chuyển nguyên vật liệu rời, đặc biệt là về ban đêm, các xe vận chuyển thường vi phạm quy định về BVMT;

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường không khí, đặc biệt là hệ thống quan trắc không khí tự động cố định;

Phát triển hệ thống giao thông công cộng, đảm bảo thuận lợi cho người dân đi lại, nhằm giảm thiểu số lượng xe máy và ô tô cá nhân;

Tiến hành kiểm tra định kỳ theo quy định của quy chuẩn môi trường về khí thải đối với tất cả các phương tiện giao thông cơ giới (các loại xe ô tô, đặc biệt là các loại xe buýt, xe tải, xe ô tô chạy dầu và các loại xe mô tô, xe máy), cấm lưu hành đối với các xe không đáp ứng yêu cầu về BVMT của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật xử lý bụi phát sinh từ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp ở bên trong và xung quanh TP;

Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các quy định BVMT không khí; Huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng, mọi người dân, mọi cơ sở sản xuất, mọi tổ chức xã hội trong công tác BVMT không khí nói riêng và BVMT không khí TP nói chung.

Thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý đúng kỹ thuật vệ sinh 100% rác thải của đô thị, thường xuyên quét dọn đường xá và vỉa hè, bảo đảm đường phố luôn luôn sạch sẽ; Tiến hành phun nước rửa đường vào các ngày trời nắng hanh khô;

Phát triển trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh trong TP, bảo đảm chỉ tiêu diện tích cây xanh trên đầu dân đạt trị số quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam■



CẦN BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ

Di sản thiên nhiên độc đáo của Hà Nội

GS. TSKH ĐẶNG HUY HUỲNH

Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam



▲ VQG Ba Vì được xem như là lá phổi xanh của cư dân Hà Nội

Ngay trong thập kỷ đầu của thế kỷ XX, địa danh Ba Vì đã từng được biết đến với các nguồn tài nguyên khí hậu rừng và giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) cùng với nền văn hóa lịch sử lâu đời. Năm 1991, khu rừng cấm Ba Vì được thành lập, sau đó chuyển thành Vườn quốc gia (VQG) Ba Vì vào ngày 18/12/1991 với diện tích 7.300 ha. Khi Hà Nội quy hoạch mở rộng nhằm tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái (HST) tự nhiên và ĐDSH, VQG Ba Vì được mở rộng diện tích 10.814 ha với 3 phân khu chức năng: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích 1.648 ha; phân khu phục hồi sinh thái với diện tích 8.825 ha; phân khu hành chính dịch vụ 340 ha và vùng đệm với diện tích 40.697,4 ha, là nơi sinh sống phát triển kinh tế của nhân dân tại 16 xã, 5 huyện thuộc 2 tỉnh Hòa Bình và Hà Nội.

Đặc trưng của VQG Ba Vì là dãy núi đơn lẻ hiện lên giữa châu thổ sông Hồng rộng lớn với các đỉnh núi cao như: Đỉnh Vua cao 1.270 m, đỉnh Tản Viên cao 1.227 m, đỉnh Ngọc Hoa cao 1.131 m, đỉnh Viên Nam cao 1.012 m so với mực nước biển; lưng chừng có những dãy núi đá vôi hùng vĩ như Đá Chông, Đá Chẹ. VQG Ba Vì là bức bình phong, nơi nương tựa vững chắc cho hàng chục vạn cư dân người Kinh,

Mường và Dao tồn tại và phát triển trong quá trình lịch sử, trên vùng đất Thăng Long nghìn năm văn hiến. VQG Ba Vì xưa và nay được xem như lá phổi xanh của cư dân Hà Nội, là phòng thí nghiệm sinh động nghiên cứu về tự nhiên và xã hội học bởi sự đa dạng về hệ sinh thái tự nhiên, nhân văn.

ĐẶC TRƯNG ĐDSH CỦA VQG BA VÌ

Ngay từ năm 1886, nhà thực vật học người Pháp B.Balansa đã đến rừng núi Ba Vì nghiên cứu, thu thập được 5.066 tiêu bản thực vật và đã công bố trong cuốn Thực vật Chí Đông Dương một danh sách gồm 673 loài thực vật thuộc 469 chi. Cho đến nay, các nhà thực vật học Việt Nam đã điều tra, bổ sung vào danh sách thực vật thuộc VQG Ba Vì là 1.526 loài thuộc 209 họ

của 6 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 503 loài cây có giá trị dược liệu, đặc biệt có 16 loài thực vật đặc hữu mang tên địa danh Ba Vì như: Thu hải đường Ba Vì (*Begonia baviensis*), sắt Ba Vì (*Fargesia baviensis*), mua Ba Vì (*Alomorphia baviensis*), bời lời Ba Vì (*Litsea baviensis*), cau rừng Ba Vì (*Pinanga baviensis*)... Ngoài ra, VQG còn là nơi cư trú của 348 loài động vật hoang dã (thú, chim, bò sát lưỡng cư, 552 loài côn trùng, trong đó có 30 loài động vật, 49 loài thực vật quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục Đỏ thế giới (2015). Đây là nguồn vốn tự nhiên quý giá của Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

VQG Ba Vì có chức năng như máy điều hòa khí hậu khổng lồ, rừng đầu nguồn của các dòng sông, hồ lớn của các



cánh đồng nông nghiệp ven đô, hạn chế lũ quét sạt lở, xói mòn đất, hấp thụ các-bon. Cộng đồng sống xung quanh chân núi Ba Vì đã tích lũy nhiều tri thức bản địa, truyền thống trong việc bảo vệ rừng để hỗ trợ phát triển các vùng sinh thái cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao như các trang trại gà đồi, bò, dê, thỏ, lợn mán, ong lấy mật, vườn chè xanh, đặc biệt là các vườn cây thuốc dân gian có giá trị cao.

Bên cạnh đó, VQG Ba Vì hiện hữu nhiều khu di tích văn hóa lịch sử quốc gia nổi tiếng: Đền Đức thánh Tản Viên; Đền thờ Bác Hồ, Khu K9... Vì vậy, VQG Ba Vì là một trong những điểm đến lý tưởng không chỉ đối với cộng đồng 54 dân tộc anh em con Hồng, cháu Lạc mà còn là nơi gặp gỡ của bạn bè quốc tế khi các đặc điểm tự nhiên, HST rừng, đất ngập nước, các cảnh quan, ĐDSH, di tích văn hóa lịch sử được bảo tồn và phát triển bền vững.

CÁC MỐI ĐE DỌA ĐỐI VỚI VQG BA VÌ

Hiện nay, cùng với quá trình mở rộng Thủ đô, một số khu du lịch sinh thái, resort, khu vui chơi, giải trí... đã không tuân thủ luật pháp, không dựa trên cơ sở khoa học để quy hoạch, xây dựng, gây ra những tác động xấu đối với cảnh quan tự nhiên, ĐDSH.

Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004), Luật ĐDSH (2008)... đã quy định rõ những việc được làm và nghiêm cấm không được làm trong các phân khu chức năng của hệ thống các khu rừng đặc dụng Việt Nam (VQG, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh, khu bảo vệ đất ngập nước...). Đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt với mục tiêu bảo vệ toàn bộ tài nguyên rừng và đất rừng, các cảnh quan, HST và ĐDSH, các di tích, nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học về bảo tồn quản lý bền vững ĐDSH, nghiêm cấm mọi hoạt động ảnh hưởng đến HST và ĐDSH. Phân khu phục hồi sinh thái với mục tiêu chính là phục hồi các HST đã bị tác động, tổ chức thực hiện nghiên cứu xây dựng các mô hình phục hồi cảnh

Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG VỀ VIỆC XÂY DỰNG TRÁI PHÉP TẠI VQG BA VÌ

● Theo dõi tình hình xử lý của Bộ NN&PTNT

Tại cuộc họp báo thường kỳ Chính phủ tháng 2/2016, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Khắc Định cho biết, theo Luật Bảo vệ và phát triển rừng, việc quản lý và cho thuê rừng thuộc thẩm quyền của chủ rừng, trường hợp này chủ rừng là VQG Ba Vì, thuộc quản lý của Bộ NN&PTNT. Do đó, ngay sau khi có thông tin về việc xây dựng resort trong VQG Ba Vì, Thủ tướng đã có văn bản giao Bộ NN&PTNT kiểm tra xử lý. Văn phòng Chính phủ đã báo cáo Thủ tướng và sẽ tiếp tục theo dõi tình hình xử lý của Bộ NN&PTNT.

● Đình chỉ công trình trái phép từ ngày 1/3

Ngày 29/2/2016, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Cao Đức Phát đã chỉ đạo Tổng cục Lâm nghiệp tổ chức ngay đoàn thanh tra, kiểm tra làm rõ việc xây dựng các công trình trái phép tại VQG Ba Vì, xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì (TP. Hà Nội). Đồng thời yêu cầu các chủ đầu tư đình chỉ ngay việc thi công xây dựng công trình trái phép tại VQG Ba Vì kể từ ngày 1/3/2016.

● Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương thực hiện và cấp phép xây dựng cho Dự án

Theo Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Mai Thanh Dung, tháng 6/2015, Bộ TN&MT đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư xây dựng Khu dịch vụ du lịch sinh thái trong phân khu hành chính dịch vụ 1 - VQG Ba Vì. Theo nội dung mô tả hiện trạng môi trường khu vực Dự án trong Báo cáo ĐTM, ở cốt 600 m là khu vực biệt thự nghỉ cuối tuần của Pháp đã bị phá hủy và xuống cấp, chỉ còn một số phế tích như các nhà biệt thự, trạm gác, trại lính, trại gái, sân bay, khách sạn, cầu lạc bộ sĩ quan... Cũng theo Báo cáo ĐTM, chủ đầu tư sẽ sửa chữa, tu bổ các công trình này thành công trình dịch vụ du lịch và thực tế hiện nay là Khu nghỉ dưỡng Le Mont Bavi Resort & Spa. Theo Luật BVMT 2014, Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương thực hiện và cấp phép xây dựng cho Dự án. Do đó, không biết sau khi được phê duyệt Báo cáo ĐTM, chủ đầu tư đã đệ trình các cơ quan chức năng có liên quan khác để xin cấp phép theo quy định hay chưa?

● Chưa nhận được văn bản nào của cơ quan quản lý và chủ đầu tư

Theo Bộ Tư lệnh Thủ đô, cốt 600m VQG Ba Vì nằm trong khu vực quốc phòng. Toàn bộ đất đai do Bộ NN&PTNT quản lý, nhưng việc lập dự án khai thác đều phải xin ý kiến thỏa thuận với Bộ Quốc phòng về tính chất, quy mô, chức năng hoạt động trong kết hợp giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Trong trường hợp được phép khai thác sử dụng, chủ đầu tư không được làm biến đổi địa hình, biến dạng thực địa. Hiện Bộ Tư lệnh Thủ đô chưa nhận được văn bản nào của cơ quan quản lý, chủ đầu tư trong quá trình triển khai Dự án. Mặt khác, do Dự án nằm sâu trong khu vực rừng đặc dụng của VQG Ba Vì do Bộ NN&PTNT quản lý nên các lực lượng quân đội không nắm được việc triển khai xây dựng.



quan, thăm quan du lịch không gây tổn hại, ảnh hưởng đến quá trình phục hồi rừng và ĐDSH. Phân khu dịch vụ hành chính là nơi được phép xây dựng các công trình nhà làm việc, sinh hoạt của Ban quản lý khu bảo tồn (Hạt kiểm lâm, Trung tâm nghiên cứu khoa học, phòng bảo tàng, trưng bày vật mẫu...) nhằm phục vụ quản lý hài hòa giữa bảo tồn và sử dụng hợp lý diện tích đất đã được quy hoạch theo đúng chức năng, quy định pháp luật.

Trong Chiến lược quốc gia về bảo tồn ĐDSH, trong đó có quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) ở Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 có đề cập đến các mục tiêu như hạn chế và xóa bỏ hoàn toàn tình trạng xâm lấn diện tích các khu BTTN và VQG đảm bảo tổng diện tích các khu rừng đặc dụng của cả nước là 2,3 triệu ha; Bảo tồn và phát triển bền vững các loài động, thực vật nguy cấp quý hiếm; Phục hồi các HST trên cạn, rừng ngập mặn đã bị suy thoái; Chấm dứt việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong khu rừng đặc dụng trái với các quy định hiện hành. Tất cả các khu rừng đặc dụng (VQG, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài, sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan...) phải được tổ chức bảo tồn quản lý, giám sát một cách nghiêm ngặt.

Nhưng rất tiếc, vừa qua đã xảy ra việc xây dựng các khu resort trên các độ cao 600 m, 800 m so với mực nước biển ở VQG Ba Vì. Việc không tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng đất trong VQG Ba Vì đã được dư luận xã hội quan tâm, đồng thời cũng là điều đáng suy nghĩ đối với các cơ quan quản lý, cũng như chủ sở hữu các khu resort. Mặc dù, vấn đề tổ chức kinh doanh du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng ở Việt Nam là “ngành kinh tế không khói” có tiềm năng, nhưng cần phải tuân thủ các quy định đã nêu trong Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật ĐDSH... Du lịch sinh thái phải là nền kinh tế xanh không ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên, ĐDSH mà ngược lại hỗ trợ đắc lực cho sự nghiệp bảo tồn ĐDSH, bảo vệ cảnh quan VQG, khu BTTN ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng■

Tết vừa qua, “cụ Rùa” và Hồ Gươm được nhắc đến trong nhiều câu chuyện và trên các diễn đàn không chỉ của người dân Hà Nội. Gắn với truyền thuyết Lê Lợi trả gươm báu, cụ Rùa được trân trọng như là một di sản quốc gia. Nhưng ít người biết Việt Nam còn có quần thể rùa biển quý giá bao gồm 5 loài. Hiện nay, quần thể rùa này đang phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng do sự khai thác quá mức của con người cùng với sự thay đổi của môi trường, đặc biệt trong khoảng bốn thập niên gần đây.



CÁC MỐI ĐE DỌA ĐỐI VỚI RÙA BIỂN

Rùa biển có mặt trên Trái đất từ 250 triệu năm trước, là sinh vật trải qua nhiều sinh cảnh và hệ sinh thái khác nhau trong quá trình di cư phát triển và sinh sản. Rùa biển được xem là một trong những chỉ số đánh giá sự khỏe mạnh của môi trường biển. Trước đây, rùa biển phân bố hầu hết trên các vùng biển của Việt Nam với mật độ cao. Tuy nhiên, hiện nay cả 5 loài rùa biển của Việt Nam đều suy giảm đáng kể về số lượng bởi các hoạt động của con người, từ đánh bắt ngẫu nhiên khi rùa biển vô tình lọt vào lưới, cho đến các hoạt động đánh bắt chủ ý mang tính chất hủy diệt; từ việc người dân xả rác thải ra biển đến các hoạt động phát triển như xây dựng kè chống xói mòn, các công trình ven biển, khai thác cát ở quy mô tận kiệt làm mất các bãi đẻ

trứng của rùa biển.

CẦN BẢO TỒN CÁC LOÀI RÙA BIỂN

Bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng như rùa biển đã được WWF-Việt Nam thực hiện từ những năm 1990, bắt đầu từ Vườn quốc gia (VQG) Côn Đảo. Việc bảo tồn rùa biển và bãi đẻ của rùa tại Côn Đảo đã đạt được thành công trong việc đảm bảo tỷ lệ nở cao cũng như các sinh cảnh sống gần bờ của rùa biển. Trong năm 2008 - 2009, WWF hợp tác với VQG Côn Đảo triển khai hệ thống gắn thiết bị vệ tinh theo dõi đường di cư của rùa biển từ Côn Đảo. VQG Côn Đảo đã trở thành phòng thí nghiệm sống cho các khu vực bờ biển khác có rùa đẻ tại Việt Nam.

Từ năm 2007 - 2009, WWF đã phối hợp với Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và



Cần bảo tồn các loài rùa biển Việt Nam

● 5 TRONG SỐ 7 LOÀI RÙA BIỂN TRÊN THẾ GIỚI ĐƯỢC PHÂN BỐ TẠI VIỆT NAM

Tất cả các loài rùa biển tại Việt Nam đều được đưa vào Sách đỏ của IUCN và Sách Đỏ Việt Nam (danh sách các loài động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng) ở các cấp độ nguy cấp khác nhau.

Rùa da (*Dermochelys coriacea*): Theo ước tính, ở Việt Nam, từ năm 1960 - 1970, có khoảng 500 rùa mẹ lên các bãi biển làm tổ hàng năm. Đến năm 2002, chỉ còn 10 rùa mẹ lên làm tổ. Từ năm 2008 - 2013, chỉ ghi nhận 1 cá thể rùa da lên đẻ trên bãi Cát Dài tại huyện Cam Lâm (Khánh Hòa) và Hải Lăng (Quảng Trị). Tại các địa phương khác, từng có rùa da lên đẻ như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... nhưng hiện nay, hoàn toàn không còn dấu vết của rùa da lên bờ làm tổ để trứng.

Rùa xanh/Vích (*Chelonia mydas*): Phân bố rất rộng, ở hầu hết các vùng biển của Việt Nam, theo ước đoán trước thập niên 1970 có khoảng 700 rùa mẹ làm tổ hàng năm, đến nay giảm xuống còn 300 con lên đẻ tại 7 khu vực: Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Núi Chúa (Ninh Thuận), Bái Tử Long và Cô Tô - Thanh Lân (Quảng Ninh), Hòn Cau (Bình Thuận), Hòn Khô - Hải Giang (Bình Định), Hải Lăng (Quảng Trị) và Hòn Cao Cát (Kiên Giang).

Đôi môi (*Eretmochelys imbricata*): Dọc bờ biển và trên biển của khu vực, hàng năm số đôi môi bị bắt khoảng vài trăm con, thậm chí có thể lên đến hàng nghìn con. Nếu không nghiêm cấm việc đánh bắt có chủ ý và buôn bán đôi môi bất hợp pháp thì chỉ trong vòng một vài thập kỷ nữa đôi môi sẽ biến mất trong khu vực. Trong thời gian từ năm 2008 - 2013, không còn ghi nhận được bất kỳ cá thể nào lên làm tổ tại các bãi biển của Việt Nam. Các khu vực như Côn Đảo, Cát Bà hoàn toàn không còn loài này lên đẻ trứng từ những năm 2000.

Quần đồng (*Caretta caretta*): Không có thông tin chính thức về số lượng quần thể quần đồng làm tổ ở Việt Nam, qua khảo sát cho thấy, quần đồng dường như không sinh sản tại Việt Nam từ những năm 1970 (Nguyễn Trường Giang, 2008). Tuy nhiên, quần đồng vẫn bị bắt gặp trong quá trình ngư dân khai thác trên biển. Đây là những cá thể sinh sản từ các nước khác trong khu vực.

Đôi môi dứa (*Lepidochelys olivacea*): Vào đầu thế kỷ 20, loài này có số lượng nhiều nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là loài bị khai thác nhiều để làm thức ăn. Đến năm 2002, số lượng đôi môi dứa suy giảm xuống dưới 40 cá thể trong một mùa sinh sản và khu vực có đôi môi dứa lên đẻ chỉ còn tại đảo Quan Lạn (Quảng Ninh) và bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Hiện tại, khu vực bán đảo Sơn Trà đã hoàn toàn không còn dấu vết của đôi môi dứa, đặc biệt là sau khi xây dựng con đường chạy xung quanh đảo và các khu nghỉ dưỡng, khách sạn trên các bãi cát chính của bán đảo như bãi Nam, bãi Tre... Đôi môi dứa chỉ còn được phát hiện tại một số bãi biển không có người sinh sống như hòn Nút Đất (Quảng Ninh) và bãi biển thuộc tỉnh Quảng Trị, với số lượng rất nhỏ.

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xây dựng Khu bảo tồn biển Côn Đảo. Các khu bảo tồn biển là một công cụ hiệu quả để bảo vệ rùa biển và môi trường sống của chúng. Đến nay, Côn Đảo là nơi duy nhất ở Việt Nam, rùa biển vẫn đến để làm tổ và số lượng rùa trở lại hàng năm được duy trì.

Các mối đe dọa đối với rùa không chỉ ở bãi đẻ mà còn cả ngoài biển khi chúng di cư và tìm kiếm thức ăn. Theo nghiên cứu của WWF trong năm 2007, có khoảng hơn 1.000 con rùa biển bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khai thác thủy sản hàng năm. Để giảm thiểu những tác động đó, WWF đã triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cho ngư dân về bảo vệ rùa biển, tập huấn phương pháp cứu hộ rùa, cử quan sát viên đi trên tàu của ngư dân để theo dõi, giám sát những tác động tới rùa biển và hướng dẫn ngư dân cứu hộ rùa biển. Ngoài ra, WWF khuyến khích ngư dân sử dụng lưới câu vòng thay thế lưới câu thường để giảm tác động tới rùa biển nhưng vẫn duy trì hiệu quả khai thác cá ngừ.

Song song với nỗ lực bảo tồn tại chỗ và giảm thiểu tác động của hoạt động khai thác thủy sản đối với rùa biển, WWF cũng làm việc với các tổ chức, cộng đồng và địa phương để giải quyết vấn đề buôn bán rùa biển, đồng thời tăng cường công tác bảo tồn rùa trong cả nước. Kế hoạch hành động quốc gia về rùa biển đầu tiên (2005 - 2010) đã được thực hiện bởi các nỗ lực chung của WWF, IUCN, TRAFFIC và Bộ Thủy sản (nay là Bộ NN&PTNT). Hiện tại, Kế hoạch hành động này đang được Tổng cục Thủy sản (Bộ NN&PTNT), IUCN, WWF và các bên liên quan cập nhật cho giai đoạn 2016 - 2025.

Tuy nhiên, những nỗ lực của Chính phủ, các cơ quan liên quan và các tổ chức quốc tế tham gia vào bảo tồn loài sinh vật quý này cũng chưa đủ mà cần có sự góp sức của mọi người dân mới mang lại hiệu quả bền vững. Trước hết, mỗi cá nhân hãy từ chối việc ăn và sử dụng các sản phẩm từ rùa biển nói riêng, động vật hoang dã nói chung.

PHƯƠNG NGÂN



Những năm gần đây, các nhà bảo tồn quốc tế đã nhắc đến khái niệm “rừng lặng”, nghĩa là những khu rừng bị săn bắn, tận diệt đến mức tĩnh lặng, không còn tiếng thú và ít tiếng chim. Hiện tượng này dường như đã xảy ra ở nhiều cánh rừng khiến thú rừng trở nên khan hiếm. Rừng lặng chính là tương lai không xa của các cánh rừng Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung nếu không có những hành động quyết liệt từ phía các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương và người tiêu dùng.

TRẦN LÊ TRÀ
WWF - Việt Nam

RỪNG LẶNG



▲ Các bạn trẻ vẽ tranh với các thông điệp bảo vệ ĐVHD và nói không với sừng tê giác

Những năm qua, các nhà nghiên cứu và cơ quan truyền thông đã thông tin nhiều về việc tiêu thụ thịt thú rừng ở Việt Nam với xu hướng ngày càng gia tăng. Mặc dù, các cơ quan quản lý đã ban hành các quy định về cấm buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã (ĐVHD) nhưng thực khách vẫn có thể tìm thấy những quán đặc sản thịt thú rừng ở bất cứ địa phương nào trên cả nước.

Cộng đồng quốc tế vẫn xem Việt Nam là một “điểm nóng” về buôn bán ĐVHD, một “trung tâm trung chuyển” ĐVHD phục vụ nhu cầu trong nước cũng như xuất lậu sang Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và các thị trường khác. Theo nghiên cứu của ba tác giả Milica Sandalj, Anna Treydte và Stefan Ziegler thực hiện vào năm 2015 với sự hỗ trợ của WWF-Việt Nam, ước tính mỗi năm có khoảng 3.500 - 4.000 tấn thịt thú rừng đi qua thị trường Việt Nam, khoảng một nửa số lượng này được tiêu thụ trong nước với 80% dưới dạng “đặc sản thịt rừng”.

Nghiên cứu cho thấy, 85% trong tổng số 329 người được hỏi ở Huế từng ăn thịt thú rừng ít nhất một lần trong đời; 68% người có sử dụng thịt thú rừng trong vòng 12 tháng kể từ ngày được hỏi. Trong số những người không ăn thịt thú rừng thì có đến 55% là do “không có cơ hội”, 15% do “quá đắt” và 14% do “không thích”. Chỉ có 7% không ăn thịt thú rừng vì “không rõ nguồn gốc”. Nghiên cứu

cũng chỉ ra rằng, nhóm những người có thu nhập và trình độ học vấn cao lại có xu hướng ăn thịt thú rừng nhiều hơn, thường xuyên hơn, một phần do có đủ khả năng tài chính, hoặc chứng tỏ đẳng cấp, phần khác do niềm tin vào tác dụng bồi bổ và công hiệu tăng cường sức khỏe của thịt thú rừng.

VIỆC TIÊU THỤ THỊT THÚ RỪNG ẢNH HƯỞNG GÌ ĐẾN MÔI TRƯỜNG?

Phần lớn, thịt thú rừng tiêu thụ tại Việt Nam có nguồn gốc từ các loài động vật bản địa bị săn, bắn, bẫy từ rừng, trong đó có cả rừng thuộc khu bảo tồn, vườn quốc gia, nơi hành vi săn, bắt ĐVHD bị cấm và kiểm soát nghiêm ngặt hơn các nơi khác. Một phần khác được nhập lậu từ các nước lân cận.

Để đáp ứng nhu cầu thịt thú rừng trên thị trường, các thợ săn phải săn bắn đến cạn kiệt các loài thú trong khu rừng. Hiện tượng săn bắn đến

mức tận diệt đã xảy ra ở nhiều nơi. Có những “tụ điểm” thu mua thú rừng và khu nhà hàng đặc sản thịt rừng được bày bán công khai. Điều này dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng của một số loài, trong đó có những loài nguy cấp như bò tót, voọc... Ngoài ra, sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng cá thể của một số loài có thể dẫn đến nguy cơ mất cân bằng tự nhiên. Một số loài có hại có thể phát triển mạnh do không có thiên địch. Một số loài khác, đặc biệt là thú ăn thịt đang đứng trước nguy cơ chết đói do không kiếm được thức ăn.

Không chỉ có các nước kém phát triển và đang phát triển như các nước châu Phi, Nam Á, Việt Nam... mới ăn thịt thú rừng. Hàng năm, rất nhiều quốc gia có nền kinh tế, giáo dục, y tế phát triển như Mỹ, Canada, châu Âu, Nhật Bản... cũng tiêu thụ một số lượng lớn thịt rừng. Tuy nhiên, có sự khác biệt lớn trong cách



sản bản và tiêu thụ thịt rừng ở châu Âu so với Việt Nam, bao gồm cả mục đích săn bắn, các loài được phép săn bắn và quan trọng hơn là quy trình kiểm dịch nghiêm ngặt, hạn chế tối đa khả năng lây bệnh cho người và lan ra cộng đồng.

Thịt rừng ở Việt Nam thường được dân buôn thu gom từ nhiều nguồn. Người ta sử dụng các chất hóa học để chống thối rữa, đông lạnh, sau đó chuyển đến các nơi tiêu thụ. Nó không còn là đặc sản nữa mà là một loại thực phẩm chưa qua kiểm dịch. Người ăn sẽ không tránh khỏi các loại chất độc hóa học đã ngấm vào từng miếng thịt rừng được ướp đủ thứ gia vị để giấu đi mùi thật. Nguy hiểm hơn, có những bằng chứng cho thấy, mối liên quan giữa việc ăn thịt thú rừng với nguy cơ nhiễm các loại bệnh có khả năng lây lan cao, dẫn đến đại dịch khu vực hoặc thậm chí toàn cầu như Ebola, SARS, H5N1. Vì thế, việc sử dụng thịt rừng một cách bừa bãi không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của người trực tiếp tiêu thụ mà còn có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

TĂNG CƯỜNG THỰC THI PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT TÌNH TRẠNG SĂN BẮN ĐVHD

Tăng cường thực thi pháp luật để hạn chế, kiểm soát tình trạng săn bắn, vận chuyển, mua bán, tiêu thụ thịt và các sản phẩm từ ĐVHD, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý hiếm là yêu cầu cấp thiết. Ngoài ra, tỷ lệ người dân đã ăn thịt thú rừng khá cao trong các nhóm được khảo sát cũng cho thấy, các cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông, các nhà giáo dục và hoạt động môi trường cần đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về BVMT, đồng thời cảnh báo các nguy cơ có thể gặp phải khi sử dụng sản phẩm ĐVHD không rõ chất lượng, nguồn gốc.

“Đừng góp phần biến rừng Việt Nam thành rừng lặng”. Hãy để rừng Việt Nam là nơi phục hồi sự sống. Nếu bạn là người có thói quen sử dụng ĐVHD và nếu bạn chưa nghĩ đến những lợi ích thiên nhiên, thì ít nhất bạn hãy nghĩ đến sức khỏe của chính bạn và những người xung quanh. Đó chính là thông điệp mà bài viết muốn chia sẻ tới cộng đồng■

Kinh nghiệm quản lý cảnh quan tổng hợp cho các nhà hoạch định chính sách

VŨ CÔNG LÂN

Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp



▲ Canh tác bền vững và nông nghiệp hữu cơ là một trong những mục tiêu của ILM

Quản lý cảnh quan tổng hợp (ILM) là cách tiếp cận thông dụng, để cập tới sự phát triển, biến đổi khí hậu (BĐKH), an ninh lương thực. Trước đây, thuật ngữ “cảnh quan” ít được sử dụng trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hiện nay, thuật ngữ này được sử dụng nhiều hơn trước tình trạng cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và BĐKH. Tại Hội nghị thường niên các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP19) năm 2013, các cộng đồng nông nghiệp và lâm nghiệp đã thống nhất tổ chức Diễn đàn Cảnh quan toàn cầu trong 2 ngày. Do sự thúc đẩy đối với quản lý và hoạch định trong cảnh quan, việc diễn đạt các khái niệm và thuật ngữ cảnh quan là cần thiết để nâng cao khả năng trao đổi thông tin và hiểu biết.

Từ khi nông nghiệp ra đời đã có nhiều cộng đồng nông thôn quản lý đất đai ở cấp

cảnh quan. Việc quản lý đất đai, đồng cỏ, rừng sản xuất, nước và các tài nguyên khác đều gắn bó chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, do nông nghiệp hiện đại phát triển, người nông dân và các nhà hoạch định chính sách đã tối đa hóa năng suất mà không xem xét các tác động tới việc sử dụng đất. Trong khi các tiếp cận cảnh quan đã được áp dụng trong quản lý lâm nghiệp, lưu vực và đa dạng sinh học (ĐDSH).

Trong thập niên vừa qua, nhiều thuật ngữ đã được phát triển để tổng hợp các kết quả về nông nghiệp, môi trường và sinh kế nông thôn. Các đổi mới trên thực tế bắt đầu được thực hiện ở cấp cảnh quan, trong khi các tiếp cận cảnh quan với định hướng bảo tồn đã được lồng ghép. Những người khởi xướng đổi mới công nghệ trong nông - lâm nghiệp, sinh thái nông nghiệp, canh tác bền vững và nông nghiệp hữu cơ cũng đạt hiệu quả ở cấp cảnh quan. Các



▲ Gắn kết công tác bảo tồn ĐDSH, bảo vệ cảnh quan và chia sẻ lợi ích mang lại phúc lợi cho địa phương

chiến lược kết nối với mục tiêu BĐKH, nông nghiệp và phát triển đã khuyến khích các khái niệm như nông nghiệp khí hậu thông minh và kinh tế nông nghiệp xanh.

ILM cần có sự hợp tác lâu dài của người quản lý và các bên liên quan gồm: Sản xuất nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái (điều tiết dòng chảy và chất lượng, thụ phấn, giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, các giá trị văn hóa); Bảo tồn ĐDSH, cảnh quan, giá trị tái tạo và tính đồng nhất; Sinh kế, sức khỏe và phúc lợi của địa phương. Các bên liên quan tìm cách giải quyết các vấn đề, hoặc tìm kiếm các cơ hội mới và tăng cường hợp tác giữa các mục tiêu cảnh quan khác nhau. Đến nay, đã xác định được 5 yếu tố để đạt được các mục tiêu trong ILM.

Quản lý đồng thuận hoặc chia sẻ theo các mục tiêu: Các mục tiêu cảnh quan phải được trao đổi và xây dựng theo kinh nghiệm, kiến thức và mong muốn của những người có quyền lợi trong cảnh quan gồm: Nông dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và cơ quan chính phủ. Xác định các

mục tiêu ngắn hạn xây dựng trên sự tin tưởng, ủy thác cần có để khắc phục các vấn đề dài hạn và phức tạp hơn.

Hoạt động thực tế đưa ra các lợi ích: Các canh tác trên ruộng, trang trại và lâm nghiệp đóng góp cho phúc lợi con người, lương thực và sản xuất cây có sợi, giảm thiểu BĐKH, bảo tồn ĐDSH và các dịch vụ hệ sinh thái. Sinh thái thân thiện, hệ thống sản xuất và canh tác là các cách tiếp cận của ILM. Các hoạt động bền vững ở quy mô nông trại bao gồm chế độ canh tác, áp dụng đầu vào, luân chuyển cây trồng, nông - lâm kết hợp, phương pháp thu hoạch giúp BVMT, duy trì chất lượng đất, sử dụng nước và năng lượng hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm từ chất nuôi dưỡng, kiểm soát sâu hại, chất thải.

Bố trí theo không gian: Các tương tác sinh thái, xã hội và kinh tế trong cảnh quan được quản lý nhằm xác định nguồn lực tích cực. Thành phần và bố trí theo không gian của đặc tính cảnh quan như vị trí của các thảm thực vật tự nhiên, ảnh hưởng của hàng hóa và dịch vụ, giảm thiểu tác động hạ lưu đối với các kênh, rạch.

Đưa ra quyết định cộng đồng tập thể và hành động: Gắn kết các bên liên quan và những người có vai trò trong quá trình quản lý, lập kế hoạch là nguyên tắc chủ yếu của ILM. Các bên liên quan ở các lĩnh vực và cấp độ khác nhau phải cùng điều phối hoạt động, đưa ra mục tiêu, công nhận lợi ích hợp pháp của địa phương, vùng, quốc gia và doanh nghiệp. Các phương pháp cải tiến về truyền thông, lập kế hoạch, quản lý xung đột là cần thiết.

Các chính sách và thị trường khuyến khích nguồn lực: Thị trường và các chính sách công được hoàn thiện về mục tiêu cảnh quan và yêu cầu thể chế. Quản trị phân cấp là cần thiết để các bên liên quan kiểm soát được quyết định lập kế hoạch. Hợp tác giữa các cơ quan, hệ thống thị trường và những khuyến khích hỗ trợ sản xuất bền vững là cần thiết của cảnh quan.

Nhìn chung, ILM có đóng góp quan trọng đối với tính bền vững của nền kinh tế và xã hội. Do đó, các nhà quản lý và hoạch định chính sách cần tiếp cận ILM nhằm nâng cao sinh kế, phúc lợi cho con người, cải thiện sản xuất nông nghiệp, bảo tồn ĐDSH và hệ sinh thái■



Xử lý chất thải từ chế biến tinh bột sắn bằng phương pháp sinh học

TRẦN THU TRANG

Học viện Nông nghiệp

Hiện nay, cả nước có trên 60 nhà máy, cơ sở chế biến tinh bột sắn quy mô lớn và trên 4.000 cơ sở chế biến quy mô vừa và nhỏ. Hiện tại, tổng công suất của các nhà máy chế biến tinh bột sắn quy mô công nghiệp đã và đang xây dựng chỉ đáp ứng từ 40 - 45% sản lượng sắn cả nước, số sản phẩm sắn tươi còn lại được sử dụng cho chăn nuôi và chế biến thủ công tại các nông hộ. Rác thải và nước thải là các loại chất thải chính phát sinh từ quá trình chế biến tinh bột sắn.

Chất thải rắn (CTR) từ chế biến tinh bột sắn có lẫn chất độc từ vỏ sắn, gây mùi hôi, làm không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân. Theo tính toán, 1 tấn sắn tươi có thể chế biến tối đa là 0,275 tấn tinh bột, tổng lượng CTR phát sinh là 1,75 tấn, trong đó gây phát thải 0,17 tấn đất, bùn, cát; 0,18 tấn vỏ, rế; 1,40 tấn bã sắn.

Cùng với CTR, hoạt động chế biến tinh bột sắn còn làm phát sinh nhiều nước thải. Trung bình một cơ sở phải sử dụng 40 m³ nước để chế biến 1 tấn sắn tươi, cho các công đoạn; rửa thiết bị, máy móc, làm sạch củ, ngâm và lọc bột. Nước thải từ các công đoạn tinh chế tinh bột sắn có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao từ 1.150 - 2.000 mg/l; hàm lượng BOD₅ từ 500 - 1000 mg/l; COD tương đương 1.500 - 2.000 mg/l vượt quy chuẩn cho phép từ 15 - 25 lần.

Để khắc phục vấn đề này, Viện Môi trường Nông nghiệp đã xây dựng Hướng dẫn quy trình kỹ thuật xử lý môi trường làng nghề, doanh nghiệp chế biến tinh bột sắn nhằm giúp các cơ sở chế biến tinh bột sắn tiến hành xử lý nước thải, chất thải, vừa mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Phương pháp xử lý nước thải tinh bột sắn bằng phương pháp sinh học là sử dụng các vi sinh vật để phân giải các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Nhờ hoạt động của các vi sinh vật, các chất ô nhiễm được chuyển hóa, nước thải được làm sạch, đảm bảo vệ sinh môi



▲ Xử lý chất thải sau chế biến tinh bột sắn bằng phương pháp sinh học vừa mang lại hiệu quả kinh tế, giúp giảm ô nhiễm môi trường

trường. Ưu điểm của phương pháp là đơn giản, rẻ tiền dựa trên các nguồn vi sinh vật sẵn có được tuyển chọn và lưu giữ trong nước. Hiệu quả xử lý các chất gây ô nhiễm như BOD, COD cao, an toàn với môi trường và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, có thể thu được khí biogas để sản xuất năng lượng tái tạo.

Để xử lý nước thải tinh bột sắn, cần tiến hành xử lý kỵ khí để phân giải các chất hữu cơ có trong nước thải. Nước thải chế biến tinh bột sắn được chuyển về bể biogas qua hệ thống ống khép kín. Bể biogas có tác dụng phân hủy các chất trong nước thải nhờ các vi sinh vật trong điều kiện không có oxy. Thời gian nước thải lưu trong bể từ 50 - 60 ngày. Nước thải sau khi xử lý trong bể biogas sẽ được chuyển sang hệ thống xử lý hiếu khí, có lắp đặt hệ thống sục khí, nhằm cung cấp oxy để sinh vật oxy hóa các chất hữu cơ còn lại sau quá trình xử lý hiếu khí. Sau đó, tiến hành bổ sung chế phẩm vi sinh vật, có thể sử dụng chế phẩm vi sinh vật BIOADB do Viện Môi

trường Nông nghiệp đã đăng ký lưu hành với Bộ TN&MT. Trộn đều chế phẩm với nước và rỉ đường, với tỷ lệ 500 g chế phẩm, rỉ đường 5 kg, nước sạch 40 - 50 lít xử lý cho 100 m³ nước thải. Sử dụng máy bơm trộn đều dịch vi sinh vật và nước thải trong bể biogas, xử lý hiếu khí bằng cách dùng hệ thống khuấy và sục khí để cấp oxy vào nước. Nước thải sau khi xử lý hiếu khí được bơm sang bể lắng nhằm loại bỏ các chất lơ lửng, sinh khối do vi sinh vật tạo ra và thu hồi bùn. Có thể sử dụng vôi bột trong quá trình kết lắng. Sau khi lắng bùn, nước thải được dẫn đến hồ sinh học để xử lý nitơ, photpho, BOD₅, COD, SS. Sau khi kiểm tra các thông số đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B thì có thể thải ra môi trường.

Tái sử dụng nước thải sau chế biến tinh bột sắn: Các cơ sở nên áp dụng cơ chế tái tuần hoàn nước để giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế. Nước thải thu được trong quá trình rửa sắn chủ yếu là đất, cát. Lượng nước này có độ ô nhiễm không cao



nên sẽ được xử lý bằng biện pháp cơ học như để lắng, lọc, tách đất, cát và vỏ sắn. Nước sau xử lý được tái sử dụng để rửa sắn nguyên liệu cho các đợt tiếp theo. Phần tạp chất loại bỏ có thể thu gom vào về nơi tập trung. Đặc biệt, để làm công đoạn này, các cơ sở chế biến tinh bột sắn cần ưu tiên bố trí tách hệ thống luồng nước, bể tích trữ nước sau khi rửa củ sắn.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ RÁC THẢI

Có thể sử dụng chế phẩm vi sinh vật để xử lý phế thải sau chế biến tinh bột sắn dạng rắn (vỏ, đầu mẩu, bã sắn...) làm phân hữu cơ với quy trình: Nghiền, làm vụn các nguyên liệu phế thải, sau đó trộn với chế phẩm MIC-CASA 02 (đây là loại chế phẩm vi sinh sản xuất từ 3 chủng vi sinh vật chuyển hóa hợp chất hydracarbon, phân giải phát phát khó tan và phân giải hợp chất chứa nito liên kết), với tỷ lệ: 0,2 kg chế phẩm, 5 kg mật rỉ đường, 5kg lân, 2kg đạm, 2kg kali và 100 lít nước/1.000 kg chất thải. Sau đó, tiến hành ủ nhiên liệu, nhiệt độ đồng ủ phải cao hơn nhiệt độ môi trường ít nhất là 20°C. Sau 35 - 40 ngày tiến hành kiểm tra nhiệt độ chín của đồng ủ, khi nhiệt độ bằng với nhiệt độ của môi trường, tiến hành sàng và nghiền nhỏ nhiên liệu để làm phân bón hữu cơ.

Như vậy, việc ứng dụng quy trình xử lý chất thải sau chế biến tinh bột sắn bằng phương pháp sinh học giúp giải quyết cơ bản các yếu tố gây ô nhiễm môi trường nước, phù hợp với cơ sở chế biến tinh bột sắn vừa và nhỏ của địa phương, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp tích cực cho công tác BVMT tại khu đô thị và các vùng nông thôn, phương pháp này cần được nhân rộng trên địa bàn cả nước■

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn trước áp lực gia tăng ô nhiễm

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
Bộ TN&MT

Theo Báo cáo Môi trường quốc gia năm 2014 của Bộ TN&MT, Việt Nam hiện có khoảng 67% dân số sinh sống ở khu vực nông thôn, bình quân mỗi năm phát sinh trên 13 triệu tấn rác thải sinh hoạt, 1.300 triệu m³ nước thải và khoảng 7.500 tấn vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật. Kinh tế nông thôn đã và đang phát triển mạnh theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề, đã tạo áp lực đối với môi trường nên đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm.

NHỮNG ÁP LỰC ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Môi trường nông thôn (MTNT) đang chịu những áp lực các hoạt động dân sinh và sản xuất. Các hoạt động sản xuất ở nông thôn phần lớn là quy mô hộ gia đình, gần khu dân cư, hình thức sản xuất nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, chưa đầu tư cho hoạt động BVMT. Đồng thời, việc vận hành công trình xử lý nước thải chưa hiệu quả cũng tạo ra những áp lực không nhỏ đối với MTNT.

Bên cạnh đó, nguồn chất thải rắn phát sinh từ sản xuất nông nghiệp cũng rất lớn và đáng báo động đối với môi trường. Theo số liệu của Bộ NN&PTNT, mỗi năm có khoảng 84,5 triệu tấn chất thải rắn dư do 7 loại cây trồng chính gồm lúa, ngô, khoai lang, lạc, đậu tương, sắn, mía. Hàng năm, Việt Nam nhập khẩu khoảng 130.000 tấn lượng thuốc bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó, dư lượng phân hóa học mà cây trồng không hấp thụ hết chiếm trung bình từ 40-50% làm ô nhiễm nguồn nước, gây phú dưỡng hóa tác hại đến thủy sinh, nguồn lợi thủy sản và làm thoái hóa đất nghiêm trọng.

Một áp lực nữa cũng đang tác động xấu đến MTNT là hoạt động của các làng nghề tiểu thủ công nghiệp. Các làng nghề cơ bản vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu. Ý thức của người dân làng nghề trong BVMT và sức khỏe còn rất hạn chế. Trung bình mỗi ngày, hoạt động sản xuất trong các làng nghề thải ra từ 300 - 500 tấn bã, hơn 15.000m³ nước



▲ Mô hình Tổ tự quản BVMT nông thôn Bình Xuyên (Vĩnh Phúc) góp phần tạo cảnh quan cho môi trường nông thôn



thải, hàng trăm tấn chất thải rắn chứa các chất tẩy rửa hóa học, tác động trực tiếp đến môi trường nước, không khí, đất trong khu vực với mức độ khác nhau, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Do nguồn nước mặt bị ô nhiễm và nhiễm mặn nên người dân chuyển sang khai thác nước dưới đất để phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Việc khai thác nước dưới đất với số lượng lớn gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, như hạ thấp mực nước ngầm, gây sụt lún mặt đất và suy giảm chất lượng nước ngầm, làm gia tăng khả năng thẩm thấu, xâm nhập nước mặn từ ngoài vào. Nhiều giếng nước không còn sử dụng hoặc khai thác không hiệu quả nhưng không có biện pháp xử lý đúng quy định, làm gia tăng thêm nguy cơ đưa nguồn ô nhiễm vào nước ngầm.

Đặc biệt, khu vực nông thôn là nơi dễ bị tổn thương nhất do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (BĐKH), nước biển dâng và thiên tai. Nhiệt độ không khí có xu thế ngày càng gia tăng do sự nóng lên toàn cầu. Hệ quả nặng nề của BĐKH là hiện tượng nước biển dâng, làm gia tăng xâm nhập mặn vào sâu trong nội địa, ảnh hưởng đến chất lượng nước ngọt và suy thoái môi trường đất. Ở đồng bằng sông Cửu Long, nhiễm mặn trên sông Hậu đã xâm nhập sâu 8-10km; trên sông Cổ Chiên nhiễm mặn 1g/l cũng nhiễm mặn sâu vào rạch Vũng Liêm. Dưới tác động của BĐKH, tình hình thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp và có dấu hiệu gia tăng, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản và tác động tiêu cực đến môi trường.

GIẢI PHÁP XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Trong giai đoạn tới, để BVMT nông thôn, cần tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến ngư, kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản. Đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ để hướng dẫn, quản lý, kiểm soát chất lượng và tiêu thụ sản phẩm trong sản xuất. Bên cạnh đó, hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT nông thôn, rà soát, điều chỉnh bộ tiêu chí về môi trường để phù hợp với tình hình thực tế và có tính khả thi. Đồng thời kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý MTNT theo hướng tập trung toàn diện.

Huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT nông thôn. Luật BVMT năm 2014 đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách nhằm huy động cộng đồng tham gia. Cụ thể như thành lập tổ chức tự quản, xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước. Đặc biệt, Luật đã dành 1 chương quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp và cộng đồng dân cư trong BVMT.

Nhân rộng các mô hình BVMT hiệu quả. Theo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tính đến năm 2014 cả nước có 274 hợp tác xã triển khai công tác môi trường. Đa số các hợp tác xã này hoạt động ở địa bàn nông thôn và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thu gom, xử lý rác thải, cung cấp nước sạch. Một số tỉnh có chính sách, hỗ trợ cho các hợp tác xã môi trường triển khai việc huy động sự tham gia của cộng đồng BVMT. Đặc biệt, hoạt động thu gom rác thải, tạo cảnh quan xanh cho nông thôn và đạt hiệu quả cao như các tỉnh Hà Tĩnh và Vĩnh Phúc. Đây là những mô hình tốt cần tiếp tục nhân rộng để phát huy thế mạnh quản lý dựa vào cộng đồng dân cư ở cấp địa phương.

Tăng cường nguồn lực tài chính, đầu tư cho BVMT nông thôn. Hiện nay, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cho các lĩnh vực trồng trọt-bảo vệ thực vật; chăn nuôi-thú y; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản và phát triển nông thôn còn hạn chế và giảm dần trong những năm

gần đây. Vì vậy, cần huy động nguồn tài chính, đầu tư cho hoạt động BVMT nông thôn... Mặt khác, lựa chọn các công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế, trình độ quản lý và tập quán của từng vùng. Ưu tiên các giải pháp giảm thiểu chất thải tại nguồn phát sinh, tăng cường tận thu, tái chế, tái sử dụng chất thải trong nông nghiệp, khuyến khích sản xuất sạch, sản xuất sạch hơn.

Ngoài việc triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý chất thải rắn, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, cần có những giải pháp theo vùng, miền khác nhau, đặc biệt là nhóm giải pháp cho hoạt động quản lý và BVMT nông thôn vùng đồng bằng, vì đây là nơi tập trung dân cư nông thôn lớn nhất. Theo đó, thực hiện các tiêu chí môi trường như xây dựng hệ thống thu gom nước thải tập trung, quy hoạch bãi chôn lấp rác, khu xử lý chất thải rắn, quy hoạch nghĩa trang... Đẩy mạnh việc triển khai các chính sách, chương trình ưu đãi, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, tổ chức hoạt động dịch vụ trong việc đầu tư các trang thiết bị xử lý chất thải từ hoạt động sản xuất. Riêng vùng duyên hải ven biển, giải pháp trọng tâm là quy hoạch theo hướng phát huy lợi thế gắn với BVMT và phát triển bền vững. Chú trọng khai thác các nguồn lợi thủy sản, phát triển du lịch. Mặt khác, có kế hoạch bảo vệ các hệ sinh thái biển; Hướng dẫn người dân chủ động thích ứng với BĐKH, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt và xâm nhập mặn■



Thúc đẩy cơ chế và chính sách áp dụng sản xuất sạch hơn ở Việt Nam

ThS. PHÙNG THỊ QUỲNH TRANG

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại

Trong những năm qua, công tác triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH) tại Việt Nam đã mang lại hiệu quả kinh tế, giảm thiểu chất thải, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Nhiều chính sách đã được Chính phủ ban hành nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc áp dụng các công nghệ SXSH. Tuy nhiên, để đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng SXSH trong công nghiệp, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững, Việt Nam cần có những giải pháp khuyến khích các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai các mô hình SXSH nhằm thay đổi mô hình sản xuất hiện có theo hướng bền vững, thân thiện môi trường.

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC KHUYẾN KHÍCH ÁP DỤNG SXSH TẠI VIỆT NAM

“Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 đã nêu rõ “khuyến khích áp dụng mô hình quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000, SXSH, kiểm toán chất thải, đánh giá vòng đời sản phẩm, các mô hình quản lý môi trường tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh”. Theo đó, SXSH là một trong những nội dung cơ bản được khuyến khích ưu tiên trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng ban hành “Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh” tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012, trong đó, nhấn mạnh giai đoạn 2011-2020 Việt Nam sẽ giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8 - 10% so với mức 2010, giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 1 - 1,5% mỗi năm; “Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” cũng đặt ra mục tiêu đến năm 2020 có 60 - 70% cơ sở sản xuất đang hoạt động sử dụng nhiều năng lượng có khả năng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như



▲ Áp dụng SXSH giúp doanh nghiệp tiết kiệm năng lượng và BVMT

dệt nhuộm, sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, luyện thép, khai thác chế biến khoáng sản, nhiệt điện, sản xuất giấy, xi măng và mía đường phải xây dựng, thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch. Đến năm 2030, 100% các cơ sở sản xuất trong toàn ngành công nghiệp phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch.

Chính sách mang tính tổng thể và có ý nghĩa khuyến khích biện pháp SXSH trong sản xuất công nghiệp đó là “Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012, trong đó chỉ rõ: Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi SXSH để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên vật liệu,

năng lượng, nước, đồng thời giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững.

Ngoài ra, trong những năm qua, một số cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng biện pháp SXSH đã tiếp cận các nguồn quỹ khác nhau để được vay vốn và hưởng ưu đãi liên quan đến SXSH như: Quỹ BVMT; Quỹ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ. Các nguồn tài chính từ các quỹ này chủ yếu được cấp từ ngân sách của Nhà nước, trong đó một số quỹ được bổ sung thường xuyên từ các nguồn thu trích lại của thuế/phí như Quỹ BVMT. Với nguyên tắc hoạt động của Quỹ là bảo toàn vốn, do vậy rất phù hợp với các dự án SXSH nếu vay từ các quỹ này.



Từ những văn bản có tính pháp lý và những chiến lược liên quan đến định hướng cho SXSH trong công nghiệp cho thấy, giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, việc áp dụng các biện pháp SXSH trong công nghiệp sẽ tiếp tục được khuyến khích và ưu tiên trong lộ trình phát triển công nghiệp của Việt Nam.

MỘT SỐ MÔ HÌNH, DOANH NGHIỆP ĐIỂN HÌNH ÁP DỤNG SXSH HIỆU QUẢ

Công ty CP Giấy xuất khẩu Thái Nguyên là đơn vị điển hình áp dụng SXSH hiệu quả trong ngành sản xuất giấy và bột giấy. Công ty sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu sang Đài Loan, nguyên liệu sử dụng sản xuất chủ yếu từ gỗ, tre, nứa, với công suất hàng năm đạt 6.500 tấn/năm. Tổng số cán bộ/nhân viên của Công ty là 200 người. Công ty đã thực hiện một số biện pháp SXSH như: Cải tiến thiết bị; Thay thế nguyên liệu chất lượng cao; Áp dụng công nghệ tiên tiến; Tuần hoàn và tái sử dụng nước... Sau khi áp dụng các giải pháp, kết quả đạt được một số lợi ích kinh tế như: Công ty đã đầu tư 2,5 tỷ VNĐ, doanh thu năm 2014 đạt 1,5 tỷ VNĐ/năm. Theo tính toán do áp dụng các biện pháp SXSH, Công ty đã giảm phát thải khí nhà kính 125 tấn CO₂/năm; nước thải 114.400 m³/năm; phát thải bụi 5,19 tấn/năm.

Đối với ngành sản xuất bia - rượu, doanh nghiệp điển hình là Công ty CP Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân. Công suất nhà máy sản xuất hàng năm đạt 30 triệu lít bia/năm, 1,5 triệu lít cồn/năm, 3 triệu chai rượu/năm. Tổng số cán bộ/nhân viên của Công ty là 310 người. Nhờ áp dụng các biện pháp cải thiện hiệu suất sản xuất; Sử dụng nguyên liệu, nước, năng lượng hiệu quả hơn; Giảm chi phí xử lý và thải bỏ các chất thải rắn, nước thải, khí thải; Cải thiện môi trường và an toàn lao động. Sau khi áp dụng các giải pháp trên, Công ty đã đạt được một số kết quả về lợi ích kinh tế, cụ thể là đầu tư 1,9 tỷ VNĐ đã thu về lợi nhuận năm 2015 là 2,3 tỷ VNĐ/năm. Giảm tiêu thụ nước và nước thải 558.900 m³/năm, giảm phát thải khí nhà kính 238 tấn CO₂/năm, giảm phát thải bụi 75 tấn/năm.

Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Nam Hưng là đơn vị điển hình trong

ngành dệt may. Sản phẩm của Công ty bao gồm vải tẩy trắng, vải nhuộm (sợi canh đã hồ và một số loại vải cotton). Sản lượng sản xuất hàng năm đạt 1,1 triệu m vải/năm. Tổng số cán bộ/nhân viên của Công ty là 20 người. Việc áp dụng các biện pháp SXSH đã mang lại những lợi ích kinh tế: Công ty đã đầu tư 32,3 triệu VNĐ thu được lợi nhuận năm 2015 là 69,4 triệu VNĐ/năm; giảm phát thải khí nhà kính 136,2 tấn CO₂/năm nhờ giảm tiêu thụ điện năng và củi, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ÁP DỤNG SXSH TRONG CÔNG NGHIỆP

Đánh giá và rà soát các đề án SXSH đã ban hành để tìm ra những vướng mắc trong quá trình thực hiện, có sự điều chỉnh kịp thời về nguồn tài chính cho thực hiện đề án.

Xem xét lại những ưu đãi khuyến khích đã có đối với hoạt động SXSH trong công nghiệp, từ đó có những giải pháp cụ thể và hiệu quả để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc chuyển giao công nghệ, nhất là đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu đối với các dự án đầu tư cho hoạt động SXSH. Rà soát lại các văn bản liên quan và chỉnh sửa bổ sung kịp thời, thời gian nên kéo dài đến năm 2030.

Tăng cường hơn nữa hỗ trợ tư vấn của Nhà nước đối với các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các biện

pháp SXSH. Nhất là đánh giá, xem xét lại các chính sách khuyến công, cần chú ý tới các trung tâm khuyến công và đặc biệt là đối với các trung tâm đã, đang thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các giải pháp SXSH.

Rà soát, đánh giá lại các văn bản có liên quan đến khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp áp dụng các biện pháp SXSH để bổ sung kịp thời, nhất là các văn bản về ưu đãi tiếp cận các nguồn tín dụng, ưu đãi về tài chính như thuế/phí, đất đai thuê mặt bằng hay thuế/phí sử dụng đất... nhằm huy động sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp đối với SXSH có lợi thế cạnh tranh trên thị trường cùng loại sản phẩm.

Đối với đào tạo kỹ thuật và nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, Nhà nước cần hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật về SXSH cho các doanh nghiệp công nghiệp để họ có thể tự đảm đương công việc và tư vấn cho doanh nghiệp khác. Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về SXSH trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế không chỉ đối với các đối tác truyền thống như UNIDO, UNDP... mà còn mở rộng những tổ chức tài chính mới, nhất là liên quan đến nguồn tài chính giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu của các quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm thực hiện nội dung giảm thiểu khí nhà kính trong quá trình thực hiện các giải pháp SXSH trong công nghiệp■



Ứng dụng mô hình công nghệ sinh thái trong sản xuất lúa tại đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có trên 3,8 triệu ha đất nông nghiệp cung cấp lương thực, trái cây, thủy sản, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh lương thực và xuất khẩu gạo, thủy sản của Việt Nam. Trong những năm qua, hoạt động sản xuất lúa ở ĐBSCL ngày càng chịu áp lực lớn về sâu bệnh và ô nhiễm môi trường, do trong quá trình canh tác bà con nông dân đã sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) tràn lan.

Để giải quyết các vấn đề trên, từ nhiều năm qua, các tỉnh ĐBSCL đã áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp mới như chương trình IPM, 3 giảm - 3 tăng, 1 phải - 5 giảm... và đặc biệt là chương trình công nghệ sinh thái (CNST) trên ruộng lúa hay còn gọi là "Ruộng lúa bờ hoa". Chương trình CNST được Viện Nghiên cứu lúa quốc tế (IRRI) chuyển giao kỹ thuật và được thử nghiệm, trồng nhân rộng tại ĐBSCL, mở ra hướng mới trong phòng, chống sâu, bệnh bảo vệ cây trồng và thân thiện với môi trường.

Mô hình này lần đầu tiên được thí điểm thực hiện trong vụ lúa Đông Xuân 2009 - 2010 ở huyện Cai Lậy và Cái Bè (Tiền Giang) và thành công nhất là ở Ấp 5, xã Mỹ Thành Nam (Cai Lậy). Mô hình được triển khai trồng 20.000 cây hoa đủ loại xung quanh khu ruộng rộng 35 ha, khoảng cách trồng từ 0,5 - 1 m/cây, bước đầu cho kết quả tốt. Tại An Giang, Chương trình được triển khai trên diện tích gần 100 ha tại xã Vĩnh Bình, Bình Hòa (huyện Châu Thành), xã Thoại Giang, Vĩnh Khánh (huyện Thoại Sơn) và xã Tân Tuyến (huyện Tri Tôn) với 350 nông dân tham gia. Kết quả cho thấy, nông dân đã giảm 4 - 5 lần phun thuốc trừ rầy và sâu cuốn lá nhưng vẫn đạt năng suất từ 6 - 6,5 tấn/ha vụ hè thu và thu đông, 7,5 - 8 tấn/ha vụ đông xuân, tăng 0,5 - 1 tấn/ha so với canh tác bình thường.

Từ những kết quả đạt được ở Tiền Giang và An Giang, hiện nay mô hình đã được nhân rộng đến tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh trong khu vực ĐBSCL. Tại Vĩnh Long, việc ứng dụng mô hình CNST trong trồng lúa, tổ chức thu gom, tiêu hủy bao bì và vỏ chai thuốc BVTV đã qua sử dụng được triển khai ở huyện Long Hồ, Vũng Liêm và Bình Minh. Chi cục BVTV Vĩnh Long đã triển khai mô hình CNST với diện tích tăng dần qua từng năm, nếu như năm 2011 là



▲ Mô hình CNST đang được triển khai rộng ở An Giang

10 ha thì đến năm 2015 đã là 275 ha. Kết quả cho thấy, cánh đồng áp dụng mô hình CNST, nông dân giảm được 1 - 1,26 lần phun thuốc trừ sâu, tăng năng suất và chất lượng lúa, góp phần tăng thu nhập của nông dân từ 3 - 6,4 triệu đồng/ha/vụ, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường đồng ruộng.

Các loại hoa được trồng trên mô hình thử nghiệm chủ yếu gồm: trâm ổi, sao nhái, cúc mặt trời, mè và hướng dương. Theo các nhà khoa học, thông thường các loại hoa gồm có mật và phấn hoa, chứa nhiều hương thơm và chất dinh dưỡng như đường, prôtêin... nên rất nhiều loài côn trùng có ích thích tìm đến ăn. Dựa vào tính chất này, khi trồng nhiều loại hoa thích hợp trên bờ ruộng sẽ có tác dụng dẫn dụ các loài thiên địch đến ăn phấn, hút mật hoa và sinh sản trong ruộng lúa. Nhiều loài ăn cả sâu rầy non, sau đó bay trở lại ruộng tìm sâu hại

để đẻ trứng, ấu trùng, chúng sẽ ký sinh trên cơ thể các loài sâu rầy làm giảm mật độ gây hại. Vì thế, yếu tố quan trọng để mô hình thành công là phải chọn các giống hoa đại có hương thơm, nhiều phấn và màu sắc phù hợp để có khả năng dẫn dụ thiên địch đến sinh sản, giúp tiêu diệt rầy nâu và các loại côn trùng gây hại khác.

Trong quá trình triển khai cho thấy, những cây ra hoa màu trắng và màu vàng thường có nhiều phấn, thu hút nhiều thiên địch đến tấn công các loài sâu hại nên không phải phun thuốc như lối canh tác thông thường... Mô hình ứng dụng CNST trên cây lúa thành công mở ra triển vọng cho sản xuất lúa gạo sạch ở ĐBSCL đạt hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời, giúp bà con nông dân trồng lúa giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, bảo vệ sức khỏe và môi trường sống. ■

ĐỖ HUYỀN



COCA - COLA VIỆT NAM:

Tạo niềm tin từ trách nhiệm bảo vệ môi trường và an sinh xã hội

Những dự án xã hội mà Công ty TNHH Nước giải khát Coca-Cola Việt Nam (Coca-Cola VN) đã thực hiện trong thời gian qua mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, không chỉ giúp giải quyết các vấn đề môi trường, an sinh xã hội, góp phần làm cho cuộc sống người dân tốt đẹp hơn mà còn là hướng đi phát triển bền vững của một doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Đó là chia sẻ của bà Lê Từ Cẩm Ly - Giám đốc Đối ngoại và Pháp lý Công ty Coca-Cola VN tại Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác trong công tác BVMT giữa Tổng cục Môi trường và Coca-Cola VN mới đây.

★ Là thương hiệu nước giải khát hàng đầu thế giới, trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, Coca-Cola đã có những biện pháp gì để BVMT, “xanh hóa” hoạt động?

BÀ LÊ TỪ CẨM LY: BVMT là cam kết toàn cầu của Coca-Cola trong mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn. Tại Việt Nam, Coca-Cola cũng luôn thực hiện cam kết này với việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, đạt hiệu suất cao cho ba nhà máy tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh; xây dựng các cơ sở được chứng nhận LEED. Đồng thời, thay đổi quy trình sản xuất để bảo tồn năng lượng, nước và vật liệu đóng gói, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm phát thải khí cacbon như sáng kiến thay thế dầu sử dụng trong nhiên liệu trước đây bằng khí nén tự nhiên (CNG) sạch hơn, cải tiến quy trình sản xuất để giảm thiểu lượng năng lượng cần thiết, giảm mức tiêu thụ nước bằng việc thu gom nước mưa sạch và xây dựng hệ thống tái chế tại chỗ để giảm mức sử dụng nước ngầm. Ngoài những sáng kiến BVMT trong khu vực sản xuất, Coca-Cola VN đã ứng dụng những sáng kiến về thiết bị thân thiện môi trường vào lĩnh vực tiếp thị kinh doanh (tủ lạnh CO₂) và là doanh nghiệp dẫn đầu Việt Nam về sáng kiến này. Ngoài ra, Coca-



▲ Trung tâm hỗ trợ cộng đồng Ekocenter tại Đà Nẵng

Cola còn xây dựng các kho có diện tích lớn lưu trữ chất thải nguy hại và hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng đến thu gom định kỳ hàng tháng.

★ Được biết, trong những năm gần đây, Coca-Cola đã tích cực triển khai nhiều dự án cộng đồng, đem lại những thay đổi tích cực cho cuộc sống của nhiều người dân. Bà có thể cho biết về các dự án cộng đồng trong lĩnh vực môi trường mà Công ty đã triển khai?

BÀ LÊ TỪ CẨM LY: Đối với trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực môi trường, Coca-Cola VN luôn có ý thức về môi trường trong các hoạt động của mình. Từ năm 2004 đến nay, Công ty đã tiến hành đầu tư hơn 100.000 USD/năm để hỗ trợ cộng đồng địa phương ở Việt Nam được tiếp cận với nguồn nước sạch và vệ sinh môi trường. Coca-Cola cũng hợp tác với Quỹ Quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF) triển khai chiến lược quản lý thủy văn, lưu giữ và lọc nước ngọt tại Tràm Chim, Đồng Tháp. Trong đó, Dự án trách nhiệm xã hội uy tín của doanh

nh nghiệp là Ekocenter - Trung tâm hỗ trợ cộng đồng - thông qua hệ thống lọc nước hiện đại cung cấp miễn phí nước sạch để uống cho hàng nghìn người dân tại nhiều địa phương trên cả nước. Điểm nổi bật của Dự án Ekocenter chính là việc sử dụng hoàn toàn 100% năng lượng mặt trời. Đây cũng là Trung tâm hỗ trợ cộng đồng mà người dân địa phương được hưởng lợi từ các hoạt động giáo dục, y tế và xã hội, góp phần nâng cao sự thịnh vượng chung của cộng đồng.

Dự án Ekocenter đầu tiên được thực hiện tại TP. Hồ Chí Minh, Coca-Cola VN có kế hoạch sẽ mở rộng quy mô sáng kiến này trên toàn đất nước: Tại Hà Nội vào ngày 24/2/2016, Đà Nẵng và Hạ Long (Quảng Ninh) vào tháng 3/2016, đồng bằng sông Cửu Long vào giữa năm 2016 với mục tiêu đưa 7 Trung tâm hỗ trợ cộng đồng Ekocenter đi vào hoạt động trong năm nay.

★ Vừa qua, Tổng cục Môi trường và Coca-Cola VN đã ký kết Thỏa thuận hợp tác về BVMT, phát triển bền vững. Thỏa thuận có ý nghĩa như

>>>



Vedan thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ

Hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về An toàn - Vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ (AT-VSLĐ-PCCN), ngày 26/3/2016, Công ty CPHH VEDAN Việt Nam phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy (PCCC) tỉnh Đồng Nai tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Buổi diễn tập có khoảng 200 người, trong đó hơn 30 cán bộ chiến sỹ chữa cháy chuyên nghiệp do Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai trực tiếp chỉ đạo và lực lượng tham gia thoát nạn, lực lượng tìm kiếm cứu nạn.

Tình huống giả định là sự cố chập điện tại khu vực kho thành phẩm tinh bột gây cháy nổ. Do chất cháy là hàng hóa, bao bì, pa-lét, các thiết bị điện... nên đám cháy phát triển rất nhanh và có khả năng lan sang các kho và nhà xưởng lân cận. Đám cháy tỏa ra rất nhiều khói khí độc làm một số công nhân bị ngất và bị mắc kẹt trong xưởng. Khi phát hiện cháy, nhân viên làm việc tại khu vực kho thành phẩm tinh bột thực hiện đúng từng bước phòng chống cháy nổ đã được huấn luyện đào tạo một cách nhuần nhuyễn. Bước đầu báo động toàn Công ty và lực lượng ứng cứu sự cố tổ chức cứu người bị nạn, nhanh chóng xác minh hiện trường (mức độ sự cố, người bị nạn, hướng gió...). Chỉ chưa đầy 2 phút, từ khi hệ thống báo cháy tự động phát đi tín hiệu báo cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ phối hợp cùng đội PCCC, xe chữa cháy, xe cứu thương Công ty cùng với lực lượng PCCC chuyên nghiệp đã nhanh chóng tiếp cận hiện trường và triển khai công tác chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, nhanh chóng sơ tán nhân viên ra khỏi khu vực bị ảnh hưởng, di dời tài sản ra khỏi khu vực cháy, đội y bác sỹ



▲ Quang cảnh buổi diễn tập

sơ cấp cứu khẩn cấp. Sau thời gian tích cực phối hợp, đám cháy giả định được dập tắt, không gây ảnh hưởng tới các khu vực xung quanh. Toàn bộ người làm việc trong kho thành phẩm tinh bột đã được đưa đến vị trí an toàn.

Diễn tập phương án PCCC tại Công ty Vedan Việt Nam là hoạt động định kỳ hàng năm nhằm giúp cán bộ, công nhân viên Công ty nâng cao ý thức PCCC trong quá trình sản xuất kinh doanh; đồng thời có ý nghĩa thiết thực góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ. Ngoài việc tổ chức diễn tập

PCCC, Công ty còn tổ chức các hoạt động tuyên truyền về ATVSLĐ và PCCN như thi viết báo tường, treo băng rôn, áp phích tuyên truyền, tổ chức hội thảo....

Với chính sách “Yêu quý môi trường - kinh doanh lâu dài” theo tiêu chuẩn của ISO 14001 và chính sách an toàn sức khỏe nghề nghiệp “Công ty an toàn - mọi người khỏe mạnh” theo tiêu chuẩn OHSAS 18001, Vedan Việt Nam cam kết thực hiện nghiêm túc công tác an sinh xã hội, BVMT để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

TRẦN HỮU HẢI

>>>

thế nào đối với Coca-Cola và Công ty sẽ triển khai những hoạt động gì thực hiện Thỏa thuận này trong thời gian tới, thưa bà?

BÀ LÊ TỪ CẨM LY: Với việc ký kết Thỏa thuận hợp tác về BVMT với Tổng Cục Môi Trường, Coca-Cola VN vinh dự là doanh nghiệp trong khối tư nhân tham gia vào quan hệ hợp tác khu vực công - tư. Việc ký kết này

đã đánh dấu bước tiến lớn trong việc củng cố cam kết của Coca-Cola về đầu tư và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nói chung và các sáng kiến BVMT nói riêng. Thông qua Thỏa thuận, Coca-Cola VN sẽ chủ động

đưa ra những sáng kiến với Tổng cục Môi trường để thúc đẩy quan hệ hợp tác khu vực công - tư về BVMT trong thời gian tới.

***Xin cảm ơn bà về cuộc trao đổi này.**

P.TÂM (Thực hiện)



NHÀ MÁY GIẤY GIAO LONG:

Tiết kiệm năng lượng song hành với bảo vệ môi trường

Thời gian qua, Công ty CP Đông Hải Bến Tre (DHC) đã thực hiện nhiều giải pháp như đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, góp phần quan trọng để BVMT, tiết kiệm năng lượng.

DHC tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập năm 1994, với 3 nhà máy: Giấy Giao Long, giấy An Hòa và bao bì Bến Tre. Tháng 1/2011, DHC chính thức đưa và hoạt động Nhà máy giấy Giao Long (giai đoạn I) tại khu công nghiệp (KCN) Giao Long, Châu Thành, Bến Tre trên diện tích 10,38 ha, với vốn đầu tư là 165 tỷ đồng.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường sản phẩm giấy, hoạt động sản xuất của Nhà máy ngày càng được mở rộng, đòi hỏi doanh nghiệp phải chú trọng đến các giải pháp BVMT. Do đó, ngay từ khi xây dựng Nhà máy giấy Giao Long, Công ty DHC đã đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải, khí thải, bụi... hiện đại, đồng bộ, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường. Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy có công suất 2.500 m³/ngày, đêm, được đầu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Giao Long, áp dụng phương pháp xử lý sinh học và hóa - lý. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 12:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy. Bên cạnh đó, để kiểm soát, xử lý khí thải, Công ty đầu tư hệ thống lọc tĩnh điện, với hệ thống lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt là trấu. Chất lượng không khí sau khi qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19/2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Đối với chất thải rắn, Nhà máy hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bến Tre thu gom, vận chuyển và xử lý, với tần suất thu gom 1 - 3 ngày/lần, tổng lượng chất thải rắn khoảng 14 tấn. Ngoài ra, Nhà máy đã được Sở TN&MT Bến Tre cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải và có kho lưu giữ chất thải nguy hại. Nhà máy ký hợp đồng thu gom rác thải nguy hại với Công ty TNHH MTV TM-DV-MT Huỳnh Kim Nhật, là đơn vị có chức năng



▲ Nhà máy giấy Giao Long thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng, BVMT

thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại tại TP. Hồ Chí Minh (2 tháng/lần) đến thu gom, vận chuyển theo đúng quy định. Để tạo cảnh quan, Công ty đã trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên Nhà máy đảm bảo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng, đem lại hiệu quả cao. Bà Trương Thị Phiêu - Phó Giám đốc Nhà máy giấy Giao Long cho biết, hoạt động sản xuất tiêu tốn nhiều năng lượng, vì vậy, DHC luôn tìm các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nhằm giảm chi phí sản xuất và nâng cao doanh thu. Nhà máy đã lắp đặt biến tần cho động cơ bơm hút chân không, tiết kiệm 25% điện năng; sử dụng các loại đèn tiết kiệm năng lượng; bảo dưỡng định kỳ lò hơi, hệ thống hơi; xây dựng chế độ vận hành phù hợp nhằm giảm phụ tải giờ cao điểm; lắp đặt đồng hồ đo tại các

khu vực, tái sử dụng nước làm mát tuabin của nhà máy điện cho sản xuất bột giấy... Trong đó, một số giải pháp được áp dụng có hiệu quả như: Cải tạo hệ thống đối lưu để tăng hiệu quả thu hồi bụi, tăng hiệu suất lò, tiết kiệm than, điện.

Nhà máy còn tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người lao động về ý thức BVMT, thực hành an toàn lao động và tiết kiệm năng lượng thông qua việc cử cán bộ kỹ thuật đi học tập, tìm hiểu về các quy định, chính sách BVMT, an toàn lao động và khuyến khích cán bộ, công nhân có sáng kiến tiết kiệm năng lượng, BVMT. Trong thời gian tới, Nhà máy sẽ tiếp tục nâng cấp, cải tiến các thiết bị cũ tiêu tốn năng lượng, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và hướng tới phát triển bền vững■

HƯƠNG TRẦN



Dấu ấn 10 năm hoạt động của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

Được thành lập từ năm 2006, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (TNVN) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, là nơi lưu giữ hơn 50.000 mẫu vật khái quát về nguồn gốc sự sống và thiên nhiên Việt Nam qua 3,6 tỷ năm. Kỷ niệm 10 năm thành lập (10/3/2006 - 10/3/2016), Bảo tàng đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với Phó Giám đốc Bảo tàng TNVN Vũ Văn Liên.



▲ Phó Giám đốc Bảo tàng TNVN Vũ Văn Liên

*** Là Bảo tàng đầu tiên tại Việt Nam trưng bày nhiều mẫu vật độc đáo, tái hiện lịch sử sự sống, xin ông cho biết đôi nét về chặng đường hình thành và phát triển của Bảo tàng trong thời gian qua?**

ÔNG VŨ VĂN LIÊN: Trong 10 năm qua, Bảo tàng đã từng bước phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học, sưu tầm, bảo quản, chế tác mẫu vật, tổ chức trưng bày và tham quan các mẫu vật về thiên nhiên, mở rộng hợp tác quốc tế. Đặc biệt, từ tháng 5/2014, Bảo tàng đã mở cửa phòng trưng bày tiến hóa sinh giới đầu tiên của Việt Nam, phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí, học tập, tìm hiểu về thế giới tự nhiên, được xã hội quan tâm và đón nhận. Sau gần 2 năm mở cửa, phòng trưng bày Bảo tàng đón hơn 75 vạn lượt khách, trung bình khoảng 200 lượt khách tham quan/ngày. Bảo tàng còn là nơi lưu giữ hơn 50.000 mẫu vật về thiên nhiên như địa chất, cổ sinh, động vật, thực vật, côn trùng... được bố trí lô gic, khoa học, hiện đại cùng với các video clip sinh động và phim 3D về lịch sử sự sống, thiên nhiên có "sức hút" đối với khách tham quan. Trong thời gian tới, số lượng mẫu sẽ tiếp tục được bổ sung.

Bên cạnh đó, Bảo tàng cũng thực hiện hàng trăm đề tài, dự án, nhiệm vụ và công bố trên gần 100 bài báo của các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

*** Bảo tàng TNVN ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với bảo tồn thiên nhiên nói riêng và BVMT nói chung, thưa ông?**

ÔNG VŨ VĂN LIÊN: Sự ra đời của Bảo tàng TNVN có ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội, nhất là trong việc tìm hiểu thế giới tự nhiên, nguồn gốc sự sống, quá trình hình thành, phát triển và tiến hóa của các loài. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, con người đã và đang tàn phá thiên nhiên, hàng triệu ha rừng nhiệt đới biến mất, nhiều loài động - thực vật bị tuyệt chủng do săn bắt, mất sinh cảnh, đó là những nguồn gen quý đối với con người. Bên cạnh đó là sự nóng lên của Trái đất, nước biển dâng và nhiều thảm họa thiên nhiên đã tác động đến môi trường. Vì vậy, hiểu được nguồn gốc sự sống, quá trình hình thành và sự tiến hóa của thế giới sinh vật sẽ giúp con người tôn trọng thiên nhiên, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững và có ý thức BVMT sống cho thế hệ hiện tại và tương lai.

*** Để nâng cao ý thức BVMT của cộng đồng, ngoài hoạt động trưng bày hiện vật, Bảo tàng có những hoạt động gì để khơi gợi tình yêu thiên nhiên?**

ÔNG VŨ VĂN LIÊN: Ngoài hoạt động trưng bày, Bảo tàng còn tổ chức trưng bày lưu động bằng pano và mẫu vật về thiên nhiên ở các tỉnh như Hải Phòng, Thừa Thiên - Huế, Tuyên Quang... nhằm giới thiệu và quảng bá thế giới tự nhiên. Bảo tàng cũng tổ chức làm tiêu bản mẫu vật để học sinh làm quen với thế giới tự nhiên, các loài sinh vật. Qua đó, các em hiểu hơn về thế giới tự nhiên và hướng các em trở thành những nhà khoa học tự nhiên trong tương lai.

Hy vọng rằng, trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ xây dựng được một Bảo tàng mới có đủ không gian để trưng bày trong nhà, ngoài trời, với vườn thực vật, động vật, địa chất, bướm... mang tầm cỡ khu vực và quốc tế, góp phần vào sự phát triển đất nước.

*** Xin cảm ơn ông!**

MAI HƯƠNG (Thực hiện)



Na Hang - Tiềm năng du lịch của mảnh đất xứ Tuyên

Là một huyện vùng cao, Na Hang nổi tiếng về cảnh sắc thiên nhiên phong phú với nhiều cảnh quan kỳ vĩ cùng sự phong phú của một văn hóa độc đáo từ 12 dân tộc đang cư trú. Vốn được coi là vùng đất cổ, nơi mà mỗi dòng sông, con suối, cánh rừng, ngọn núi đều gắn liền với truyền thuyết riêng, Na Hang đã trở thành một trong những tiềm năng du lịch lớn của Tuyên Quang.

Cái tên Na Hang bắt nguồn từ hai chữ Nà Hang, theo tiếng của đồng bào dân tộc Tày có nghĩa là “ruộng cuối”, trải dài trên những cánh đồng lúa xen kẽ với núi đá vôi, rừng nguyên sinh, đặc biệt là hồ trên núi, tạo nên phong cảnh hữu tình, như bức tranh cổ tích nổi bật giữa đại ngàn xanh tươi. Nhắc đến Na Hang, không thể không nói đến hồ Na Hang - một trong những hồ nước ngọt lớn nhất miền Bắc hiện nay, được ví như Hạ Long trên cạn, mang vẻ đẹp yên tĩnh, là sự kết hợp của núi non, sông nước hòa với cảnh sắc mây trời. Lòng hồ là nơi hội tụ của sông Gâm và sông Năng, được bao bọc xung quanh bởi 99 ngọn núi trùng trùng điệp điệp. Trong đó, Pắc Tà là ngọn núi cao nhất, trông như chú voi cúi đầu bên nậm rượu, sừng sững, uy nghiêm, thoát ẩn, thoát hiện. Dưới chân núi có ngôi đền cổ thờ người thiếp của tướng quân Trần Nhật Duật (thế kỷ thứ XIII), là địa điểm linh thiêng để người dân Na Hang bày tỏ lòng thành kính, niềm khát vọng cuộc sống bình yên.

Xung quanh khu vực hồ Na Hang có nhiều vĩa đá tự nhiên mang hình thù kì lạ cùng những ngọn thác nổi tiếng như Khuổi Sung, Khuổi Nhi, thác Mơ... quanh năm tuôn chảy tung bọt như làn tóc mây trắng tóe điểm cho màu xanh của đại ngàn. Đặc biệt là hành trình tản bộ khám phá vẻ đẹp tiềm ẩn trong những cánh rừng nguyên sinh của Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Tát Kê - Bản Bung (KBTTN Na Hang), nằm trên địa bàn 4 xã Khau Tinh, Côn Lôn, Sơn Phú, Thanh Tương. Với đặc điểm của khí hậu vùng núi cao, nhiệt độ dao động lớn giữa mùa hè và mùa đông nên nơi đây thuận lợi cho sự phát triển của các loài thực vật. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của các nhà khoa học, KBTTN Na Hang còn khoảng 68% diện tích là rừng ẩm nhiệt



▲ Hồ Na Hang được ví như "Hạ Long trên cạn"

đới nguyên sinh, trong đó có khoảng 70% là rừng trên núi đá vôi. Thành phần loài của hệ thực vật đa dạng với khoảng 1.357 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 74 loài quý, hiếm (chiếm khoảng 5,45% tổng số loài đã ghi nhận); 62 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (chiếm khoảng 4,57%); 25 loài nằm trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (chiếm 1,84%) và 10 loài theo tiêu chí IUCN 2014 (chiếm 0,74%) với nhiều loài có giá trị sử dụng cao như trai, ngải, lát hoa, đinh, thông tre, hoàng đàn giả, bách xanh... Ngoài ra, KBTTN còn là nơi tập trung số lượng lớn các loài gỗ nổi tiếng của hệ thực vật rừng miền Bắc cần được bảo tồn như lát, sảng, giẻ đỏ, de xanh, gỏi nếp, ngải có tuổi đời hàng nghìn năm, đường kính rộng từ 2 - 3 m và nhiều loài cây dược liệu thuộc họ cúc, ngũ gia bì, bạc hà, trúc đào, ô rô, đậu...

Về các loài động vật, hiện KBTTN Na Hang có khoảng 88 loài thú, thuộc 25 họ, 8 bộ đã được ghi nhận, chiếm 20,4% tổng số loài trong hệ động vật toàn khu vực, trong đó có 18 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam, 15 loài trong Sách đỏ Thế giới; 294 loài chim, thuộc 15 bộ, 46 họ, chiếm khoảng 68,2%, trong đó có 7 loài đã được ghi vào Sách đỏ Việt Nam, 6 loài trong Sách đỏ Thế giới; 30 loài bò sát, 18 loài lưỡng cư, trong đó có 9 loài bò sát, 1 loài lưỡng cư được ghi vào Sách đỏ Việt Nam, 3 loài bò sát ghi vào Sách đỏ Thế giới. Mặt khác, theo số liệu điều tra chưa đầy đủ, KBTTN còn có khoảng 300 loài bướm, trên 40 loài dơi, nhiều loài cá và các loài thủy sinh, trong đó có 2 loài cá rầm xanh và anh vũ được ghi vào Sách đỏ Việt Nam. Sự đa dạng cảnh sắc thiên nhiên và phong phú về hệ động, thực vật quý, hiếm của Na Hang đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu khoa học, khảo sát thực địa, du lịch khám phá, thám hiểm.



▲ KBTTN Na Hang với hệ sinh thái phong phú gồm nhiều loại động thực vật quý, hiếm

Để có một Na Hang hùng vĩ và tráng lệ như ngày hôm nay, bên cạnh những ưu đãi mà thiên nhiên ban tặng, phải kể đến những đóng góp của Ban quản lý (BQL) Khu du lịch sinh thái (KDLST) Na Hang. BQL KDLST được thành lập theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 9/5/2007 của UBND tỉnh Tuyên Quang, có vai trò giúp UBND tỉnh trong công tác quy hoạch và đầu tư phát triển du lịch; Quản lý, tổ chức hoạt động dịch vụ, kinh doanh vận tải khách du lịch và BVMT, trật tự an toàn cho khách vào tham quan; Phối hợp với các ngành liên quan phát triển các tuyến du lịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của KDLST Na Hang.

Ông Lê Thanh Sơn, Trưởng BQL KDLST cho biết, đến nay, KDLST đã hoàn thiện việc xây dựng khu đón tiếp khách du lịch tại thác Pác Ban, thị trấn Na Hang; Triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng công trình đường giao thông phân khu du lịch Phiêng Bung; Thiết kế xây dựng hang Nà Chao, xã Năng Khả (Na Hang) và thác Khuổi Nhi, xã Thượng Lâm (Lâm Bình)... Thời gian tới, BQL sẽ tiếp tục phối hợp với UBND các

huyện Na Hang, Lâm Bình và Bắc Mê (Hà Giang) thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng động Song Long, xã Khuôn Hà (Lâm Bình); Phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Cạn, UBND huyện Ba Bể khảo sát tuyến đường giao thông từ Bản Dạ - xã Sơn Phú (Na Hang) đến xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn (Bắc Cạn), nhằm kết nối KDLST Na Hang với Vườn quốc gia Ba Bể (Bắc Cạn), nhằm giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, tạo sản phẩm du lịch.

Những tiềm năng, thế mạnh về cảnh sắc thiên nhiên, con người, truyền thống văn hóa đa dạng, phong phú, đậm đà bản sắc của nhân dân các dân tộc trên địa bàn sẽ là điểm tựa để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đặc biệt là kinh tế, mô hình và dịch vụ du lịch nổi liền với các tỉnh như huyện Bắc Mê (Hà Giang), huyện Ba Bể, Pắc Nặm (Bắc Cạn)... để Na Hang không chỉ là khu dự trữ tự nhiên hay khu bảo tồn loài sinh cảnh mà còn là điểm du lịch sinh thái hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước, góp phần vào công cuộc phát triển của tỉnh Tuyên Quang■

GIA LINH

Phú Thọ là tỉnh miền núi nằm ở vùng trung tâm Bắc bộ, là một trong những tỉnh có độ che phủ rừng lớn (42% diện tích tự nhiên), với diện tích rừng hiện có 144.256 ha, trong đó có 69.547 ha rừng tự nhiên, 74.704 ha rừng trồng, hàng năm cung cấp hàng vạn tấn gỗ cho công nghiệp chế biến, 17.300 ha rừng đặc dụng với hệ sinh thái đa dạng, phong phú có giá trị bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học. Tuy nhiên trong những năm gần đây, do nạn khai thác rừng trái phép gia tăng, làm độ che phủ của rừng giảm sút, hệ sinh thái rừng ngày càng nghèo kiệt.

Để triển khai công tác phục hồi rừng, năm 2011, tỉnh Phú Thọ đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015. Sau 4 năm thực hiện, Chương trình đạt hiệu quả tích cực. Tính đến nay, diện tích rừng trồng sản xuất tăng nhanh, đạt 12.886 ha (97,4% so với kế hoạch). Rừng sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ cây sống đạt trên 90%, cơ cấu cây trồng có bước chuyển đổi tích cực, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Bên cạnh đó, công tác trồng mới rừng cũng được đẩy mạnh, hiện đã trồng mới 596,5 ha rừng tại Vườn quốc gia (VQG) Xuân Sơn; Trồng rừng thay thế bằng cây bản địa 198,7 ha tại Khu rừng cảnh quan Núi Nả, văn hóa lịch sử huyện Yên Lập và quốc gia Đền Hùng; Diện tích khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên bình quân đạt 1.141 ha/năm; Độ che phủ rừng tăng lên từ 49,9% năm 2011 lên 50,6% năm 2014. Các vùng đất trống, đồi núi trọc được phủ xanh, góp phần hạn chế lũ lụt, xói mòn đất, điều tiết nguồn nước, môi trường sinh thái được cải thiện.

Thực hiện bảo vệ rừng bền vững, UBND tỉnh đã ban hành Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, với mục tiêu, phát triển kinh tế rừng thành ngành kinh tế trọng điểm, theo hướng xã hội hóa, đảm bảo hài hòa, phù hợp giữa lợi ích môi trường, kinh tế, xã hội và thích ứng với biến đổi khí hậu; Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, đảm bảo đáp



Phú Thọ tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững



▲ Cán bộ Hạt kiểm lâm Thanh Sơn (Phú Thọ) hướng dẫn người dân chăm sóc rừng

ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp chế biến lâm sản của tỉnh, gắn bảo vệ và phát triển rừng với an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường và phát triển du lịch sinh thái...

Theo đó, UBND tỉnh chỉ đạo Sở NN&PTNT, trong giai đoạn tới, tỉnh đẩy mạnh bảo vệ diện tích rừng hiện có, mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng rừng, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Tập trung giao khoán rừng, xây dựng mô hình quản lý rừng có hiệu quả; bảo vệ khoanh nuôi, tái sinh rừng hiện có, bảo vệ tốt VQG Xuân Sơn.

Tiếp tục duy trì kết quả giao đất, giao rừng, tăng cường hiệu quả công tác quản lý đất rừng theo nội dung mới của Luật Đất đai. Trước mắt ổn định diện tích giao khoán cho đơn vị, cá nhân khai thác, quản lý tốt đất rừng, đồng thời rà soát, sắp xếp diện tích khai thác không hiệu quả, tạo cơ hội cho tổ chức, cá nhân có điều kiện tham gia phát triển lâm nghiệp.

Bên cạnh đó, phát triển lâm nghiệp theo đúng định hướng Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng. Đối với rừng đặc dụng, phòng hộ

cần bảo vệ diện tích hiện có, bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học, trồng các loài cây bản địa, cây dược liệu dưới tán rừng phòng hộ; khai thác phát triển du lịch sinh thái, BVMT, phát huy khả năng phòng hộ đầu nguồn. Đối với rừng sản xuất tập trung, chọn loại cây đa mục tiêu, hiệu quả kinh tế cao, quy hoạch phát triển rừng gắn với chế biến công nghệ cao, chế biến với tiêu thụ. Trong đó ưu tiên tiếp tục thực hiện quy hoạch vùng nguyên liệu giấy đã cam kết với Chính phủ, tạo điều kiện để Nhà máy giấy Bãi Bằng phát triển mở rộng trồng các loại rừng khác phục vụ nhu cầu dân sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao năng suất, hiệu quả rừng trồng và phát triển lâm sản

ngoài gỗ. Theo đó, ngoài trồng rừng nguyên liệu giấy cần phát triển trồng các loại cây đa tác dụng có thể khai thác làm bột giấy, gỗ thanh, gỗ bóc, kết hợp với kỹ thuật khai thác để phát triển trồng cây gỗ lớn. Chú trọng phương châm “lấy ngắn nuôi dài”, đẩy mạnh kết hợp sản xuất, gieo trồng các loại lâm sản ngoài gỗ như cây dược liệu, mây tre, chăn nuôi dưới tán rừng, cây lương thực ngắn ngày để tạo thêm nguồn thu cho người trồng rừng.

Ngoài ra, đổi mới chính sách phát triển để huy động nguồn lực phát triển lâm nghiệp; Tiếp tục rà soát lại quỹ đất lâm nghiệp, có chính sách giao đất, giao rừng, sắp xếp doanh nghiệp lâm nghiệp theo hướng cổ phần hóa, thuê, khoán, thu hồi đất giao sản xuất không hiệu quả... những khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ kết hợp với khai thác du lịch sinh thái và lâm sản ngoài gỗ từ rừng phục vụ yêu cầu phát triển. Quy hoạch phát triển cơ sở chế biến lâm sản và thị trường để nâng cao giá trị lâm sản sau thu hoạch. Ngoài cơ sở chế biến giấy, tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các cơ sở chế biến phát triển tự phát, quy mô nhỏ, tạo cơ hội hình thành cơ sở chế biến quy mô lớn, gắn chế biến với vùng nguyên liệu. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, duy trì hệ sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng■

LÊ THƯỜNG



Tăng cường bảo vệ rừng quốc gia Đền Hùng

Khu di tích lịch sử (KDTLS) Đền Hùng - nơi thờ tự các Vua Hùng đã có công dựng nước - Tổ tiên của dân tộc Việt Nam, là KDTLS văn hóa quan trọng bậc nhất quốc gia, được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt. Ngoài quần thể kiến trúc, nghệ thuật tinh xảo, Khu di tích còn có một hệ sinh thái rừng nhiệt đới, có giá trị về đa dạng sinh học. Rừng quốc gia (RQG) Đền Hùng là sự kết hợp giữa rừng tự nhiên với rừng trồng, không chỉ có một số cây quý của rừng nguyên sinh mà còn có những loài cây gắn với truyền thuyết và tâm linh cũng như cuộc sống thường ngày của người dân nơi đây.

VIỆN NGỌC BÍCH GIỮA THÀNH PHỐ CÔNG NGHIỆP

Ngày 12/7/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 89/2002/QĐ-TTg thành lập RQG Đền Hùng với diện tích 528 ha, trong đó có 32 ha thuộc diện bảo vệ nghiêm ngặt. Hệ sinh thái thực vật RQG Đền Hùng đa dạng, phong phú, chỉ tính riêng ở núi Nghĩa Lĩnh có 636 loài thực vật thuộc 429 chi của 144 họ, trong đó có 15 loài quý hiếm, có giá trị khoa học như trầm hương, kim giao, gỗ đỏ, sến mật, lát hoa, chò nâu, giáng hương... Đặc biệt, có cây vạn tuế trên 800 tuổi, cây đại gần 300 tuổi, cây chò nâu cao 30 m, đường kính gốc 80 cm và hàng trăm cây có tuổi đời từ 100 - 500 năm. Ngoài ra, còn có khoảng 205 loài cho gỗ, 192 loài cho thuốc, 97 loài cây cảnh, 104 loài cho thực phẩm và 9 loài cho dầu, nhựa. Bên cạnh đó, hệ động vật có 157 loài côn trùng, thuộc 26 họ, 132 giống gồm 7 bộ, trong đó động vật có xương sống bao gồm 59 loài chim, 13 loài thú, 14 loài bò sát, 9 loài lưỡng cư thuộc 81 giống; Động vật quý hiếm có 7 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam thuộc 3 lớp (lớp chim gồm bói cá lớn và ác là, lớp thú gồm tê tê, lớp bò sát gồm tắc kè, rắn giáo, hổ mang, cạp nong). Cùng với khu rừng tự nhiên, xung quanh núi Nghĩa Lĩnh còn có hàng chục núi và đồi, tạo nên cảnh sơn thủy hữu tình vừa hùng vĩ vừa tôn nghiêm, bốn mùa xanh ngát giống như bức tranh thủy mặc. Cây rừng trên đại ngàn Nghĩa Lĩnh gắn liền với dấu ấn lịch sử và thời gian, cùng với các di tích đền, chùa, bia mộ, tạo nên sự linh thiêng, để mỗi người khi đến với Đền Hùng, trong cõi sâu thẳm của tâm linh như được giải tỏa.



▲ Cây vạn tuế 800 năm tuổi trước cửa chùa Thiên Quang

PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI

Cùng với các dự án phát triển RQG Đền Hùng, KDTLS Đền Hùng đã trồng bổ sung các loại cây gỗ quý, cây sinh cảnh vào diện tích rừng 30 ha thuộc núi Nghĩa Lĩnh, 18.000 cây các loại vào diện tích 45 ha khu núi Vặn. Ngoài vườn cây lưu niệm quốc gia gồm 300 cây thuộc các loại cây của ba miền Bắc, Trung, Nam, Sở NN&PTNT tỉnh Phú Thọ đã xây dựng vườn ươm 7 ha, với mục tiêu cung cấp nguồn cây giống, bảo vệ nguồn gen, phục vụ trồng và phát triển RQG Đền Hùng theo quy hoạch. Cùng với đó, KDTLS Đền Hùng cũng phát động cán bộ, công nhân tham gia trồng trên 2.500 cây cảnh, cây bóng mát; Xây dựng 5.000 m hàng rào cây xanh tại các khu vực trong di tích; Trồng mới hàng chục ha tại khuôn viên đền thờ Lạc

Long Quân, khu hồ cảnh quan và hàng nghìn cây bóng mát, cây sinh cảnh trên các trục đường vào KDTLS...

Song song với việc phục hồi và phát triển hệ sinh thái, KDTLS Đền Hùng thường xuyên phối hợp với chính quyền các xã, huyện liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục người dân có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng và di tích; Phối hợp với lực lượng kiểm lâm trực gác, tuần tra, kiểm tra các khu vực trọng yếu; Ký cam kết với 34 hộ dân sinh sống trong khu vực RQG chăm sóc, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên và phòng chống cháy rừng, đảm bảo không có tình trạng chặt phá rừng cũng như săn bắt động vật trái phép. Đồng thời, hàng năm xây dựng phương án và phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy trong mùa hanh khô và trước thời gian tổ chức Lễ hội.

Đền Hùng là di tích lịch sử văn hóa đặc biệt quan trọng đối với người dân Phú Thọ nói riêng và người dân Việt Nam nói chung. Vì vậy, cùng với những nỗ lực của chính quyền địa phương, người dân và khách tham quan cần nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc chung tay xây dựng môi trường di tích lành mạnh, văn minh■

T.HÀNG - MINH TÙNG



▲ KDTLS Đền Hùng hưởng ứng Tết trồng cây Xuân Bính Thân 2016



Trải nghiệm vùng Miệt Thứ - U Minh

Từ TP. Rạch Giá (Kiên Giang), xe ô tô đưa chúng tôi đi về phía Nam gần 30 km, đến phà Tắc Cậu, qua rạch Xẻo Rô là đã đặt chân lên vùng Miệt Thứ. Miệt Thứ là tên chung chỉ vùng đất rộng lớn bao gồm các huyện An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận và U Minh Thượng (Kiên Giang) đến huyện U Minh của Cà Mau. Sách Đại Nam nhất thống chí viết rằng “vùng này gọi là Thập Câu, tức mười con rạch”. Người xưa theo mốc thứ tự của các con rạch đặt tên cho địa bàn, lần lượt là Thứ Hai, Thứ Ba... tới Thứ Mười. Chữ Thứ gắn với chữ Miệt, giống như miệt đồng, miệt vườn trở thành “Miệt Thứ”.

Ông Thái Thành Lượm, Giám đốc Sở Thông tin - Truyền thông tỉnh Kiên Giang cho biết, xưa kia nói đến Miệt Thứ, người ta hình dung đến một nơi xa xôi, hoang vu không người ở. Cách đây nửa thế kỷ, đến sống ở vùng Miệt Thứ chủ yếu là những người trốn thuế thân, tá điền chống lại địa chủ, người trốn nợ. Nơi đây, kênh rạch chằng chịt, phía trên là rừng tràm, dưới là dừa nước và cỏ lác. Dưới ngòi bút của nhà văn Đoàn Giỏi trong “Đất rừng phương Nam”, Miệt Thứ có đa dạng các loài động vật hoang dã: Rắn, rùa, kỳ đà, heo rừng, ba ba, ong, tôm cá...

Từ khi đất nước thống nhất, cuộc sống Miệt Thứ phát triển nên có nhiều người qua lại làm ăn. Dân cư Miệt Thứ dần đông đúc. Tại mỗi ngã ba kênh rạch, dân cư tập trung để mua bán, trao đổi hàng hóa. Đặc biệt, nơi ấp Xẻo Nhàu trước kia được miêu tả là chốn hoang vu, thì ngày nay đã tấp nập ghe tàu đánh cá neo đậu, những ngôi nhà khang trang mọc lên.

Nằm giữa vùng Miệt Thứ là Vườn quốc gia (VQG) U Minh Thượng. Chúng tôi tham quan khu căn cứ địa cách mạng xưa, nơi người dân từng chõ che, đùm bọc các vị lãnh đạo như Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh... Ông Lê Hoàng Hưởng, Giám đốc VQG U Minh Thượng cho hay, trong hệ sinh thái rừng úng phèn của đồng bằng sông Cửu Long thì chỉ còn duy nhất hệ thực vật rừng của vùng lõi thuộc VQG U Minh Thượng có những đặc điểm của rừng cực đỉnh nguyên sinh. Đó là các ưu hợp rừng tràm hỗn giao và rừng tràm trên đất than bùn. Tại khu vực VQG U Minh Thượng, hiện nay đã điều tra được 250 loài thực vật, trong đó có 243 loài được định danh, 8 loài rất hiếm và 71 loài hiếm có.



▲ VQG U Minh Thượng - khu Ramsar thứ 8 của Việt Nam và thứ 2.228 của thế giới

VQG U Minh Thượng đang trở thành địa điểm thu hút nhiều khách du lịch, mỗi năm đón khoảng 5 vạn lượt khách tham quan. Nhiều hoạt động, tuyến tham quan đang được mở để phục vụ du khách: Câu cá giải trí, tham quan vườn chim, vườn dơi. Theo ông Lê Hoàng Hưởng, vùng lõi VQG có diện tích hơn 8.000 ha, trong đó có khoảng 500 ha là mặt nước trống để câu cá giải trí. Ngoài thời gian đóng cửa 3 tháng vào mùa khô để phòng cháy rừng thì dịch vụ câu cá phục vụ quanh năm. Khách đến nhiều nhất là từ TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Vũng Tàu, Đồng Nai, Cần Thơ...

Ban quản lý VQG dùng xuồng gấn máy chở chúng tôi theo con kênh đi sâu vào những khu vực cây tràm đang tái sinh. Dưới tán rừng bắt gặp bấy khi trèo lên cây cao nhìn sang hướng vô máy. Ông Hưởng cho biết, kết quả khảo sát cho thấy, ở VQG U Minh Thượng hiện có 4 đàn khỉ, sống trong các khu rừng tràm và thường di chuyển đến các dòng kênh trong Vườn. Đến khu vực của các

loài chim, những chú chim đồng loạt vỗ cánh bay khi chúng tôi đến gần để quay phim, chụp ảnh. Những cánh chim tung bay giữa bầu trời bao la trên nền xanh bạt ngàn cây lá của khu rừng nguyên sinh thơ mộng, hữu tình. Rời sân chim, chúng tôi đến Máng Dơi. Được biết, tại đây đã thống kê được 7 loài dơi, trong đó có loài dơi ngựa Thái Lan đã được đưa vào Sách đỏ Thế giới. Kết quả các công trình nghiên cứu đã phát hiện có 186 loài chim tại VQG U Minh Thượng, trong đó có nhiều loài quý hiếm cần được bảo vệ. Các nhà khoa học cũng đã xác định gần 500 loài động vật tại đây, trong đó có một số loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới như rái cá lông mũi, mèo cá dơi ngựa lớn, sóc lửa, sóc đuôi ngựa... Năm 2013, VQG U Minh Thượng được nhận chứng chỉ danh hiệu Vườn di sản ASEAN và ngày 22/2/2016, được công nhận là khu Ramsar thứ 8 của Việt Nam và thứ 2.228 của thế giới■

MINH KHÔI - N. HIỀN



Hiệu quả từ mô hình giáo dục và truyền thông về VPA-FLEGT ở khu vực miền Trung

ĐẶNG THỊ THANH THỦY

Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực TN&MT

TRƯỜNG SĨ HOÀI NHÂN, NGUYỄN VĂN NAM

Chuyên gia FLEGT miền Trung

Mô hình giáo dục - truyền thông đồng bộ từ cộng đồng tới các cấp quản lý về Tăng cường thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và buôn bán gỗ (FLEGT) đang được triển khai hiệu quả tại các tỉnh (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam), góp phần hiện thực hóa những chính sách, mục tiêu về quản trị rừng và thương mại lâm sản hợp pháp ở các địa phương, hướng tới thực hiện Hiệp định Đối tác tự nguyện VPA-FLEGT trong tương lai.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TRUYỀN THÔNG VỀ FLEGT

Các hoạt động truyền thông về FLEGT do Liên minh châu Âu (EU) hỗ trợ thực hiện thí điểm tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế và Quảng Nam. Đây là một mô hình được triển khai đồng bộ, tiếp cận từ cộng đồng, tổ chức xã hội, doanh nghiệp chế biến gỗ tới các cơ quan quản lý có liên quan, góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của các nhóm đối tượng về gỗ hợp pháp và các vấn đề liên quan đến VPA-FLEGT. Mô hình được thiết kế gồm các hoạt động tập huấn cho cán bộ, chương trình giáo dục cho học sinh, truyền thông trực tiếp tại địa bàn lựa chọn ở 4 tỉnh, trên các kênh thông tin, công cụ truyền thông và đã được cộng đồng và chính quyền địa phương ủng hộ, tham gia nhiệt tình, đánh giá cao về hiệu quả, tính thực tiễn. Trong đó, đào tạo cán bộ truyền thông nòng cốt về FLEGT là chương trình đầu tiên của mô hình, thu hút sự tham gia của 33 học viên từ các tổ chức xã hội, cán bộ kiểm lâm, chính quyền địa phương và cộng đồng người dân sống phụ thuộc vào rừng của 4 tỉnh. Những người tham gia chương trình được cung cấp thông tin về VPA-FLEGT, gỗ hợp pháp... cũng như các kiến thức cơ bản về truyền thông cộng đồng, truyền thông thay đổi hành vi về FLEGT; phương pháp, kỹ năng giảng dạy và thiết kế các sản phẩm truyền thông tại địa phương.

Đặc biệt, mô hình đã tổ chức truyền thông trực tiếp tới cộng đồng và doanh nghiệp tại các huyện A Lưới (Thừa Thiên-Huế), Đắc Rông (Quảng Trị), Lệ Thủy (Quảng Bình), Đông Giang (Quảng Nam) thông qua các hoạt động thiết thực, trò chơi thích hợp với người dân địa



▲ Trao giải thưởng “Rừng xanh ước mơ” cho các học sinh có thành tích xuất sắc

phương. Nội dung và hình thức truyền thông được điều chỉnh phù hợp với thực tế, sinh động, phát huy những giá trị văn hóa bản địa như đi xe đạp, ô tô cổ động, hát múa theo bản sắc dân tộc của người Pa Cô, Cơ Tu, thi tìm hiểu về VPA-FLEGT. Chương trình thu hút gần 200 người tham gia từ cơ quan kiểm lâm, chính quyền địa phương, cơ sở chế biến gỗ và người dân tại các địa phương triển khai mô hình.

Mặt khác, mô hình còn tổ chức cuộc thi vẽ tranh “Rừng xanh ước mơ”, là sáng kiến

tuyên truyền và quảng bá thông tin về FLEGT tới các cơ quan chính quyền địa phương, quản lý lâm nghiệp, kiểm lâm và cộng đồng. Chương trình được triển khai tại các tỉnh Quảng Bình và Thừa Thiên-Huế thu hút sự tham gia của 300 em thiếu nhi với 150 tác phẩm tham dự... Các thông điệp về ý thức quản lý và bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái bền vững được lồng ghép trong tranh của các em học sinh tham dự.



● Một số ý kiến của cộng đồng, doanh nghiệp và cán bộ quản lý

Ông Hồ Văn Đèo, xã Hồng Bắc, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên-Huế: “Qua các hoạt động truyền thông về FLEGT, tôi đã hiểu về tầm quan trọng của việc quản lý bảo vệ rừng và sẽ tuyên truyền tới cộng đồng”.

Ông Lê Duy Trinh, Doanh nghiệp tư nhân Nguyên Phong, Quảng Trị: “Sau khi được truyền thông về FLEGT, chúng tôi đã nhận thức được sự cần thiết phải tuân thủ các quy định của pháp luật về gỗ hợp pháp, trong đó có các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Nếu muốn phát triển thị trường doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của Nhà nước và VPA-FLEGT”.

ThS. Mai Quang Huy - Phó trưởng phòng Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm Thừa Thiên - Huế: “Hoạt động nâng cao năng lực được Dự án FLEGT - Khu vực miền Trung triển khai đã đáp ứng mong đợi của các cơ quan quản lý ngành lâm nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng, thành viên mạng lưới VNGO-FLEGT, doanh nghiệp chế biến gỗ... Thông qua đó, các nhóm hưởng lợi đều nắm được các vấn đề cơ bản liên quan đến VPA-FLEGT”.

HIỆU QUẢ CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VỀ FLEGT

Đối với các cơ quan ban ngành liên quan: Cán bộ của các cơ quan quản lý ngành lâm nghiệp, cán bộ chính quyền địa phương, tổ chức xã hội đoàn thể đã được tiếp cận và hiểu rõ hơn về nội dung của Kế hoạch hành động FLEGT, Hiệp định Đối tác Tự nguyện VPA-FLEGT, định nghĩa gỗ hợp pháp, hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp... Đồng thời, được trang bị kỹ năng để xây dựng các chương trình giáo dục- truyền thông phù hợp với cộng đồng, doanh nghiệp.

Đối với các tổ chức xã hội: Nâng cao hiểu biết, phát triển kỹ năng truyền thông về FLEGT, từ đó tuyên truyền đến từng cộng đồng địa phương về VPA-FLEGT, thúc đẩy cộng đồng tham gia thực hiện FLEGT.



▲ Hoạt động truyền thông về FLEGT thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia

Đối với nhóm cộng đồng: Người dân được tuyên truyền để thay đổi hành vi trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, hạn chế khai thác gỗ trái phép, sử dụng các sản phẩm gỗ có nguồn gốc hợp pháp. Từ đó, góp phần tăng cường tiếng nói của cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng và doanh nghiệp chế biến gỗ trong tiến trình VPA- FLEGT.

Đối với các doanh nghiệp và cơ sở chế biến gỗ: Hiểu rõ hơn về lợi ích khi tham gia vào tiến trình VPA-FLEGT. Doanh nghiệp nhận thức và tuân thủ các quy định, thủ tục chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp; thay đổi tư duy và định hướng trong sản xuất, chế biến, kinh doanh và sản phẩm gỗ hợp pháp, đáp ứng theo yêu cầu FLEGT.

Đối với Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ về thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VNGO-FLEGT) và các dự án làm việc liên quan đến FLEGT: Tạo cơ hội trao đổi, giao lưu, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm về các hoạt động truyền thông của các thành viên Mạng lưới

VNGO-FLEGT; kết nối 6 thành viên chủ chốt của mạng lưới cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng tham gia vào mạng lưới VNGO-FLEGT.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM-KHUYẾN NGHỊ

Thông qua việc triển khai truyền thông tại một số địa phương cho thấy, việc thực hiện truyền thông cần được triển khai đồng bộ từ cộng đồng tới các cấp quản lý về FLEGT. Hình thức truyền thông cần được thiết kế đa dạng, sinh động để thu hút sự tham gia của các đối tượng khác nhau. Nội dung truyền thông phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với thực tiễn của từng địa phương và trình độ nhận thức của từng nhóm đối tượng. Nên sử dụng các phương tiện truyền thông gây chú ý đối với cộng đồng, thu hút sự quan tâm của chính quyền các cấp; Thu hút sự tham gia của các em học sinh, phát huy những giá trị văn hóa bản địa trong quá trình tuyên truyền, truyền thông.

Tóm lại, mô hình truyền thông về FLEGT được triển



khai tại các tỉnh nói trên đã giúp các nhóm hưởng lợi nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích khi tham gia vào tiến trình FLEGT, góp phần thay đổi nhận thức trong việc sử dụng gỗ hợp pháp, hạn chế khai thác gỗ trái phép, tăng cường công tác quản lý và bảo vệ rừng hiệu quả tại các địa phương.

Tuy nhiên, hiện quy mô truyền thông chỉ dừng ở mô hình thí điểm tại 4 huyện thuộc 4 tỉnh, chưa được thực hiện rộng ở nhiều địa phương. Mô hình này cần được triển khai trên địa bàn rộng hơn. Bên cạnh đó, đối với từng nhóm đối tượng cụ thể cần có các hình thức và nội dung truyền thông thiết thực hơn như: Nhóm cộng đồng cần được truyền thông bằng các biện pháp tại chỗ, thường xuyên (như sử dụng các tuyên truyền viên, kiểm lâm viên địa bàn...) để giải thích cụ thể về nguồn gốc gỗ hợp pháp, những tác động đến sinh kế của người dân khi áp dụng VPA-FLEGT...; Nhóm các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý cần được tập huấn, hội thảo, cung cấp thông tin cập nhật và tầm quan trọng của VPA-FLEGT đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng; Nhóm cơ sở chế biến gỗ và doanh nghiệp cần được tuyên truyền trực tiếp, cập nhật thông tin thường xuyên về các quy định có liên quan đến VPA-FLEGT khi tham gia vào chuỗi cung ứng, sản xuất, chế biến và xuất khẩu gỗ sang thị trường EU■

Chiến lược quốc gia của Malaixia về bảo tồn đa dạng sinh học



▲ Hang Chiku tại bang Kelantan, Malaixia

Malaixia là một trong 17 quốc gia có giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (2015), Malaixia đứng thứ 5 trong số các quốc gia có nhiều loài bị đe dọa nhất, với 534 loài. Trong những năm gần đây, Malaixia đã mất đi nhiều loài sinh vật hoang dã, điển hình như tê giác Sumatran và rùa luyệt đang có nguy cơ bị tuyệt chủng do số lượng cá thể còn ít để sinh sản và duy trì nòi giống. Ngoài ra, Malaixia cũng mất đi nhiều không gian hoang dã, như hang động Chiku ở bang Kelantan (phía Đông Bắc của Malaixia), nơi lưu trú của loài thằn lằn độc nhất trên thế giới và nhiều thực vật quý hiếm khác, hay thảm cỏ biển tại bang Johor (phía Nam Malaixia) - nơi sinh sống của cá nược và cá ngựa do bị chôn vùi bởi các đảo mới khai phá.

Trước thực trạng trên, Malaixia đã ban hành Chiến lược quốc gia về bảo tồn ĐDSH đến năm 2025 nhằm nâng cao chất lượng và tăng diện tích của các

hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ; cải thiện chất lượng và số lượng quần thể các loài nguy cấp, quý, hiếm... đồng thời hướng tới quản lý, khai thác bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

MỞ RỘNG PHẠM VI BẢO TỒN

Ngoài việc tập trung bảo vệ hệ sinh thái và môi trường sống dễ bị tổn thương (như núi đá vôi, rừng trên đất ultrabasic, đất ngập nước, rạn san hô và thảm cỏ biển), các nhà quản lý Malaixia cũng chú trọng việc chia sẻ lợi ích từ ĐDSH, an toàn sinh học và các loài ngoại lai xâm hại. Theo đó, bên cạnh việc lập bản đồ khoanh vùng hệ sinh thái, Malaixia rà soát, khảo sát hiện trạng thực tế, đánh giá khả năng phục hồi và tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái quan trọng trước biến đổi khí hậu (dự kiến hoàn thiện vào năm 2018) nhằm tăng diện tích bảo tồn đất liền và vùng nước nội địa lên 20%, vùng biển và ven biển lên 10%, tăng gấp đôi số lượng khu vực bảo tồn cộng đồng đến năm 2020, giảm thiểu và quản lý tác động tiêu cực tiềm ẩn của công nghệ sinh học hiện đại... Mặt khác, bằng việc xác lập các điểm nóng về ĐDSH, xây dựng các trung tâm, mạng lưới ĐDSH và thi hành pháp luật đối với các cơ sở buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã vào năm 2021, Malaixia quyết tâm ngăn chặn sự tuyệt chủng của các loài bị đe dọa, giảm thiểu các hoạt động buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã, phấn đấu có thêm 10 khu vực mới đạt tầm quan trọng sinh học quốc tế vào năm 2025.

Theo quy định mới, những người bản xứ, cộng đồng địa phương, nhóm xã hội dân sự và các công ty tư nhân hoạt động tích cực trong việc bảo tồn ĐDSH sẽ được ghi nhận và có hình thức khích lệ phù hợp. Với khẩu hiệu "tài nguyên của chúng ta, trách nhiệm thuộc về chúng ta", Chiến lược tập trung vào sự tham gia của cộng đồng trong việc đạt được các mục tiêu xanh,



thông qua việc tăng gấp đôi số lượng các dự án xã hội dân sự và khu vực tư nhân. Đồng thời, Chiến lược thể hiện việc trao quyền từ Chính phủ liên bang sang chính quyền tiểu bang, tổ chức phi Chính phủ, khu vực tư nhân và cộng đồng địa phương trong việc chung tay bảo tồn ĐDSH bằng các quy định pháp lý cụ thể.

Ngoài ra, Chiến lược cũng đề xuất xây dựng Luật Tiếp cận và chia sẻ lợi ích ĐDSH, dự kiến sẽ hoàn thiện vào năm 2017, nhằm thúc đẩy và bảo vệ kiến thức bản địa, đồng thời giúp người dân hưởng lợi từ hoạt động bảo tồn ĐDSH tại địa phương.

LỒNG GHÉP ĐDSH VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Lồng ghép ĐDSH vào quá trình phát triển và hoạch định dự án phát triển kinh tế nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch, khai thác, phát triển cơ sở hạ tầng... không gây thêm áp lực lên nguồn tài nguyên sinh học. Theo đó, Chính phủ sẽ xây dựng Chương trình định giá tài nguyên thiên nhiên, dự kiến hoàn thiện vào năm 2020, làm tiêu chí để cân nhắc mức độ lồng ghép. Cụ thể, việc định giá tài nguyên thiên nhiên sẽ giúp các nhà quản lý xác định được mối quan hệ của nguồn tài nguyên đó với hệ sinh thái xung quanh, từ đó, thúc đẩy nền kinh tế phát triển mà không gây tổn hại đến nguồn tài nguyên phụ thuộc. Để Chiến lược phát huy hiệu quả, Chính phủ Malaixia sẽ hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm đánh giá đầy đủ và chi tiết ĐDSH vào năm 2018. Bên cạnh đó, việc lồng ghép ĐDSH trong đánh giá tác động môi trường cũng sẽ được đẩy mạnh.

Chiến lược ưu tiên công tác bảo tồn núi đá vôi vì đây là môi trường sống quan trọng của nhiều loài. Hiện tại, núi đá vôi chiếm 0,4% diện tích đất của cả nước nhưng các loài sống tại đây chiếm tới 14% trên tổng số 8.500 loài thực vật tại bán đảo Malaixia. Tuy nhiên, nhiều loài thực vật quý, hiếm và bị đe dọa chưa được bảo vệ nghiêm ngặt như các loài động vật.

ĐẨY MẠNH BẢO TỒN BIỂN VÀ RỪNG

Chiến lược hướng tới khoanh vùng các khu vực "có giá trị bảo tồn cao" và "khu vực nhạy cảm với các vấn đề môi trường" và đưa vào kế hoạch của nhà nước, địa phương, từ đó, các khu vực này sẽ không bị khai thác hoặc chuyển thành các đồn điền, thị xã hay các khu công nghiệp. Chiến lược cấm trồng rừng, bao



▲ Thảm cỏ biển có vai trò quan trọng đối với sự sống của loài cá nước, rùa và hơn trăm loài tôm cá khác tại Malaixia

gồm cả các đồn điền cao su để lấy gỗ. Trong tương lai, sẽ có hướng dẫn cụ thể và kiểm soát mức độ phát triển các vùng tiếp giáp với các khu vực này. Để giảm thiểu áp lực của hoạt động kinh tế lên vùng ĐDSH, Chiến lược kêu gọi quản lý tốt hơn nền nông nghiệp, ngoài ra, hướng tới quản lý bền vững tất cả các khu rừng, khu vực hạn chế hoặc cấm khai thác thủy sản. Theo đó, đến năm 2025, 50% khu vực nông nghiệp được công nhận là quản lý bền vững, 20% lượng đánh bắt cá được thu hoạch bền vững; các khoản trợ cấp tổn thất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được xác định và hợp lý hóa trước năm 2021.

Chiến lược cũng tăng cường bảo vệ hệ sinh thái biển bởi tài liệu về hiện trạng và các mối đe dọa đến ĐDSH biển chưa đủ thông tin, trong

khí đó, các mối đe dọa ở đây nghiêm trọng hơn trên đất liền, nhiều loài sinh vật biển bị suy giảm nghiêm trọng. Để việc bảo tồn được hiệu quả, khu vực môi trường sống cần được bảo vệ và đa dạng về chủng loài. Vì vậy, theo kế hoạch, Malaixia sẽ mở rộng khu vực bảo tồn biển từ 1,4% lên 10% (trên tổng diện tích 453.000 m²).

Theo kế hoạch, có nhiều hành lang ĐDSH được thiết lập để kết nối các khu vực sinh thái, cho phép quần thể trong cùng loài có thể trao đổi gen, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho sự di chuyển của các loài sinh vật đến vùng có điều kiện sinh thái phù hợp. Cụ thể, Malaixia sẽ khôi phục và bảo vệ hành lang sinh thái quan trọng trên cạn và biển, đồng thời, thiết lập thêm 10 hành lang chính để liên kết các khu rừng bị phân



mảnh. Mặt khác, Chiến lược đẩy mạnh duy trì ĐDSH trong khu vực đô thị bằng cách thiết lập các không gian xanh phù hợp dựa trên Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn ĐDSH thành thị.

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

Trong Chiến lược, Chính phủ Malaixia kết hợp từng nội dung với trách nhiệm của người thực hiện, mục tiêu rõ ràng (có thể định lượng thông qua các chỉ tiêu) và thiết lập cơ chế quản lý chặt chẽ hơn; đồng thời chỉ ra cơ quan chủ trì tương ứng với từng mục tiêu, phạm vi giám sát và phối hợp. Ngoài ra, Chiến lược đề xuất tổ chức Hội nghị bàn tròn cấp quốc gia về ĐDSH cho tư nhân và các tổ chức phi Chính phủ, nhằm giúp công chúng có thể chủ động giám sát việc thực thi Chiến lược.

Kế hoạch hành động sẽ là mục tiêu mũi nhọn mà chính quyền bang sẽ tập trung triển khai, vì vậy, họ phải xem xét toàn bộ các ý tưởng bảo tồn ĐDSH. Tuy nhiên, 80 - 90% doanh thu của Nhà nước thông qua việc sử dụng đất và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vì vậy, để thực thi Chiến lược, Malaixia phải tìm ra các giải pháp khác để đa dạng hóa nguồn thu nhập. Nhằm lồng ghép thành công của Chương trình bảo tồn ĐDSH vào các kế hoạch phát triển, cơ quan nhà nước - đặc biệt là các nhà quản lý đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản - phải được đào tạo và nâng cao năng lực chuyên môn.

HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

Quỹ Quốc gia về ĐDSH được thành lập vào năm 2014 với số vốn 10 triệu RM (khoảng 2,43 triệu USD) từ Chính phủ liên bang, do huy động nguồn vốn từ các tổ chức trong khu vực, quốc tế và tư nhân. Các đề xuất khác về tài chính từ nguồn thu dịch vụ chi trả hệ sinh thái (cung cấp nước và gỗ), thuế môi sinh (thuế cacbon) và thuế du lịch. Tuy nhiên, Malaixia cũng lo ngại, áp lực về gia tăng thương mại sẽ tác động đến tiến độ thực hiện kế hoạch Tăng trưởng xanh. Chính phủ kêu gọi, tính bền vững của hệ sinh thái là vì lợi ích của tất cả mọi người, vì vậy, mỗi người dân đóng vai trò nhất định trong việc thực thi Chiến lược. “Quyết định hôm nay của chúng ta sẽ tác động sâu sắc đến thế hệ tương lai của chính chúng ta” là phương châm quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên mà Malaixia hướng tới■

LƯU TRANG

(Tổng hợp từ nre.gov.my & star2.com)

NGÀY QUỐC TẾ VỀ RỪNG

10 sự thật thú vị về rừng

Rừng là một hệ sinh thái mà quần xã cây rừng giữ vai trò quan trọng đối với cuộc sống của con người cũng như môi trường. Rừng che phủ 1/3 diện tích lục địa toàn cầu, đồng thời thực hiện nhiều chức năng, cung cấp các dịch vụ thiết yếu và duy trì sự sống trên hành tinh. Sinh kế của 1,6 tỷ người trên Trái đất đang phải phụ thuộc vào rừng. 75% lưu vực có rừng cấp nước ngọt cho nhân loại trên Trái đất. Rừng cung cấp nước uống cho 1/3 thành phố lớn trên thế giới. Nhằm nâng cao nhận thức tầm quan trọng của rừng, ngày 21/3 được Đại hội đồng Liên hợp quốc chọn làm Ngày quốc tế về rừng. Đây là dịp để các quốc gia nâng cao nhận thức, khuyến khích người dân trong nước có trách nhiệm trong việc bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng bền vững.

RỪNG BAO PHỦ KHOẢNG 4 TỶ HA DIỆN TÍCH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

Rừng bao phủ khoảng 4 tỷ ha, tương đương khoảng 8% tổng diện tích bề mặt Trái đất. Các quốc gia chiếm phần lớn diện tích rừng thế giới gồm: Nga (7,8 triệu km²), Braxin (4,8 triệu km²), Canada (3,1 triệu km²), Mỹ (3 triệu km²), Trung Quốc (1,8 triệu km²) và Cộng hòa Dân chủ Congo (1,8 triệu km²).

RỪNG LÀ “CÁI NÔI” CỦA ĐA DẠNG SINH HỌC

Rừng là nơi cư trú của hơn 50% loài thực vật và động vật trên thế giới. Đa dạng sinh học cao nhất nằm ở rừng nhiệt đới Amazon, đặc biệt là khu vực giáp danh giữa rừng Amazon và dãy núi Andes ở Peru và Ecuador. Đây là nơi sinh sống lý tưởng của hàng triệu loài động, thực vật. Các nhà khoa học cho rằng, có khoảng hơn 500 loài động vật có vú, 175 loài thằn lằn, hơn 300 loài bò sát và 30 triệu loài côn trùng, cùng với khoảng 1/3 loài chim của thế giới hiện đang cư trú tại khu rừng rậm này. Ngoài ra, một số nơi có ĐDSH lớn khác như rừng ở 2 đảo lớn nhất thế giới: Borneo, New Guinea (phía Tây Bắc Nam Mỹ và Trung Mỹ) và các lưu vực sông Congo.

RỪNG CHỨA HÀNG TRĂM TỶ CÂY XANH

Theo các nhà khoa học, các khu rừng trên thế giới chứa hàng trăm tỷ cây xanh. Ước tính đến năm 2015, trong số 3.000 tỷ cây, trong đó có 1.400 tỷ ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, 700 tỷ ở khu vực phương Bắc và 600 tỷ ở vùng ôn đới. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra, 15,3 tỷ cây bị chặt mỗi năm.

RỪNG LƯU TRỮ MỘT LƯỢNG LỚN CACBON

Rừng lưu trữ một lượng lớn cacbon thông qua quá



trình quang hợp của cây xanh, do vậy, khi đốt cháy hoặc chặt cây, lượng cacbon thải vào khí quyển dưới dạng khí CO₂ và khí nhà kính (N₂O, metan và các ôxit nitơ khác). Việc khai thác và đốt rừng nhiệt đới, rừng trên đất than bùn chiếm khoảng 10% các chất khí nhà kính sinh ra từ hoạt động của con người. Do đó, bảo vệ và phục hồi rừng là hoạt động quan trọng để hạn chế biến đổi khí hậu. Theo Tạp chí Khoa học (Nature), các khu rừng nhiệt đới có thể giảm 1/2 lượng khí thải cacbon đáp ứng mục tiêu năm 2050. Bên cạnh đó, rừng đóng một vai trò quan trọng trong việc điều hòa khí hậu, duy trì lượng mưa và thời tiết thông qua quá trình bốc hơi nước, giảm xói mòn và điều tiết dòng chảy, ngăn chặn hạn hán, lũ lụt và cung cấp môi trường sống quan trọng cho hàng triệu loài sinh vật.

THẾ GIỚI MẤT ĐI NHIỀU DIỆN TÍCH RỪNG MỖI NĂM

Theo ước tính, tốc độ rừng toàn cầu mất đi khác nhau tùy thuộc vào địa điểm, phương pháp đo lường và mốc thời gian xác định thiệt hại. Theo khảo sát của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp quốc, mạng lưới rừng tự nhiên mất đi bình quân 6,6 triệu ha mỗi năm trong giai đoạn 2010 - 2015, phần lớn diễn ra ở các vùng nhiệt đới, dẫn đầu là Braxin, Indônêxia và Mianma. Đặc biệt, qua dữ liệu vệ tinh, các nhà khoa học đã ghi nhận được, mức độ mất rừng vào năm 2012 đạt mức kỷ lục, lên tới 24 triệu ha.

MẤT RỪNG CHỦ YẾU LÀ DO CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI

Tác nhân lớn nhất gây ra nạn phá rừng là do hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, khai thác gỗ và cháy rừng. Suy thoái rừng và hoạt động đốt cháy rừng làm cho tình trạng biến đổi khí hậu trở nên trầm trọng, thậm chí ở cả những cánh rừng chưa được ghi nhận có ảnh hưởng đến tình trạng biến đổi khí hậu như Amazon. Nguyên nhân chính của nạn phá rừng ở vùng nhiệt đới là do hoạt động thương mại

hóa, nông nghiệp tự cung tự cấp, bao gồm chăn nuôi gia súc và sản xuất dầu cọ; xây dựng đường phục vụ cho nhu cầu vận chuyển và khai thác gỗ. Trong đó, Nga, Canada và Braxin là các quốc gia mất độ che phủ rừng ở mức cao nhất từ năm 2012 - 2014.

RỪNG ĐANG ĐƯỢC KHÔI PHỤC Ở MỘT SỐ NƯỚC

Nhiều khu rừng rộng lớn đã được tái sinh sau hàng thập kỷ bị hủy diệt ở Bắc Mỹ và châu Âu. Một số quốc gia như Costa Rica và New Zealand còn phát triển mạnh ngành du lịch sinh thái rừng, quyết tâm hướng tới giảm lượng khí thải CO₂ gây hiệu ứng nhà kính xuống mức bằng 0 vào năm 2021 thông qua mục tiêu chuyển đổi nền kinh tế theo hướng hoàn toàn thân thiện với môi trường. Trong khi đó, ở một số quốc gia khác, như Trung Quốc và Rwanda đang tích cực trồng lại rừng để khôi phục lại chức năng của hệ sinh thái.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT RỪNG TỐT HƠN

Thập niên vừa qua đã tạo ra một cuộc cách mạng trong việc giám sát rừng, chủ yếu thông qua hệ thống ứng dụng thông tin từ hàng trăm triệu ảnh vệ tinh cũng như dữ liệu từ mặt đất. Tiêu biểu như, công cụ Theo dõi rừng toàn cầu do Viện Tài nguyên thế giới lập ra nhằm cung cấp dữ liệu, cho phép nhà khoa học, hoạch định chính sách, công ty và tổ chức môi trường theo dõi tình trạng rừng ở các khu vực, từ đó, đưa ra các biện pháp bảo vệ kịp thời. Trên bản đồ, họ sẽ đánh dấu các khu vực rừng được khôi phục (màu xanh) cũng như các khu rừng

đang bị phá hoại (màu hồng). Nhờ công cụ trên, từ năm 2004, Braxin đã giám sát thực thi pháp luật môi trường hiệu quả, đặc biệt là trong việc khai thác gỗ bất hợp pháp.

Ngoài ra, những người quan tâm đến rừng có thể có cái nhìn trực quan hơn về các mối đe dọa đối với nguồn tài nguyên này thông qua bản đồ vệ tinh Google Earth.

NHIỀU KHU RỪNG ĐƯỢC BẢO VỆ TỐT NHẤT LÀ NHỎ NGƯỜI DÂN BẢN ĐỊA

Theo nghiên cứu của Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế về mối quan hệ giữa dân cư bản địa và các khu vực rừng được bảo vệ (năm 2000), ước tính, khoảng 85% khu bảo tồn trên thế giới có người sinh sống, trong số đó, nhiều khu rừng được bảo tồn ở trạng thái tốt nhất. Điều này chứng tỏ, những người dân sống nhờ vào hệ sinh thái rừng để lấy thực phẩm, nước, hay làm nơi trú ẩn có tầm quan trọng nhất định trong việc bảo tồn rừng. Các nghiên cứu cũng cho thấy, khi đất rừng được quản lý tốt, độ che phủ của cây xanh duy trì tốt hơn ở những có cộng đồng dân cư.

1/8 DIỆN TÍCH RỪNG TOÀN CẦU ĐƯỢC QUẢN LÝ VÌ MỤC TIÊU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Theo Liên hợp quốc, khoảng 13% rừng của thế giới, (tương đương 5,24 triệu km²) được quản lý chủ yếu nhằm bảo tồn ĐDSH, đứng đầu là Mỹ (65 triệu ha), Braxin (47 triệu ha), và Mexico (28 triệu ha).

TRUNG THẢO
(Theo mongabay.com)



EDITORIAL COUNCIL

Dr. Nguyễn Văn Tài

(Chairman)

Prof. Dr. Bùi Cách Tuyến

Dr. Nguyễn Thế Đồng

Dr. Hoàng Dương Tùng

Dr. Mai Thanh Dung

Prof. Dr. Đặng Kim Chi

Prof. DrSc. Phạm Ngọc Đăng

Prof. Dr. Nguyễn Văn Phước

Dr. Nguyễn Ngọc Sinh

Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Danh Sơn

Assoc.Prof.Dr. Lê Kế Sơn

Assoc.Prof.Dr. Lê Văn Thắng

Prof. Dr. Trần Thực

Assoc.Prof.Dr. Trương Mạnh Tiến

Prof. Dr. Lê Văn Trình

Prof.Dr. Nguyễn Anh Tuấn

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

OFFICE

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tcbvmt@yahoo.com.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Hùng Temple festival

Photo by: TTXVN

Processed & printed by:

T&V Trade Printed Design Co., Ltd

Nº 3/2016

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [3] GIÁNG HƯƠNG: Promoting international cooperation in waste management and 3R
- [4] HỒNG NHUNG: 7th East Asia Summit high level seminar on environmentally sustainable cities
- [4] HƯƠNG MAI: Strengthening water environment management in river basins
- [5] VŨ NHUNG: Speeding up developing and improving environmental regulations
- [7] P. LINH: Earth hour 2016: Lightning actions for climate change
- [8] BÙI HẰNG: Hùng Temple historical relic site: Promoting national cultural values associated with environmental protection.



LAW - POLICY

- [10] HOÀNG DƯƠNG TÙNG: Air pollution in Việt Nam: A serious issue?
- [13] ĐOÀN THỊ THANH MỸ: Integrated and unified management of seas and islands in Việt Nam for sustainable development
- [15] VŨ NHUNG: Sustainable consumption and production promotes efficient use of natural resources and energy
- [17] NGUYỄN ĐÌNH ANH: Đà Nẵng promoting emulation for developing a green city
- [20] ĐỖ THÁI HÒA: Hà Giang's good performance in environmental protection and proactive responses to climate change
- [22] ĐỨC ANH: Ninh Bình boosting environmental protection in agriculture and rural areas



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [25] PHẠM NGỌC ĐĂNG: Assessing air pollution status and proposing solutions
- [28] ĐẶNG HUY HUỲNH: Need for conservation and sustainable use of Ba Vì National Park – a remarkable natural heritage site of Hà Nội
- [31] PHƯƠNG NGÂN: Need for protecting and conserving Vietnamese marine turtles
- [32] TRẦN LÊ HÀ: Silent forest
- [33] VŨ CÔNG LÂN: Experience in integrated landscape management for policymakers



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [35] TRẦN THU TRANG: Tapioca waste water treatment using biological method
- [36] NGUYỄN THỊ PHƯỢNG: Implementing environmental protection measures to address increasing rural pollution
- [38] PHÙNG THỊ QUỲNH TRANG: Enabling policy and mechanism for application of cleaner production in Việt Nam
- [40] ĐỖ HUYỀN: Applying eco-technology models in rice production in Mekong Delta



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [41] PHƯƠNG TÂM: Coca – Cola Việt Nam: Building trust on environmental and social responsibility
- [42] TRẦN HỮU HẢI: Vedan's high performance in industrial safety, hygiene and fire prevention
- [43] HƯƠNG TRẦN: Giao Long Paper Factory: Saving energy and environmental protection



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [44] MAI HƯƠNG: Việt Nam Natural Museum: achievements after 10 years of operation
- [45] GIA LINH: Na Hang: potential tourism site in Tuyên Quang
- [47] LÊ THƯỜNG: Phú Thọ enhancing forest sustainable management and protection
- [48] T.HẰNG - MINH TÙNG: Increasing forest protection in Hùng Temple
- [49] MINH KHÔI - N.HIỀN: Experience with Miệt Thứ – U Minh
- [50] ĐẶNG THỊ THANH THỦY: Effectiveness of education and communication models on VPA-ELEGT in Middle of Việt Nam



AROUND THE WORLD

- [52] LƯU TRANG: Malaysian National Strategy on biodiversity conservation
- [54] TRUNG THẢO: 10 interesting facts about forests

CÔNG TY TNHH BẢO NGHI

Địa chỉ: Số 5/4, An Hiệp 1, Xã Liên Hiệp, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

Ngành nghề chính:

- Kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng và hàng nông sản.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng các công trình...

*Chào mừng 41 năm
Giải phóng miền Nam 30/4
và Quốc tế Lao động 1/5*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HOÀNG ANH THANH HÓA

Địa chỉ: Thôn Điền Giang, xã Điền Lư, Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Số điện thoại: (037)8.626.222; Fax (037)3.585.111
E-mail: Hath@gmail.com

Công ty Cổ phần thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa là chủ đầu tư hai dự án: Thủy điện Bá Thước 1, thủy điện Bá Thước 2 thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Thủy điện Bá Thước 2 công suất 80 MW, khởi công tháng 6/2009 đến tháng 6/2013 đưa vào vận hành phát điện, điện lượng bình quân năm 291 triệu kWh.

Thủy điện Bá Thước 1 công suất 60 MW, khởi công năm tháng 6/ 2013, đến nay hạng mục Tràn xả cát đã thi công xong, Nhà máy đang vào giai đoạn hoàn thiện, lắp máy. Hạng mục Tràn xả lũ tiến hành thi công 3 ca để vượt lũ tiểu mãn năm 2016.

Với đội ngũ kỹ sư có kinh nghiệm, nhiệt huyết, và lực lượng lao động trình độ cao, đoàn kết, Công ty Cổ phần thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa quyết tâm hoàn thành Tổng tiến độ đề ra, đến tháng 12/2016 phát điện tổ máy số 1, tháng 3/2017 hòa lưới tất cả 4 tổ máy. Cùng với thủy điện Bá Thước 2, Thủy điện Bá Thước 1 khi đi vào vận hành phát điện góp phần quan trọng vào lưới điện quốc gia và khu vực.

Chúc mừng 41 năm giải phóng miền Nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỈ SỢI CAO SU VR.G SA DO

Chào Mừng Kỷ Niệm 41 Năm

Ngày Giải Phóng Miền Nam (30/4/1975 - 30/4/2016)



Sản phẩm: chỉ sợi cao su thiên nhiên

Thương hiệu **VINAFIL**

Dây chuyền: chế tạo tại Ý năm 2014 theo công nghệ phủ bột Talc.

Đạt chứng nhận tiêu chuẩn OEKOTEX 100 của Đức.

Địa chỉ: Lô K5, K6, K7 đường N9A, KCN Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, Đồng Nai

Điện thoại: 0613 772 226 – 188 * *Fax:* 0613 772 353

Email: sales@sado.com.vn * *Website:* www.sado.com.vn

CÔNG TY TNHH XUÂN TƯỜNG

Địa chỉ: Thị trấn Kien Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 091 211 2617 - **FAX:** 03 513 858 433

Giám đốc: Nguyễn Xuân Tường



CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 41 NĂM

NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (30/4/1975 - 30/4/2016)